UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
---------- ☙ ❧ ----------

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 296/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình:	**Cử nhân Kiểm toán**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Kiểm toán**
Mã ngành:	**734.03.02**

NĂM 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 296/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình: **Cử nhân Kiểm toán**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Kiểm toán**
Mã ngành: **734.03.02**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và chính trị - xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kiểm toán, kế toán; có khả năng tham gia thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hay kiểm toán tuân thủ trong doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nhà nước hay kiểm toán nội bộ; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp người học sẽ có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức thực tế sâu, rộng trong lĩnh vực kiểm toán để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kiểm toán để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực kiểm toán.

Có kiến thức về tổ chức, thực hiện và giám sát kết quả hoạt động kiểm toán tại đơn vị. Người học có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành các hoạt động kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động kiểm toán.

Đồng thời người học cũng có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu công việc.

1.2.2. Kỹ năng

** Về kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp*

Người học có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kiểm toán trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực kiểm toán; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền. Có kỹ năng phản biện phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

Có kỹ năng tổ chức, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động kinh tế, đặc biệt hoạt động kiểm toán và kế toán trong đơn vị.

Có kỹ năng giải quyết được các vấn đề kinh tế, tài chính trong thực tế tại đơn vị công tác.

Có kỹ năng sử dụng được thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin cho lĩnh vực kinh tế nói chung và kiểm toán nói riêng phục vụ cho quá trình công tác.

Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu, giao dịch, đàm phán, giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô.

Có kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác.

** Về kỹ năng bổ trợ*

Chương trình đào tạo hướng đến việc trang bị cho người học các kỹ năng tác nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao. Cụ thể người học được trang bị những kỹ năng sau:

Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải.

Có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc chuyển tải phổ biến kiến thức kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. Đồng thời có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

Kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu để rút ra thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định.

Kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác.

Kỹ năng thương lượng, đàm phán với khách hàng trong các hoạt động kinh tế, tài chính, kiểm toán.

1.2.3. Thái độ

Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi tổ chức, thực hiện, hành nghề kiểm toán.

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh

Có thái độ cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.

Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, tập thể.

Có tinh thần học hỏi, trách nhiệm cao trong công việc.

Có tinh thần phê và tự phê, có tinh thần đóng góp trong công việc.

1.2.4. Ví trí làm việc sau tốt nghiệp

Kiểm toán viên trong Cơ quan Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước; kiểm toán viên nội bộ trong các ngân hàng thương mại, tập đoàn kinh tế, công ty niêm yết hay các đơn vị hành chính sự nghiệp. Cán bộ trong cơ quan thanh tra, cơ quan thuế, kho bạc nhà nước.

Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kiểm toán hay kế toán tại các Trường, Học viện, Viện hay Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán, kế toán.

Cán bộ kế toán, tài chính và thuế trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các ngân hàng thương mại, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp, cử nhân ngành Kiểm toán có thể tự tạo lập công ty dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn tài chính để phát triển các cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

1.2.5. Ngoại ngữ

Đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.6. Tin học

Đạt trình độ tin học cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin – Truyền thông và

biết sử dụng thành thạo các phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin, có khả năng tiếp cận sử dụng các phần mềm ứng dụng trong hoạt động kiểm toán.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

C1: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức thực tế sâu, rộng trong lĩnh vực kiểm toán để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kiểm toán để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;

C2: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

C3: Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu công việc.

C4: Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong hoạt động kiểm toán tại đơn vị. Đồng thời có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành các hoạt động kiểm toán.

C5: Có kiến thức quản lý, điều hành liên quan đến lĩnh vực kiểm toán.

2.2. Kỹ năng

C6: Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kiểm toán trong những bối cảnh khác nhau như kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực kiểm toán; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

C7: Có kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác.

C8: Có kỹ năng phản biện, phê phán và thay thế các phương án, phương pháp, quy trình và các nội dung khác trong thực hành kiểm toán trong môi trường thay đổi.

C9: Có kỹ năng làm việc nhóm kiểm toán, đánh giá chất lượng công việc kiểm toán sau khi hoàn thành và hiệu quả làm việc của các thành viên trong nhóm kiểm toán.

C10: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc chuyển tải phổ biến kiến thức kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ kiểm toán cụ thể hoặc các nhiệm vụ kiểm toán phức tạp hơn.

C11: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt nam để dử dụng trong việc nghiên cứu tài liệu, giao tiếp với người nước ngoài và các trường hợp phát sinh liên quan đến việc sử dụng ngoại ngữ trong công việc.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C12: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm kiểm toán trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm kiểm toán, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

C13: Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ kiểm toán xác định.

C14: Có năng lực tự định hướng, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C15: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối quản lý các nguồn lực kiểm toán trong quá trình tổ chức thực hiện kiểm toán. đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kiểm toán trong doanh nghiệp.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: Khối lượng kiến thức phải tích luỹ: 121 Tín chỉ (không kể GDQP và GDTC). Thời gian đào tạo: 3,5 năm đến 4 năm.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá: Theo Quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình

7.1. Nội dung

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
A	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**		**41**		
I	**Lý luận chính trị**		**13**		
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	Người học nắm được lý luận triết học Mác – Lênin, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học; có khả năng vận dụng được lý luận để nhận thức và cải tạo thế giới; có được các phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị vững vàng.	27/18/18/135
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Người học nắm được hệ thống kiến thức kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin; có khả năng tư duy, phân tích và nhận diện được bản chất của các quan hệ kinh tế, xử lý các quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào các quá trình kinh tế quốc tế; sinh viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.	18/12/12/90
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Người học hiểu được lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng tư duy, đánh giá và giải quyết đúng đắn những vấn đề chính trị- xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	18/12/12/90
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2	Người học có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử; có nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng được kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	18/12/12/90
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh; có năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mac – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; lý giải, đánh giá đúng đắn được các hiện tượng xã hội, hiểu rõ cơ sở lý luận, tính khách quan quan, khoa học của các chủ trương,	18/12/12/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; có khả năng rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.	
6	197030	Pháp luật đại cương	2	Người học nắm được kiến thức về những vấn đề cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.	18/12/12/90
II	**Khoa học xã hội**		**08**		
6	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Người học nắm được khái niệm về văn hóa và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hóa Việt Nam ; nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hóa Việt Nam, từ cội nguồn cho đến hiện đại, qua đó nhận thức rõ bản sắc văn hóa dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển của văn hóa Việt Nam.	18/18/6/90
7	156012	Phương pháp nghiên cứu KH KT-QTKD	2	Người học nắm được kiến thức nền tảng về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, kế toán và quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	18/24/-/90
8	***Chọn 1 trong 3 học phần***				
a	123340	Môi trường và con người	2	Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về môi trường và con người, phân biệt được môi trường của con người và môi trường của sinh vật; ứng dụng được những nguyên lý sinh thái học vào nghiên cứu và thực tế; phân tích được mối tương	18/24/-/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				tác giữa các vấn đề dân số, tài nguyên và môi trường; phân tích được hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên hiện nay của Việt Nam; ứng dụng được các nguyên tắc về an toàn, vệ sinh lao động vào thực tế.	
b	196025	Logic học đại cương	2	Người học hiểu được bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng; giới thiệu các quy luật cơ bản của lôgíc hình thức, các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ, trong đó giới thiệu cấu trúc, hình thức, phương pháp, các loại và đặc biệt là các quy tắc lôgíc cho các loại suy luận giúp cho người học nâng cao năng lực tư duy và rút ra những tri thức chân xác.	18/24/-/90
c	181002	Tâm lý học quản lý kinh doanh	2	Người học hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, vai trò và các phương pháp nghiên cứu của môn học; đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại như tâm lý khách hàng và tâm lý của người bán hàng; những phẩm chất, năng lực, phong cách và uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; các vấn đề về mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, kỹ năng, phương tiện và phong cách giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh; các loại hình giao tiếp và nghệ thuật trong đàm phán, kinh doanh; các vấn đề về sử dụng con người trong quản lý kinh doanh như qui luật tâm lý việc sử dụng con người theo khoa học, chế độ sử dụng nhân tài, động viên và phát huy nhân tố con người trong quản lý kinh doanh.	18/24/-/90
9	*Chọn 1 trong 3 học phần*				
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	Người học hiểu được đối tượng nghiên cứu, vai trò, vị trí của kinh tế Việt Nam trong hệ thống kinh tế thế thế giới; những thuận lợi và thách thức. Các đặc điểm về nguồn lực cho phát triển kinh tế Việt	18/24/-/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				Nam: vị trí, tài nguyên thiên nhiên và con người Việt Nam. Tổ chức lãnh thổ các ngành, các vùng kinh tế Việt Nam, sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế ; những định hướng, chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030.	
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	Người học hiểu được quá trình hình thành và phát triển kinh tế của một số nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau cũng như những đặc trưng cơ bản về quá trình hình thành và phát triển kinh tế của các nước (về sự phát triển của quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng như chủ trương, đường lối và các chính sách phát triển kinh tế) đồng thời chỉ ra những bài học kinh nghiệm và xu hướng vận động khách quan của các mô hình kinh tế các quốc gia trong suốt các thời kỳ lịch sử khác nhau.	18/24/-/90
c	196030	Lịch sử các học thuyết KT	2	Người học hiểu được đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn học, hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại để vận dụng các kiến thức vào phân tích xu hướng phát triển của kinh tế.	18/24/-/90
III	**Ngoại ngữ**		**10**		
10	133031	Tiếng Anh 1	4	Người học đạt năng lực bậc 2.2 theo KNLNNVN. Hiểu và thực hành được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); mô tả được đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; khai thác được thông tin bằng	36/24/24/180

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				tiếng Anh trên Internet để phục vụ công việc học tập	
11	133032	Tiếng Anh 2	3	Người học đạt năng lực bậc 3.1 theo KNLNNVN. Theo đó, người học hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; xử lý được một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; viết được đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện được các bài thuyết trình đơn giản; xây dựng được kế hoạch, khai thác và sử dụng được hiệu quả thông tin trên Internet bằng tiếng Anh cho học tập	27/18/18/135
12	133033	Tiếng Anh 3	3	Người học đạt được năng lực tiếng Anh bậc 3.2 theo KNLNNVN. Theo đó, người học hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; viết đoạn được văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện …; xây dựng được kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện được các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy	27/18/18/135
IV	**Toán – Tin học - Khoa học tự nhiên**		**10**		
13	114025	Toán cao cấp	2	Người học hiểu được hệ thống về ma trận, không gian vectơ, hệ phương trình tuyến tính và ánh xạ tuyến tính; tiếp theo là phép tính vi phân và tích phân đối với hàm một biến và nhiều biến; một số phương pháp để giải phương trình vi phân thường; tạo điều kiện cho người học có thể học tốt các môn chuyên ngành.	18/24/-/90
14	173080	Tin học	2	Người học có kỹ năng sử dụng được máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác được các tài nguyên trong mạng Internet; sử dụng được thành thạo các phần mềm, ứng dụng văn phòng một cách hiệu quả để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc	10/-/40/90
15	114005	Xác suất và TK Toán	3	Người học hiểu được khái niệm cơ bản của xác suất, các công thức xác suất, các	27/36/-/135

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
		học		kiến thức về biến ngẫu nhiên và hàm phân phối, một số phân phối thông dụng, các định lý giới hạn. Cũng như các phương pháp chọn mẫu và xử lý số liệu thực nghiệm, các phương pháp ước lượng đối với các tham số, kiểm định các giả thiết thống kê, so sánh tương quan và tìm hàm hồi quy để từ đó người học có thể dự đoán các kết quả.	
16	151090	Lý thuyết MH toán kinh tế	3	Người học có thể áp dụng kiến thức môn học để thiết lập và phân tích các mô hình kinh tế. Đề cập tới mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích kinh tế, hành vi tối ưu của tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi. Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý. Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô để giải các bài toán kinh tế trong thực tiễn.	27/36/-/135
V	**Giáo dục thể chất**		**4**		
	Giáo dục thể chất 1		2	Người học thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào	10/-/40/-
	Giáo dục thể chất 2 *Chọn 1 trong 5 học phần sau:*				
a	Bóng chuyền		2	Người học thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào	-/-/60/-
b	Thể dục AEROBIC		2	Người học thực hiện được các tư thể cơ	/-/-/60/-

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc	
c		Bóng đá	2	Người học thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào	/-/-/60/-
d		Bóng rổ	2	Người học thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào	/-/-/60/-
e		Vovinam – Việt võ đạo	2	Người học thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giảiVovinam phong trào	/-/-/60/-
VI		**Giáo dục quốc phòng an ninh**	**165 t**	Người học hiểu được đường lối quân sự của Đảng: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam. Người học hiểu được công tác quốc phòng, an ninh: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.	165

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				Người học có kỹ năng quân sự và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC): Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.	
B	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**80**		
I	**Kiến thức cơ sở khối ngành**		**18**		
17	197010	Luật kinh tế	2	Người học hiểu được lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam trình tự thủ tục, điều kiện đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã. Khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã. Các hoạt động thương mại, các hoạt động trung gian thương mại, hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại. Việc cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường . Trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trình tự thủ tục giải quyết các tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại Việt Nam và toà án… từ đó có kỹ năng giải quyết công việc tuân thủ pháp luật Kinh tế trong thực hành chuyên môn nghề nghiệp.	18/24/-/90
18	151050	Kinh tế vi mô	3	Người học hiểu được quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy lật giá cả, quy luật cạnh tranh, hành vi của các chủ thể trong một nền kinh tế như người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ, làm thế nào để đạt được mục tiêu kinh tế của họ trong giới hạn về nguồn lực hiện có là nội dung xuyên suốt trong nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế đó. Ngoài ra người học còn hiểu được hoạt động của thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố sản xuất cũng như một số thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Từ đó có kỹ	27/36/-/135

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				năng vận dụng phân tích các vấn đề kinh tế giải quyết các công việc chuyên môn.	
19	151061	Kinh tế vĩ mô	3	Người học hiểu được tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), sản phẩm quốc dân ròng (NNP), thu nhập quốc dân (Y), thu nhập có thể sử dụng (YD). Đồng thời cung cấp cho người học phương pháp để xác định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu để tình toán, phân tích các vấn đề kinh tế.	27/36/-/135
20	152140	Tài chính - Tiền tệ	3	Người học hiểu được bản chất của Tài chính, Tiền tệ, các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Tổ chức tài chính trung gian; Tài chính quốc tế. Người học Trình bày được những kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính tiền tệ; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp liên quan đến hệ thống tài chính tiền tệ của ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng; Phân tích, đánh giá, liên hệ với thực tế các hoạt động kinh tế tài chính và tiền tệ; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới về tài chính và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.	27/36/-/135
21	152048	Nguyên lý thống kê	2	Người học hiểu được hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Từ đó vận dụng tính toán các chỉ tiêu nhằm phân tích hiện tượng kinh tế - xã hội; vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội.	18/18/6/90
22	154025	Marketing căn bản	2	Người học có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động marketing đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh. Người học	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				nêu được bản chất của marketing trong kinh doanh hiện đại, nội dung và quá trình thực hiện marketing trong một tổ chức. Người học có kiến thức thực tế để co thể tổ chức, điều hành hoạt động marketing trong một tổ chức kinh doanh.	
23	153105	Nguyên lý kế toán	3	Người học hiểu được nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của kế toán; Giới thiệu những phương pháp cơ bản của kế toán và vận dụng các phương pháp này vào một số tình huống kế toán cụ thể. Giúp người học hiểu được khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; nêu được các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của trong doanh nghiệp.	27/27/9/135
II	**Kiến thức chung của ngành**		**30**		
24	153085	Kế toán tài chính 1	4	Người học hiểu được quy trình vai trò, nhiệm vụ, nội dung của tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Hiểu được quy trình Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Từ đó vận dụng để thực hành tổ chức, hạch toán các phần hành kế toán trên trong các doanh nghiệp.	36/36/12/180
25	153025	Kiểm toán căn bản	3	Người học hiểu được khái niệm, bản chất, đối tượng của kiểm toán, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát, các phương pháp kiểm toán, trình tự các bước kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán. Từ đó vận dụng thực hiện công tác chuyên môn, có kỹ năng tổ chức kiểm toán tại doanh nghiệp.	27/27/9/135
26	153091	Kế toán tài chính 2	3	Người học hiểu được quy trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm - tiêu thụ thành phẩm; kế toán các khoản đầu tư, kế toán nguồn vốn và lập báo cáo tài chính. Từ đó có khả năng vận dụng và thực hành tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện phân loại, tập hợp đúng các chi phí phát sinh liên quan	27/27/9/135

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				đến công tác tính giá thành sản phẩm, vận dụng phương pháp tính giá thành giản đơn, kế toán các nghiệp vụ liên quan đến nhập - xuất kho thành phẩm, hàng hóa và tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, tăng giảm nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu và lập các báo cáo tài chính theo quy định.	
27	153036	Kế toán HCSN	3	Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán trong các đơn vị HCSN; có khả năng vận dụng và thực hành các phương pháp kế toán như: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán tại các đơn vị HCSN; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu để lập các báo cáo tài chính tại các đơn vị HCSN.	27/27/9/135
28	153084	Kế toán quản trị 1	3	Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn. Từ đó, có khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí và tính được giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp theo nhiều phương pháp khác nhau, nắm được các khái niệm về mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ giữa CP- KL-LN, ứng dụng điểm hòa vốn trong việc ra quyết định kinh doanh trong doanh nghiệp.	27/27/9/135
29	153086	Kế toán quản trị 2	2	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: Phương pháp định giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong doanh nghiệp; Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh; Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh; phân tích biến động chi phí; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận. Từ đó có khả năng vận dụng các phương pháp định giá bán sản phẩm khác nhau trong doanh nghiệp; tổng hợp số liệu, lập định mức và lên dự toán chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				Thông qua việc xác định các chi phí sản xuất kinh doanh người học có khả năng tiến hành phân tích và đưa ra được những giải pháp tối ưu cho DN. Người học có đủ kiến thức để tiến hành phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ theo những phương pháp khác nhau và có thể lập được báo cáo bộ phận.	
30	152030	Phân tích HĐKD	2	Người học hiểu được các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp. Từ đó có kỹ năng thực hiện phân tích hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp, cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của nhà quản lý. Bên cạnh đó, người học có thể vận dụng các kiến thức cơ bản vào học tập nghiên cứu các môn học khác và phục vụ cho viết chuyên đề tốt nghiệp.	18/18/6/90
31	152045	Quản trị tài chính DN 1	3	Người học hiểu được việc quản trị tài sản của doanh nghiệp; Chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp; Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp; Nguồn tài trợ của doanh nghiệp: nguồn tài trợ ngắn hạn và dài hạn; Cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn; KHH tài chính doanh nghiệp. Từ đó, người học có được những kỹ năng cần thiết trong quản trị tài chính nhằm bổ sung các kiến thức cho một số môn học đồng thời làm nền tảng cho sinh viên đi thực tập và đi làm tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng như ngoài tỉnh.	27/27/9/135
32	254051	Quản trị doanh nghiệp 1	2	Người học hiểu được các loại hình doanh nghiệp, các lĩnh vực quản trị DN, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp; Các phương pháp chỉ huy trong QTDN như: Phân cấp, phân quyền, thông tin, quyết định trong quản trị DN, những đặc điểm, tố chất của giám đốc DN; Công tác điều hành trong QTDN như: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, Các phương pháp quản trị DN theo mục tiêu, quá trình và kết quả kinh doanh. Công tác xây dựng và quản trị kết quả sản xuất,	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				kinh doanh trong DN như: Lãi, lỗ, quản trị các chính sách tài chính; và đổi mới trong quản trị DN như quản trị Nhóm, quản trị hành vi, quản trị rủi ro và quản trị tri thức trong doanh nghiệp. Từ đó xây dựng và hoàn thiện kỹ năng quản trị các vấn đề trong DN.	
33	151020	Kinh tế lượng	2	Người học hiểu được kinh tế lượng, phân tích hồi quy, ước lượng và kiểm định giả thiết, phõn tớch kết quả hồi quy trong cỏc mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả. Người học nắm được bản chất, hậu quả, cách phát hiện và biện pháp khắc phục các khuyết tật của mô hình hồi quy. Người học nắm được cơ sở lý luận và các công cụ kỹ thuật trong việc nghiên cứu, xét đoán và kiểm định các vấn đề kinh tế; nghiên cứu các phương pháp phân tích kinh tế lượng và vận dụng chúng vào quá trình xây dựng các lý thuyết kinh tế hiện đại, kiểm định sự phù hợp của các lý thuyết đó trong thực tiễn.	18/18/6/90
34	154011	Khởi sự kinh doanh	2	Người học hiểu được nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường; hình thành ý tưởng kinh doanh; Cung cấp những kiến thức về lập và phân tích báo cáo tài chinh để có thể lập một phương án kinh doanh khả thi; biết cách soạn thảo kế hoạch kinh doanh và sau đó triển khai hoạt động kinh doanh.	18/18/6/90
III	**Kiến thức chuyên sâu của ngành**		**6**		
35	153024	Kiểm toán tài chính 1	2	Người học hiểu được đối tượng, phương pháp nội dung của kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp. Mục tiêu và căn cứ tiến hành hoạt động kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị bao gồm chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua hàng và thanh toán, chu kỳ TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn, chu kỳ tiền lương nhân sự. Từ đó hình thành kỹ năng tổ chức, thực hiện kiểm toán tài chính các chu trình nêu trên.	18/18/6/90
36	153026	Kiểm toán tài chính 2	2	Người học hiểu được các kiến thức cơ bản về mục tiêu và căn cứ tiến hành hoạt động kiểm toán, các khảo sát về kiểm	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị bao gồm chu kỳ hàng tồn kho, chi phí và giá thành, chu kỳ huy động vốn hoàn trả và các chu kỳ khác của doanh nghiệp. Từ đó hình thành kỹ năng tổ chức, thực hiện kiểm toán tài chính các chu trình nêu trên.	
37	153067	Kiểm toán nội bộ	2	Người học năm được khái niệm, nội dung, phương pháp, vai trò, chức năng, quy trình, mối quan hệ giữa KTNB với kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp. Các hình thức tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ, thực hiện KTNB; các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán, lập báo cáo KTNB. Từ đó có khả năng tổ chức, thực hiện, giám sát, đánh giá KTNB trong doanh nghiệp.	18/18/6/90
	Tự chọn		**9**		
38	*Chọn 1 trong 2 học phần*				
A	153015	Kế toán ngân sách xã	3	Người học hiểu được tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu ngân sách xã, chi ngân sách xã, kế toán thanh toán, các quỹ công chuyên dùng của xã phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán. Từ đó, người học có khả năng vận dụng và thực hành những kiến thức cơ bản về kế toán Ngân sách NSX và nghiệp vụ kế toán Ngân sách NSX như: kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu ngân sách xã, chi ngân sách xã, kế toán thanh toán, các quỹ công chuyên dùng của xã phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán.	27/27/9/135
	153135	Tổ chức công tác kế toán	3	Người học có kiến thức thực tế vững chắc, lý thuyết toàn diện chuyên sâu về TCCTKT, từ việc thu nhận, kiểm tra, hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán, nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng và Tổ chức bộ máy kế toán. Từ đó có kỹ năng tổ chức được bộ máy kế toán phù hợp với loại hình doanh nghiệp, biết phân công hướng dẫn các công việc cho nhân viên kế toán, Lập được chứng từ kế	27/27/9/135

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				toán phù hợp với từng nghiệp vụ. Tổ chức luân chuyển chứng từ đến từng bộ phận, có khả năng ghi chép và phản ánh thông tin kế toán vào hệ thống sổ, có khả năng lập các báo cáo kế toán cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.	
39	*Chọn 1 trong 2 học phần*				
A	153028	Kiểm soát nội bộ	2	Người học nắm được kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ, giúp người học đủ khả năng xem xét toàn bộ quy trình kiểm soát hoạt động tại đơn vị. Người học nắm vững những khái niệm cơ bản về KSNB, gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận, hệ thống KSNB theo khung COSO, kiểm soát các chu trình cơ bản trong doanh nghiệp; người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền, chu trình bán hàng – thu tiền, chu trình tiền lương, thu, chi và tồn quỹ, tài sản cố định hữu hình.	18/18/6/90
B	153029	Kiểm soát quản lý	2	Người học hiểu được các kiến thức tổng quan về kiểm soát quản lý, hành vi trong tổ chức, trung tâm trách nhiệm, kiểm soát tính giá chuyển giao, lập dự toán hoạt động, phân tích báo cáo hoạt động kiểm soát quản lý, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý. Từ đó giúp gười học có kiến thức và kỹ năng cần thiết về các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý.	18/18/6/90
40	*Chọn 1 trong 2 học phần*				
A	153031	Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính	2	Người học nắm được những kiến thức sâu rộng cả lý thuyết và thực tế từ khi hoàn thành doanh nghiệp kiểm toán, quảng bá giới thiệu về doanh nghiệp kiểm toán, tiếp nhận khách hàng, thực hành nghiệp vụ, kỹ thuật và thủ tục kiểm toán các bộ phận chủ yếu cấu thành Báo cáo tài chính, các chu kỳ trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Qua đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn công	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				tác kiểm toán sau này.	
B	153032	Kiểm toán NSNN	2	Người học hiểu được các vấn đề chung về kiểm toán, quy trình kiểm toán của Kiểm toán Ngân sách nhà nước, và cụ thể hoạt động kiểm toán các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng vốn từ Ngân sách nhà nước. Kết thúc môn học, người học có khả năng vận dụng các kiến thức này để thực hiện, theo dõi, giám sát quá trình kiểm toán Ngân sách nhà nước và có thể đưa ra các ý kiến tư vấn về mặt chuyên môn gắn với hoạt động Kiểm toán Ngân sách nhà nước.	18/18/6/90
41	*Chọn 1 trong 2 học phần*				
A	153021	Kiểm toán hoạt động	2	Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về kiểm toán hoạt động giúp người học đủ khả năng xem xét toàn bộ quy trình kiểm toán hoạt động tại đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu học phần kiểm toán đặc thù; người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về kiểm toán một số hoạt động cơ bản trong các doanh nghiệp cũng như các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.	18/18/6/90
B	153022	Kiểm toán tuân thủ	2	Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về kiểm toán tuân thủ. Từ đó có kỹ năng kiểm toán mức độ tuân thủ pháp luật và các quy định tại các bộ phận, chuẩn mực, xác định căn cứ trong kiểm toán tuân thủ, tiêu chuẩn đánh giá**;** quy trình kiểm toán tuân thủ; các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán, kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, vị trí kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán hoạt động. Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thu thập bằng chứng, lập quy trình kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán tuân thủ, đồng thời có kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan theo sự hướng dẫn của giáo viên.	18/18/6/90
IV	**Kiến thức bổ trợ tự do**		**6**		
42	*Chọn 1 trong 3 học phần*				
A	152055	Thuế	2	Người học hiểu bản chất của Thuế. Hiểu được những nội dung cơ bản của một số	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				sắc thuế quan trong như Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân. Người học vận dụng để tính và kê khai được số thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ; số thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh, từ tiền lương, tiền công và một số hoạt động cụ thể khác theo quy định mà cơ sở kinh doanh phải nộp cho cơ quan thuế.	
B	152065	Thị trường chứng khoán	2	Người học hiểu được khái niệm, chức năng của thị trường chứng khoán, cơ cấu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán. Chứng khoán và các giao dịch chứng khoán trên thị trường sơ cấp, thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán; Phân tích được hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán; Nắm được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán; Vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các học phần liên quan để phân tích, đánh giá hiệu quả các hoạt động của thị trường chứng khoán: Huy động vốn trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp, đầu tư chứng khoán của các nhà đầu tư.	18/18/6/90
C	152095	Tài chính công	2	Người học hiểu được về tài chính công và quản lý tài chính công. Quản lý chu trình ngân sách Nhà nước ở ba khâu: lập dự toán NSNN, chấp hành dự toán NSNN và quyết toán NSNN; quản lý thu thuế và quản lý thu phí, lệ phí thuộc NSNN; quản lý chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên của NSNN; lý luận cơ bản và việc tổ chức cân đối NSNN; quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách Nhà nước như quỹ dự trữ quốc gia, quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam và quỹ bảo hiểm xã hội. Người học được hình thành một số kỹ năng như: Tính toán mức chi thường	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				xuyên của NSNN cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ, định mức; Xác định mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính; Quản lý tài chính ở các đơn vị sự nghiệp công lập về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính.	
43	*Chọn 1trong 3 học phần*				
A	152020	Nghiệp vụ ngân hàng TM	2	Người học hiểu được tổng quan về nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của NHTM; Các nghiệp vụ cho vay, phương thức cho vay của NHTM; Các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng của khách hàng; qui trình nghiệp vụ huy động vốn, cho vay; Các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng khác: bảo lãnh, tư vấn kinh doanh chứng khoán, ủy thác... Từ đó, hình thành các kỹ năng cơ bản sau: phân tích thị trường, phân tích đặc điểm của từng loại tiền gửi, từng đối tượng khách hàng để tìm ra phương thức huy động vốn phù hợp cho ngân hàng; Kỹ năng tính toán các chi phí huy động vốn, thu nhập từ lãi cho vay để xây dựng chính sách huy động vốn tối ưu, quản lý rủi ro tín dụng; Kỹ năng tư vấn cho khách hàng lựa chọn được phương thức đầu tư, phương thức tài trợ thích hợp.	18/18/6/90
B	152070	Thống kê doanh nghiệp	2	Người học hiểu được phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của các đơn vị có tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Nội dung thông tin cần thu thập gồm toàn bộ các yếu tố nguồn lực và chi phí để tái sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; thị trường đầu vào và đầu ra của đơn vị. Từ đó người học xây dựng phương pháp tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng phát triển và xây dựng chiến lược sản xuất - kinh	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				doanh của các đơn vị. Người học có khả năng tiến hành điều tra, thu thập thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh; Khả năng tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Khả năng lập được bảng cân đối lao động, bảng cân đối tài sản cho doanh nghiệp; Khả năng xác định và phân tích, đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, tổng DT, tổng lợi nhuận, tổng chi phí của doanh nghiệp, từ đó giúp DN xác định đúng đắn năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh để tìm ra giải pháp tốt nhất để hội nhập và chiếm lĩnh thị trường.	
C	152000	Bảo hiểm	2	Người học hiểu được khái niệm, nội dung, các nguyên tắc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm và của một số nghiệp vụ cơ bản về bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm con người. Trang bị các phương pháp xử lý rủi ro của một số nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm dân sự khi có các sự kiện bảo hiểm xảy ra. Các nguyên tắc và mục đích của một số loại hình bảo hiểm nhân thọ cơ bản để từ đó người tham gia có thể lựa chọn các dịch vụ bảo hiểm nhân thọ phù hợp. Người học có thể thực hiện các công việc liên quan; Tư vấn, giới thiệu, chào bán những sản phẩm bảo hiểm; Thu phí bảo hiểm theo quy định đồng thời sát sao và có trách nhiệm đối với các hợp đồng do mình đã ký kết với khách hàng; Tiến hành trích lập dự phòng phí bảo hiểm theo nghiệp vụ và quy định của luật kinh doanh bảo hiểm; Xác minh, điều tra đối với các rủi ro bất thường xảy ra trong thời hạn hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm thương mại.	18/18/6/90
44	*Chọn 1trong 3 học phần*				
A	151065	Kinh tế đầu tư	2	Người học hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp. Từ đó người học có khả năng lập 1 dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, thẩm định về mặt tài chính	18/18/6/90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				của dự án. Đánh giá hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, đầu tư quốc tế và đầu tư công của địa phương và Việt Nam.	
B	151040	Kinh tế quốc tế	2	Người học hiểu được những kiến thức cơ bản có tính qui luật về sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các nước; Sự trao đổi hàng hoá và dịch vụ; sự di chuyển nguồn lực quốc tế; vấn đề nợ nước ngoài; cán cân thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó Người học có khả năng vận dụng kiến thức phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Nhận biết được các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại; thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, chuyển khẩu, gia công quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích được các tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương; Biết cách kinh doanh ngoại hối dựa trên các nghiệp vụ của thị trường và quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.	18/18/6/90
C	151005	Kinh tế các ngành	2	Người học hiểu được đặc điểm, vai trò của các ngành, cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu ngành. Mục tiêu và phương hướng phát triển các ngành kinh tế của Đảng Nhà nước; Đặc điểm vai trò các nguồn lực (Vốn, Lao động, KHCN, TNTN) trong việc phát triển kinh tế. Giới thiệu một số hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Cung cấp một số phương pháp xét hiệu quả kinh tế trong việc lựa chọn phương án đầu tư hoạt động SXKD. Người học xây dựng được một cách cơ bản về định hướng phát triển các ngành trong nền kinh tế, vận dụng kiến thức quản lý để quản lý tốt hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài nguyên, lao động trong sản xuất kinh doanh. Từ các bài tập tình huống giả định, người học vận dụng tính được hiệu quả kinh tế trong các ngành và quyết định được phương án đầu tư.	18/18/6/90
V	**Thực tập, Khoá luận**		**11**		

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
	tốt nghiệp / Học phần thay thế KLTN				
45	153130	Thực tập tốt nghiệp	5	Vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào thực tiễn vào việc xây dựng và vận hành kiểm soát nội bộ cũng như tổ chức và thực hiện kiểm toán tại đơn vị thực tập; Hiểu và thực hành được việc xây dựng KSNB, tổ chức và thực hiện các hoạt động kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ tại đơn vị thực tập. Đưa ra được những ý kiến kiểm toán, tư vấn thông qua các kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động được kiểm toán, kiểm soát tại đơn vị thực tập.	-/-/150/225
46	153099	Khoá luận tốt nghiệp	6	Vận dụng kiến thức đã được truyền đạt nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm toán, phản ánh thực trạng việc thiết kế vận hành các hoạt động kiểm soát, tổ chức và thực hành kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức. Kết hợp lý luận và thực tiễn nhằm đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp hoàn thiện KSNB cũng như kiểm toán tại đơn vị.	-/180/-/270
	Học phần thay thế KLTN				
47	153033	Lập và Phân tích BCTC	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích của BCTC, kỳ lập, thời hạn nộp, nơi nhận BCTC, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành và phương pháp lập, phân tích BCTC. Giúp người học đủ khả năng phân tích đánh giá và tư vấn cần thiết cho chủ đơn vị về BCTC phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn, đồng thời làm cơ sở nghiên cứu các học phần tiếp theo.	27/27/9/135
48	153034	Thực hành kiểm toán	3	Người học hiểu được các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán doanh nghiệp; các kỹ năng cơ bản để vận dụng trong công tác kiểm toán nói chung và thực hành thành thạo các nghiệp vụ kiểm toán trong các khoản mục tiền, hàng tồn kho, tiền lương, tài sản cố định nói riêng. Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về ghi chép, sắp xếp, lưu trữ giấy tờ làm việc, tổ chức hồ	27/27/9/135

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được	Khối lượng kiến thức (LT/TL/TH/ Tự học)
				sơ kiểm toán trên cơ sở các tài liệu của các công ty kiểm toán thực tế, biết cách tổ chức, phối hợp, trao đổi làm việc trong nhóm kiểm toán; Đồng thời, có kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu các vấn đề cơ bản của một số phần hành kiểm toán cơ bản khi làm việc với tư cách là trợ lý kiểm toán viên.	
		Tổng	**121**		

7.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Môn học	Chuẩn đầu ra của CTĐT														
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
Triết học Mác-Lênin	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0
Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0
Tư tưởng HCM	3	1	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0
Pháp luật đại cương	2	3	0	1	0	0	2	2	2	0	0	1	0	0	0
Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2
Phương pháp NCKH chuyên ngành kinh tế và QTKD	0	0	0	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	3	1
Môi trường và con người	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2
Logic học đại cương	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2
Tâm lý học quản lý KD	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2
Địa lý kinh tế Việt Nam	1	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2
Lịch sử kinh tế quốc dân	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2
Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	2
Tiếng Anh 1	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2
Tiếng Anh 2	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2
Tiếng Anh 3	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2
Toán cao cấp	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1
Tin học	0	0	3	1	1	1	1	1	1	3	3	2	2	1	2
Xác suất thống kê	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1
Lý thuyết mô hình toán KT	0	0	0	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	1	1
Giáo dục thể chất	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Giáo dục quốc phòng	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1
Luật kinh tế	2	0	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1
Kinh tế vi mô	2	1	1	3	1	1	2	1	1	2	1	1	1	3	1
Kinh tế vĩ mô	2	1	1	3	1	1	2	1	2	2	1	1	1	3	1
Tài chính tiền tệ	0	0	1	2	2	1	2	2	2	1	1	1	2	1	1
Nguyên lý thống kê	0	0	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1
Marketing căn bản	0	0	1	2	2	3	2	2	2	1	1	3	2	3	1

Môn học	Chuẩn đầu ra của CTĐT														
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
Nguyên lý kế toán	0	0	1	2	1	1	2	1	2	2	1	1	1	1	2
Kế toán tài chính 1	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kiểm toán căn bản	0	0	2	2	3	3	2	3	3	2	1	2	2	2	2
Kế toán tài chính 2	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2
Kế toán HCSN	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2
Kế toán quản trị 1	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2
Kế toán quản trị 2	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2
Phân tích hoạt động kinh doanh	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	2	2
Quản trị tài chính DN 1	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Quản trị doanh nghiệp 1	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kinh tế lượng	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Khởi sự kinh doanh	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kiểm toán tài chính 1	0	0	2	2	3	3	2	2	3	2	1	3	2	2	2
Kiểm toán tài chính 2	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kiểm toán nội bộ	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kế toán ngân sách xã	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Tổ chức CTKT	0	0	2	2	3	3	3	2	3	2	1	2	3	2	3
Kiểm soát nội bộ	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kiểm soát quản lý	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Tổ chức quá trình kiểm toán	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kiểm toán NSNN	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kiểm toán hoạt động	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kiểm toán tuân thủ	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Thuế	0	0	0	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Thị trường chứng khoán	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Tài chính công	2	1	1	3	1	1	2	1	1	2	1	1	1	3	1
Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	1	1	3	1	1	2	1	2	2	1	1	1	3	1
Thống kê doanh nghiệp	0	0	1	2	2	1	2	2	2	1	1	1	2	1	1
Bảo hiểm	0	0	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1
Kinh tế đầu tư	0	0	1	2	2	3	2	2	2	1	1	3	2	3	1
Kinh tế quốc tế	0	0	2	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Kinh tế các ngành	0	0	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Lập và Phân tích BCTC	0	0	2	2	3	3	3	2	3	2	1	3	2	3	2
Thực hành kiểm toán	0	0	2	2	3	3	2	2	2	3	1	3	2	2	2
Thực tập tốt nghiệp	1	1	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ TC				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý
				LT	BT, TL	TH	Tự học			
A	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**		**41**							
I	**Lý luận chính trị**		**13**							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	-	135	-	1	Ng.lý
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18	-	90	1	2	Ng.lý
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	-	90	1,2	3	Ng.lý
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2	21	18	-	90	1,2,3	4	Đường lối
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	-	90	-	4	Tư tưởng
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	-	3	Pháp luật
II	**Khoa học xã hội**		**08**							
7	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90	-	1	VN học-du lịch
8	156012	Phương pháp nghiên cứu KH KT-QTKD	2	18	24	-	90	22,34	6	TK-Toán KT
9	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
a	125105	Môi trường và con người	2	18	24	-	90	-	1	Địa lý tự nhiên- Môi trường
b	196025	Logic học đại cương	2	18	12	12	90	-	1	Ng.lý
c	181002	Tâm lý học quản lý kinh doanh	2	18	20	4	90	-	1	TLGD
10	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	18	24	-	90	-	1	Địa lý
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	18	24	-	90	-	1	Ktế
c	196030	Lịch sử các học thuyết KT	2	18	24	-	90	-	1	Ng.lý
III	**Ngoại ngữ**		**10**							
11	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	-	1	NN. Kchuyên
12	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	11	2	NN. Kchuyên
13	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	12	3	NN. Kchuyên
IV	**Toán - Tin học - Khoa**		**10**							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ TC				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý
				LT	BT, TL	TH	Tự học			
	học tự nhiên									
14	114025	Toán cao cấp	2	18	24	-	90	-	1	Toán ƯD
15	173080	Tin học	2	10	-	40	90	-	1	Tin học
16	114005	Xác suất và TK Toán học	3	27	36	-	135	14	2	Toán ƯD
17	151090	Lý thuyết MH toán kinh tế	3	27	36	-	135	19	5	TK- Toán KT
V	**Giáo dục thể chất**		**4**							
18	Giáo dục thể chất 1		2	10	0	40		-	1	Lý luận và PP GD GDTC
19	*Giáo dục thể chất 2* *Chọn 1 trong 5 học phần sau:*		2	0	0	60		1	2	
a	Bóng chuyền		2	0	0	60			2	Điền kinh TD
b	Thể dục AEROBIC		2	0	0	60			2	Điền kinh TD
c	Bóng đá		2	0	0	60			2	Bóng
d	Bóng rổ		2	0	0	60			2	Bóng
e	Vovinam - Việt võ đạo		2	0	0	60			2	Bóng
VI	**Giáo dục quốc phòng an ninh**		**165t**					-		**TT.GDQP**
B	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**80**							
I	**Kiến thức cơ sở khối ngành**		**18**							
18	197010	Luật kinh tế	2	18	24	-	90	6	4	TT-PL
19	151050	Kinh tế vi mô	3	27	36	-	135	2	2	Kinh tế
20	151061	Kinh tế vĩ mô	3	27	36	-	135	2	3	Kinh tế
21	152140	Tài chính - Tiền tệ	3	27	36	-	135	19, 20	3	TCNH
22	152048	Nguyên lý thống kê	2	18	18	6	90	14	2	TK-TKT
23	154025	Marketing căn bản	2	18	18	6	90	19	4	QTKD
24	153105	Nguyên lý kế toán	3	27	27	9	135	2	2	KTQT
II	**Kiến thức chung của ngành**		**30**							
25	153085	Kế toán tài chính 1	4	36	36	12	180	24	3	KTTC
26	153025	Kiểm toán căn bản	3	27	27	9	135	27	5	KTTC
27	153091	Kế toán tài chính 2	3	27	27	9	135	25	4	KTTC
28	153058	Kế toán HCSN	3	27	27	9	135	24	5	KTQT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ TC				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý
				LT	BT, TL	TH	Tự học			
29	153084	Kế toán quản trị 1	3	27	27	9	135	24	5	KTQT
30	153086	Kế toán quản trị 2	3	27	27	9	135	29	6	KTQT
31	152030	Phân tích HĐKD	2	18	18	6	90	27	6	KTQT
32	152045	Quản trị tài chính DN 1	3	27	36	-	135	21	4	TCNH
33	254051	Quản trị doanh nghiệp 1	2	18	18	6	90	23	5	QTKD
34	151020	Kinh tế lượng	2	18	18	6	90	16,19, 20	4	TK-Toán KT
35	154015	Khởi sự kinh doanh	2	18	18	6	90	33	6	QTKD
III	**Kiến thức chuyên sâu của ngành**		**6**							
36	153024	Kiểm toán tài chính 1	2	18	18	6	90	26	6	KTTC
37	153026	Kiểm toán tài chính 2	2	18	18	6	90	26	7	KTTC
38	153067	Kiểm toán nội bộ	2	18	18	6	90	26	6	KTTC
	Tự chọn		**9**							
39	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153015	Kế toán ngân sách xã	3	27	27	9	135	24	7	KTQT
b	153135	Tổ chức CTKT	3	27	27	9	135	27	7	KTQT
40	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153028	Kiểm soát nội bộ	2	18	18	6	90	26	7	KTTC
b	153029	Kiểm soát quản lý	2	18	18	6	90	26	7	KTTC
41	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153031	Tổ chức quá trình kiểm toán	2	18	18	6	90	26	7	KTTC
b	153032	Kiểm toán NSNN	2	18	18	6	90	26	7	KTTC
42	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153021	Kiểm toán hoạt động	2	18	18	6	90	26	7	KTTC
b	153022	Kiểm toán tuân thủ	2	18	18	6	90	26	7	KTTC
IV	**Kiến thức bổ trợ tự do**		**6**							
43	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
a	152055	Thuế	2	18	18	6	90	21	5	TCNH
b	152065	Thị trường chứng khoán	2	18	18	6	90	32	5	TCNH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ TC				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý
				LT	BT, TL	TH	Tự học			
c	152095	Tài chính công	2	18	18	6	90	21	5	TCNH
44	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
a	152020	Nghiệp vụ ngân hàng TM	2	18	18	6	90	32	6	TCNH
b	152070	Thống kê doanh nghiệp	2	18	18	6	90	22	6	TK-TKT
c	152000	Bảo hiểm	2	18	18	6	90	21	6	TCNH
45	*Chọn 1trong 3 học phần*									
a	151065	Kinh tế đầu tư	2	18	24	-	90	19	7	Kinh tế
b	151040	Kinh tế quốc tế	2	18	24	-	90	19	7	Kinh tế
c	151005	Kinh tế các ngành	2	18	24	-	90	19	7	Kinh tế
V	**Thực tập, KLTN/Học phần thay thế KLTN**		**11**							
46	153130	Thực tập tốt nghiệp	5	-	-	150	225		8	KTTC
47	153099	Khoá luận tốt nghiệp	6	-	180	-	270		8	KTQT
	Học phần thay thế KLTN									
48	153033	Lập và Phân tích BCTC	3	27	27	9	135	24	8	KTQT
49	153034	Thực hành kiểm toán	3	27	27	9	135	37	8	KTTC
		Tổng	121							

9. Đề cương học phần

9.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN

- Số tín chỉ: 3 (32,26)
- Mã học phần: 16055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Nguyên lý.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.
- Năng lực đạt được: Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Về kiến thức: Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triểnvà vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường DVBC và phương pháp luận biện chứng duy vật.
- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo;
- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (9LT:08TL)

1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1.1. Khái lược về triết học

1.2. Vấn đề cơ bản của triết học

1.3. Biện chứng và siêu hình

2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mac – Lênin

2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mac – Lênin

2.3. Vai trò của triết học Mac – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (9LT:08TL)

1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất

1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật

2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng

3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức

3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức

3.5. Tính chất của chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (14LT:10TL)

1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội

1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp
2.2. Dân tộc
2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại
3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI
3.1. Nhà nước
3.2. Cách mạng xã hội
4. Ý THỨC XÃ HỘI
4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội
5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI
5.1. Khái niệm con người và bản chất con người
5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người
5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò cảu quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử
5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam
4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính:
9.1. Giáo trình chính:
1. Bộ Giáo dục & ĐT, Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2019
9.2. Sách tham khảo:
2. Bộ Giáo dục & ĐT, Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013
3. Bộ Giáo dục & ĐT, Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2007
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016.

9.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊ NIN

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
- Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- ***Về kiến thức:*** Khái quát lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; Giá trị thặnng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay; Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN (4LT:3TL)

I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chủ nghĩa trọng thương
2. Chủ nghĩa trọng nông
3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh
4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin
2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chức năng nhận thức
2. Chức năng thực tiễn
3. Chức năng tư tưởng
4. Chức năng phương pháp luận

Chương 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Lý luận của C.Mác về hàng hóa

1.Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hoá

2. Hàng hoá

3. Tiền tệ

II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

1. Thị trường

2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường

Chương 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư.

1. Công thức chung của tư bản

2. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

3. Sản xuất giá trị thặng dư

4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến

5. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

6. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

II. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

1.Tuần hoàn của tư bản

2. Chu chuyển của tư bản

3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Tích luỹ tư bản

1. Thực chất của tích luỹ tư bản và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy tư bản

2. Quy luật chung của tích lũy tư bản

IV. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

2. Lợi nhuận bình quân

3. Các hình thái tư bản và lợi nhuận của chúng

Chương 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền

2. Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản

2. Giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản

3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM (3LT:3TL)

I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

III. Các quan hệ lợi ích ở Việt nam

1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế

2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích

Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (3LT:3TL)

I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD & ĐT (2019), Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Nxb CTQG.

9.2. Sách tham khảo:

2. Bộ GD & ĐT (2006), Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Nxb CTQG.

9.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích,

yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
- Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Người học có được kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKH, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Người học có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (4LT:0TL)

1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKH

3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (3LT:3TL)

1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sửa của giai cấp công nhân

1.3. Những điều kiện và quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.

2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT:3TL)

1. Chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái KT-XH cộng sản chủ nghĩa.

1.2. Điều kiện ra đời của CNXH

1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH

2. Thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH

2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH

3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.1. Quá độ lện CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

3.2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (3LT:3TL)

1. Dân chủ và dân chủ XHCN

1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN.

2.2. Mối quan hệ giữa XHCN và nhà nước XHCN

3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam

3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá đọ lên XHCN ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH

1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc

1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo

2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước hiện nay

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT:3TL)

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

1.3 Chức năng cơ bản của gia đình

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

2.3. Cơ sở văn hóa

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ kên CNXH

3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD & ĐT (2013), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb CTQG.

2. Bộ GD & ĐT (2019), Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb CTQG.

9.2. Sách tham khảo:

3. Bộ GD & ĐT (2003), Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb CTQG.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016), Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, Nxb CTQG

9.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 199030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng CSVN và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Năng lực đạt được: Người học nắm được phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học, qua đó giúp sinh viên nâng cao nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, sinh viên có khả năng vận

dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học, qua đó giúp sinh viên nâng cao nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (6LT:5TL)

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.2. Phạm vi nghiên cứu

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

2.2. Nhiệm vụ của môn học

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1. Phương pháp luận

3.2 Các phương pháp cụ thể

Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) (6LT:5TL)

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

1.1.1. Bối cảnh lịch sử

1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935

1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939

1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975) (6LT:5TL)

2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954
2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ
2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)
2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965
2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975
2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975
Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) (3LT:3TL)
3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)
3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981
3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986
3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)
3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996
3.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-2018
3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính:
9.1. Giáo trình chính:
1. Bộ GD&ĐT (2019), Lịch sử Đảng CSVN, Nxb CTQG.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn (2018), Lịch sử Đảng CSVN, Nxb CTQG
9.2. Sách tham khảo:
3. Đảng CS Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng toàn tập, Nvb CTQG.

9.5. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
- Số tín chỉ: 2 (21, 18)

- Mã học phần: 197035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lenin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về: Khái niệm Tư tưởng HCM, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Các nội dung chủ yếu của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.
- Năng lực đạt được: Người học nắm vững khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM, các quá trình hình thành phát triển TTHCM; phân tích được các nội dung chủ yếu của TTHCM, vận dụng được các vấn đề về về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
- Trình bày được những kiến thức có tính hệ thống về những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam: Về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, Nhà nước, về CNXH, và quá độ lên CNXH, về đoàn kết dân tộc và quốc tế, về dân chủ.
- Trình bày được những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Xây dựng được tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng vận dụng vào thực tiễn, giải quyết tốt những vấn đề biến đổi trong thực tiễn đặt ra.

Vận dụng được lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2LT: 0TL)

1. Đối tượng nghiên cứu

1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu:

2.1. Cơ sở phương pháp luận.

2.2. Các phương pháp cụ thể.

3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác.

3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

Chương 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2LT: 2TL)

1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1. Cơ sở khách quan

1.1.2. Nhân tố chủ quan

1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

1.2.2. Thời kỳ từ năm 1911-1920 Tìm con đường cứu nước giải phóng dân tộc

1.2.3. Thời kỳ từ năm 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng VN.

1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường CM.

1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.

1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (2LT: 0TL)

2.1. Tư tưởng Hồ Chí minh về vấn đề dân tộc

.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.

2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

2.2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.

2.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường CM vô sản.

2.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

2.2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.

2.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

2.2.6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường CM bạo lực.

Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (2LT: 2TL)

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.1.2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.

3.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về động lực của CNXH ở Việt Nam.

3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.2.1. Con đường.

3.2.2. Biện pháp.

Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CS VIỆT NAM (2LT:6TL)

4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CSVN

4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng CSVN trong sạch, vững mạnh

4.2.1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (2LT: 4TL)

5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

5.1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.

5.1.3. Hinh thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

5.2.1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.
5.2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.
5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN (4LT, 4TL)

6.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

6.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ
6.1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội.
6.1.3. Thực hành dân chủ.

6.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

6.2.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.
6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.
6.2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.
6.2.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

Chương 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI (5LT:6TL)

7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

7.1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.
7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.
7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

7.3.1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người.
7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011.

9.2. Sách tham khảo:

2. Hội đồng Trung ương biên soạn, Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB CTQG, Hà Nội 2003

3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ III, NXB ST HN 1960.
4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, NXB ST HN 1986.
5. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VII, NXB ST HN 1991.
6. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VIII, NXB ST HN 1996.
7. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ IX, NXB ST HN 2001.
8. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ X, NXB ST HN 1906.

9.6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản nhất, mang tính lý luận chung nhất về Nhà nước và Pháp luật như: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước và pháp luật, những hiểu biết sâu sắc về cơ sở, hiện tượng pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, thực hiện pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Góp phần làm cơ sở giúp sinh viên có nền tảng vững chắc về kiến thức pháp lý cơ bản để nghiên cứu luật chuyên ngành; các quy định của Pháp luật về cơ cấu, tổ chức, vị trí, tính chất, chức năng bộ máy Nhà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực kinh tế - Chính trị - Văn hoá, giáo dục… Quyền và nghĩa vụ của cán bộ công chức, thế nào là quản lý hành chính, vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính, những quan hệ dân sự như hợp đồng dân sự, thừa kế, kết hôn, ly hôn quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái. Tội phạm và hình phạt theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Các quy định của luật lao động về hợp đồng lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương…
- Năng lực đạt được: Người học nắm vững các vấn đề liên quan đên pháp luật, nhà nước, hiểu biết sâu sắc về cơ sở, các hiện tượng pháp lý cơ bản để nghiên cứu luật chuyên ngành.

2. Mục tiêu học phần:

2.1.1. Về kiến thức:

- Phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật.
- Trình bày được những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2.Về kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư.
- Vận dụng được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Tổ chức được các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3. Về thái độ:

- Biết tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật;

- Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC (2LT:3TL)

1.1. Nguồn gốc nhà nước.

1.1.1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.

1.1.2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

1.2. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1.2.1. Bản chất của nhà nước.

1.2.2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.

1.2.3. Chức năng của nhà nước.

1.3. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1.3.1. Bản chất nhà nước CHXHCN việt Nam.

1.3.2. Chức năng của nhà nước ta.

Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT (2LT:3TL)

2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

2.1.1. Nguồn gốc của pháp luật.

2.1.2. Bản chất của pháp luật.

2.2. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.

2.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật

2.2.2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

2.3. Hình thức pháp luật.

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Các hình thức pháp luật.

2.4. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.

2.4.1. Quy phạm pháp luật.

2.4.2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.

2.5. Quan hệ pháp luật.

2.5.1. Khái niệm quan hệ pháp luật.

2.5.2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

2.6. Thực hiện pháp luật.Vi phạm pháp luật.Trách nhiệm pháp lý.

2.6.1. Thực hiện pháp luật.

2.6.2. Vi phạm pháp luật.

2.6.3. Trách nhiệm pháp lý.

2.7. Pháp chế XHCN.

2.7.1. Khái niệm.

2.7.2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.

2.7.3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN.

Chương 3: LUẬT HIẾN PHÁP (2LT:3TL)

3.1. Khái quát chung về luật hiến pháp.

3.1.1. Định nghĩa Luật hiến pháp.

3.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

3.2. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

3.2.1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn việt Nam

3.2.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta

3.2.3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước

3.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

3.3.1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế - xã hội

3.3.2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị
3.3.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về văn hóa, giáo dục
3.3.4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về tự do dân chủ và tự do cá nhân

Chương 4: LUẬT HÀNH CHÍNH (2LT:3TL)

4.1. Khái quát chung về luật hành chính.
4.1.1. Định nghĩa Luật hành chính
4.1.2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính
4.2.1. Quan hệ pháp luật hành chính
4.2.2. Trách nhiệm hành chính

4.3. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính
4.3.1. Định nghĩa vi phạm hành chính
4.3.2. Xử lý vi phạm hành chính

4.4. Cán bộ, công chức.Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.
4.4.1. Khái niệm cán bộ, công chức
4.4.2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

Chương 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (2LT:3TL)

5.1. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng
5.1.1. Khái niệm tham nhũng
5.1.2. Đặc điểm của tham nhũng
5.1.3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

5.2. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng
5.2.1. Nguyên nhân khách quan
5.2.2. Nguyên nhân chủ quan

5.3. Tác hại của tham nhũng
5.3.1. Chính trị
5.3.2. Kinh tế
5.3.3. Xã hội

5.4. Các biện pháp phòng chống tham nhũng
5.4.1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
5.4.2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

Chương 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (3LT:3TL)

A. Luật dân sự.

6.1. Khái quát chung về luật dân sự.
6.1.1. Định nghĩa luật dân sự
6.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

6.2. Nội dung cơ bản của luật dân sự.
6.2.1. Quyền sở hữu
6.2.2. Thừa kế.
6.2.3. Hợp đồng và trách nhiệm dân sự.

B. Luật hôn nhân và gia đình

6.3. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.
6.3.1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
6.3.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

6.4. Nội dung cơ bản.
6.4.1. Kết hôn.
6.4.2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
6.4.3. Chấm dứt hôn nhân.

Chương 7: LUẬT HÌNH SỰ (2LT:3TL)

7.1. Khái quát chung về luật hình sự.

7.1.1. Định nghĩa Luật hình sự

7.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

7.2. Tội phạm.

7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.

7.2.2. Phân loại tội phạm.

7.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

7.3.1. Hình phạt.

7.3.2. Các biện pháp tư pháp khác

Chương 8: LUẬT LAO ĐỘNG (3LT:3TL)

8.1. Khái quát chung về luật lao động.

8.1.1. Định nghĩa luật lao động

8.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

8.2. Những nội dung cơ bản.

8.2.1. Hợp đồng lao động.

8.2.2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

8.2.3. Công đoàn.

8.2.4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

8.2.5. Tiền lương và phụ cấp

8.2.6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1 Học liệu bắt buộc:

1. Lê Minh Tâm, (2010).*Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb CAND.

2. Lê Minh Toàn, (2010). *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị QG

3. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)

9.2. Học liệu tham khảo:

4. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) (2009). Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

9.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Mã học phần: 121005

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Xã hội học – Khoa xã hội, Trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức liên ngành để thấy được những yếu tố là điều kiện cơ sở hình thành và phát triển nền văn hoá Việt Nam; một số khái niệm về văn hóa và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hóa Việt Nam
- Năng lực đạt được: Người học nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hóa Việt Nam, từ cội nguồn cho đến hiện đại, qua đó nhận thức rõ bản sắc văn hóa dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển của văn hóa Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.
- Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.
- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

3. Nội dung học phần

Chương 1: VĂN HOÁ - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN (4LT:4TL)

1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1.1.1. Khoa học về văn hoá có nhiều ngành

1.1.2. Văn hoá học ra đời phân ra các ngành: Lịch sử văn hoá, Lý luận văn hoá, Địa lý văn hoá, Cơ sở văn hoá, Văn hoá ứng dụng và phát triển…

1.1.3. Những thuật ngữ thường dùng trong bộ môn văn hoá học

1.2. Văn hoá

1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá

1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá

1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

1.3. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá

1.3.1. Cấu trúc

1.3.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

1.4 Định vị văn hoá Việt Nam

1.4.1. Không gian văn hoá Việt Nam

1.4.2. Thời gian văn hoá Việt Nam

1.4.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

Chương 2: TIẾN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM (2LT:2TL)

2.1. Tiến trình văn hoá Việt Nam

2.1.1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử

2.1.2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử

2.1.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

2.1.4. Thời kỳ phong kiến too chủ (Đại Việt)

2.1.5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc

2.1.6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

2.2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

Chương 3: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM (2LT:4TL)

3.1. Các vùng văn hóa Việt Nam

3.1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá

3.1.2. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam

3.2. Khái niệm vùng văn hoá

3.2.1. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam

3.2.2. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ

3.2.3. Vùng văn hoá Việt Bắc

3.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ

3.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ

3.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ

3.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên

3.7. Vùng văn hoá Nam bộ

Chương 4: VĂN HOÁ NHẬN THỨC (2LT:2TL)

4.1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á

4.2. Triết lí âm dương

4.2.1. Nguyên lý âm dương

4.2.1. Sự thẩm thấu của triết lý âm dương trong văn hoá Việt Nam

4.3. Tam tài - ngũ hành

4.4. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

Chương 5: VĂN HOÁ TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG (2LT:2TL)

5.1. Tổ chức nông thôn

5.1.1. Các hình thức tổ chức nông thôn

5.1.2 . Đặc điểm của làng Việt

5.2. Tổ chức quốc gia

5.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội

5.2.2. Bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam và luật nước

5.2.3. Các tầng lớp trong xã hội Việt Nam truyền thống

5.3. Tổ chức đô thị

5.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia

5.3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn

5.3.3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống

Chương 6: VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO (2LT:4TL)

6.1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

6.2. Tín ngưỡng

6.2.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

6.2.2. Tín ngưỡng thờ thần

6.2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lí mẹ của văn hoá Việt Nam

6.2.4. Tín ngưỡng phồn thực

6.3. Tôn giáo.

6.3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam

6.4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

Chương 7: VĂN HOÁ ẨM THỰC, VĂN HOÁ MẶC, Ở VÀ ĐI LẠI

(2LT:2TL)

7.1. Văn hoá ẩm thực

7.1.1. Cơ cấu bữa ăn

7.1.2. Cách chế biến món ăn

7.1.3. Cách ăn

7.1.4. Uống, hút

7.2.Văn hoá mặc

7.2.1. Chất liệu may mặc

7.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc

7.3. Văn hoá ở và đi lại

7.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam

7.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

Chương 8: VĂN HOÁ GIÁO TIẾP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG TỤC CỔ TRUYỀN (2LT:4TL)

8.1. Văn hoá giao tiếp

8.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thẩm thấu trong văn hoá giao tiếp

8.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp

8.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

8. 2. Văn hoá nghệ thuật

8.2.1. Nghệ thuật trình diễn

8.2.2. Nghệ thuật sân khấu

8.2.3. Nghệ thuật tạo hình

8.2.4. Nghệ thuật kiến trúc

8. 3. Phong tục

8.3.1. Phong tục hôn nhân

8.3.2. Phong tục tang ma.

8.3.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

Chương 9 : TỔNG KẾT (2LT:2TL)

9.1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam

9.2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.

9.3. Vấn đề nguồn lực con người

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Cơ sở văn hoá Việt Nam - Trần Ngọc Thêm, Nxb GD tái bản, 2006

2. Cơ sở văn hoá Việt Nam - Trần Quốc Vượng, Nxb GD, tái bản, 2005

9.2. Sách tham khảo

3. Bản sắc văn hoá Việt Nam - Phan Ngọc, Nxb VHTT, tái bản 2006 .
4. Việt Nam văn hoá sử cương - Đào Duy Anh, NXBVH TT, HN 2000
5. Việt Nam phong tục - Phan Kế Bính, Nxb VHTT, HN, 1985
6. Văn minh Việt Nam - Nguyễn Văn Huyên, Nxb Hội nhà văn, 2005
7. Trần Ngọc Thêm - Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam. Nxb TPHCM, 1997

9.8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NCKH CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ QTKD

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Mã học phần: 156012
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thống kê -Toán kinh tế, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, trường Đại học Hồng Đức

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức nền tảng về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, kế toán và quản trị kinh doanh; các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.
- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức :

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Hiểu và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể làm được các công việc cụ thể sau:

+ Hiểu được quy trình nghiên cứu khoa học một vấn đề kinh tế
+ Xác định được vấn đề nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Xác lập giả thuyết nghiên cứu và đặt tên cho đề tài nghiên cứu
+ Biết cách viết phần tổng quan tài liệu nghiên cứu
+ Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài nghiên cứu
+ Xác định được phương pháp nghiên cứu một vấn đề kinh tế
+ Thu thập được các thông tin cần thiết cho đề tài nghiên cứu
+ Xử lý được thông tin nghiên cứu bằng các phương pháp như phân tích thống kê mô tả, phân tích định tính, phương pháp phân tích định lượng, kiểm định giả thuyết nghiên cứu.
+ Biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.
- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin kinh tế.

- Kỹ năng sử dụng các phầm mềm SPSS, Eviews căn bản trong phân tích, xử lý thông tin kinh tế.
- Có kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu khoa hoc
- Kỹ năng thuyết trình bài nghiên cứu khoa học.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2 LT: 2 TL)

1.1. Các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học
1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học
1.3. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế
1.4. Nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và phối hợp
1.5. Các hình thức tổ chức nghiên cứu
1.6. Quy trình nghiên cứu

Chương 2: XÁC ĐỊNH VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (2 LT: 2 TL)

2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu
2.2. Xác định mục tiêu nghiên cứu
2.3. Xác lập câu hỏi nghiên cứu
2.4. Xác lập giả thuyết nghiên cứu
2.5. Đặt tên đề tài nghiên cứu

Chương 3: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG KHUNG LÝ THUYẾT (3 LT: 4 TL)

3.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu
3.1.1. Vai trò của tổng quan
3.1.2. Nội dung tổng quan
3.1.3. Các yêu cầu đối với phần tổng quan nghiên cứu
3.1.4. Một số kỹ năng khi tiến hành tổng quan
3.1.5. Ví dụ về cách viết tổng quan

3.2. Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài
3.2.1. Khái niệm, vai trò khung lý thuyết (mô hình) nghiên cứu
3.2.2. Xây dựng khung lý thuyết

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN (3 LT: 4 TL)

4.1. Nguồn thông tin
4.2. Phương pháp thu thập thông tin
4.2.1. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp
4.2.2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp
4.2.3. Điều tra chọn mẫu
4.3. Xây dựng bảng câu hỏi

Chương 5: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN (5LT:10TL)

5.1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra
5.2. Phương pháp thống kê mô tả
5.3. Phương pháp phân tích định tính
5.4. Phương pháp phân tích định lượng
5.5. Kiểm định giả thuyết

Chương 6: TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (3LT:2 TL)

6.1. Các nguyên tắc chung khi viết một báo cáo khoa học
6.2. Nội dung báo cáo khoa học
6.2.1. Phần mở đầu (giới thiệu)
6.2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và khung lý thuyết nghiên cứu

6.2.3. Phương pháp nghiên cứu
6.2.4. Kết quả nghiên cứu
6.2.5. Bình luận và kiến nghị
6.3. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo
4. Yêu cầu của học phần
+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
9. Tài liệu tham khảo chính
9.1. Tài liệu bắt buộc:
1. Nguyễn Văn Thắng, Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, năm 2014
2. Trần Tiến Khai, *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, Nxb Lao động xã hội, 2014.
3. Vũ Cao Đàm, Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb thế giới, 2008
9.2. *Tham khảo:*
4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 và tập 2, Nxb Hồng Đức, 2015
5. PGS. TS. Vũ Ngọc Pha, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Nxb Lao động – xã hội, 2013.

9.9A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI
- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Mã học phần: 125105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lý Tự nhiên - Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không
1. Mô tả học phần:
- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về môi trường và con người.
- Năng lực đạt được: Người học phân biệt được môi trường của con người và môi trường của sinh vật; ứng dụng được những nguyên lý sinh thái học vào nghiên cứu và thực tế; phân tích được mối tương tác giữa các vấn đề dân số, tài nguyên và môi trường; phân tích được hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên hiện nay của Việt Nam; ứng dụng được các nguyên tắc về an toàn, vệ sinh lao động vào thực tế.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có được hệ thống kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và con người; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Thực trạng tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và trên thế giới; vấn đề vệ sinh, an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường: khái niệm, phân loại tài nguyên và môi trường; các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; sự ô nhiễm và suy thoái môi trường: nguyên nhân, thực trạng, hậu quả, các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; những quy định của pháp luật và các chính sách về hoạt động BVMT và phát triển bền vững; các vấn đề cơ bản về vệ sinh, an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

+ Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT địa phương.

+ Phát hiện và giải quyết được các tình huống sinh thái; phân tích được thực trạng môi trường và giải thích được nguyên nhân gây ra các vấn đề suy thoái, ô nhiễm môi trường, từ đó đưa ra một số giải pháp khác phục.

+ Sử dụng được các văn bản pháp quy vào việc bảo vệ tài nguyên và môi trường địa phương; thực hiện các nguyên tắc về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Khoa học môi trường và con người. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học. Một số khái niệm cơ bản về khoa học môi trường. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. (2LT:4TL)

1. Sơ lược về khoa học môi trường và con người.
2. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học.
3. Mối quan hệ giữa khoa học Môi trường và con người với các khoa học khác.
4. Một số khái niệm cơ bản.
5. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam.

Nội dung 2. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường (4LT:4TL)

1. Nhân tố sinh thái.
2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.
3. Quần thể và quần xã sinh vật.
4. Hệ sinh thái.
5. Hệ sinh thái và con người.

Nội dung 3. Tác động của gia tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên -môi trường. (4LT:4TL)

1. Số dân và sự gia tăng dân số.

1.4. Cấu trúc dân số.

2. Lịch sử gia tăng dân số của nhân loại.
3. Sự phân bố dân cư và di cư.
4. Đặc điểm phát triển dân số Việt Nam.
5. Công nghiệp hóa và đô thị hóa
6. Quan hệ giữa dân số – tài nguyên – môi trường.

Nội dung 4. Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên (2LT:3TL)
1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên,
2. Tài nguyên khí hậu.
3. Tài nguyên rừng.
4. Tài nguyên đất.
5. Tài nguyên nước.
6. Tài nguyên biển và ven biển.
7. Tài nguyên khoáng sản.
8. Tài nguyên năng lượng.
9. Sự đa dạng sinh học.

Nội dung 5. Vấn đề ô nhiễm môi trường (2LT:3TL)
1. Ô nhiễm môi trường không khí.
2. Ô nhiễm đất.
3. Ô nhiễm môi trường nước.
4. Những hình thức ô nhiễm môi trường khác.

Nội dung 6. Bảo vệ môi trường (2LT:3TL)
1. Những vấn đề toàn cầu.
2. Hiện trạng tài nguyên, môi trường Việt Nam.
3. Chiến lược phát triển bền vững.
4. Luật và chính sách môi trường Việt Nam.

Nội dung 7: Vệ sinh, an toàn lao động (2LT:3TL)
1.Tính chất cơ bản của công tác bảo hộ lao động và an toàn lao động
2. Môi trường sản xuất và sức khỏe
3. Một số văn bản pháp lý liên quan đến vệ sinh, an toàn lao động

4. Yêu cầu của học phần
- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.

-Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Lê Văn Khoa (chủ biên). *Giáo trình Môi trường và con người*. Nxb GD, 2011.
2. Mai Đình Yên (chủ biên): *Môi trường và con người*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003

9.2. Tài liệu tham khảo

3. Lưu Đức Hải. *Cơ sở khoa học môi trường*. Nxb ĐHQG Hà Nội, 2006
4. Lưu Đức Hải – Nguyễn Ngọc Sinh. *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*. Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000.

5. Lê Văn Khoa (chủ biên). *Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường*. Nxb Giáo dục Việt Nam 2009.

9.9B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Mã học phần: 196025
- Bộ môn phụ trách: BM Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin,
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: 5 chương trình bày các hình thức lôgíc và các quy luật cơ bản của tư duy. Phần thứ nhất giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của lôgíc hình thức, các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ, trong đó giới thiệu cấu trúc, hình thức, phương pháp, các loại và đặc biệt là các quy tắc lôgíc cho các loại suy luận giúp cho người học nâng cao năng lục tư duy và rút ra những tri thức chân xác.

- Năng lực đạt được: Người học nhận thức được năng lực tư duy và rút ra được những tri thức chân xác thông qua các quy luật cơ bản của logic hình thức, phân tích được các thao tác tư duy.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được kiến thức về các hình thức và các quy luật cơ bản của tư duy.
- Biết được các hình thức và các quy luật cơ bản của tư duy từ đó rèn luyện tư duy lôgíc để nâng cao năng lực nhận thức khoa học

2. 2. Về kỹ năng:

- Xây dựng được các ví dụ vận dụng từ lý thuyết vào trong thực tế.
- Vận dụng được các thao tác lôgíc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học nhằm để tiếp cận các tri thức khoa học.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA LÔGÍC HỌC (2LT:3TL)

1.1. Lôgíc gọc và đối tượng nghiên cứu của Lôgíc học
1.2. Lôgíc học và ngôn ngữ
1.3. Sơ lược về lịch sử lôgíc học
1.4. Ý nghĩa của lôgíc học

Chương 2: KHÁI NIỆM (4LT:4TL)

2.1. Đặc trưng chung của khái niệm
2.2. Cấu trúc lôgíc của khái niệm
2.3. Các loại khái niệm
2.4. Quan hệ giữa các khái niệm
2.5. Các thao tác lôgíc trên khái niệm

Chương 3: PHÁN ĐOÁN (3LT:4TL)

3.1. Phán đoán là gi?
3.2. Phán đoán đơn

3.3. Phán đoán phức

Chương 4: CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA LÔGÍC HÌNH THỨC (2LT:3TL)

4.1. Đặc điểm chung của các quy luật lôgíc hình thức

4.2. Các quy luật cơ bản của lôgíc hình thức

4.3. Ý nghĩa của các quy luật lôgíc hình thức

Chương 5: SUY LUẬN (2LT:4TL)

5.1. Đặc trưng chung của suy luận

5.2. Suy luận diễn dịch (suy diễn)

5.3. Suy luận quy nạp

5.4. Suy luận loại suy (tương tự)

Chương 6: CHỨNG MINH VÀ BÁC BỎ (3LT:3TL)

6.1. Phép chứng minh

6.2. Phép bác bỏ

6.3. Các nguyên tắc của chứng minh và bác bỏ

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Thanh Quất – Nguyên Tuấn Chi, Giáo trình Lôgíc học hình thức, (1994), Trường Đại học tổng hợp - Khoa luật

2. PTS. Lưu Hà Vĩ, Lôgíc hình thức, (1996), Nxb CTQG

3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1, Giáo trình Lôgíc học (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung), (2007), Nxb Chính trị Quốc gia

4. C. Mác, H. Ăngghen, V.I. Lênin, Bàn về Lôgíc học biện chứng, (1985), Nxb Thông tin lý luận

9.9C. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ KINH DOANH

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã học phần: 181002
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn tâm lý – giáo dục – Khoa tâm lý học
- Học phần tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Khái quát về bản chất, chức năng của tâm lý người; những vấn đề chung của tâm lý học quản lý kinh doanh như: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò và các phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học quản lý kinh doanh; đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại như tâm lý khách hàng và tâm lý của người bán hàng; những phẩm chất, năng lực, phong cách và uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; các vấn đề về mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, kỹ năng, phương tiện và phong cách giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh; các loại hình giao tiếp và nghệ thuật trong đàm phán, kinh doanh; các vấn đề về sử dụng con người trong quản lý kinh doanh như qui luật tâm lý việc sử dụng con người theo khoa học, chế độ sử dụng nhân tài, động viên và phát huy nhân tố con người trong quản lý kinh doanh.

- Năng lực đạt được: Người học năm vững bản chất, chức năng tâm lý con người và những vấn đề chung trong tâm lý học kinh doanh, mô tả và phân tích được tâm lý con người để vận dụng trong công việc hiệu quả.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học, phân tích được bản chất, chức năng của tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC.
- Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ của TLH quản lý kinh doanh và mô tả được các phương pháp nghiên cứu của TLH quản lý kinh doanh.
- Mô tả được một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng và các cách phân loại khách hàng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Trình bày được những yêu cầu về phẩm chất, về khả năng nghiệp vụ, về thể chất, ngoại hình … của người bán hàng.
- Phân tích được những đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh (phẩm chất, năng lực, uy tín, phong cách …).
- Hiểu được khái niệm và ý nghĩa của giao tiếp trong hoạt động quản trị kinh doanh; xác định được các nguyên tắc, kỹ năng, phương tiện và phong cách giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh; Các loại hình hoạt động, những cản trở trong giao tiếp và nghệ thuật đàm phán trong kinh doanh.
- Trình bày được các cách phân loại con người trong quản lý kinh doanh, các quy luật tâm lý của việc sử dụng con người, cơ sở tâm lý của việc phát huy nhân tố con người và việc sử dụng nhân tài trong quản lý kinh doanh một cách có hiệu quả.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phân tích, đánh giá, khái quát những vấn đề nghiên cứu.
- Vận dụng kiến thức Tâm lý học vào giải quyết các nhiệm vụ học tập, các bài tập trong chương trình học và giải thích được các hiện tượng tâm lý trong đời sống.
- Vận dụng kiến thức Tâm lý học quản lý kinh doanh vào việc hình thành những phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân trong hoạt động kinh doanh.
- Vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các tình huống trong quản lý kinh doanh đạt hiệu quả.

3. Nội dung học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ KINH DOANH

(4LT:2TL)

1.1. Khái quát về tâm lý.
1.1.1. Tâm lý là gì?
1.1.2. Bản chất, chức năng của tâm lý.
1.2. Một số vấn đề chung về tâm lý học quản lý kinh doanh.
1.2.1. Một số khái niệm cơ bản trong tâm lý học quản lý kinh doanh.
1.2.2. Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học quản lý kinh doanh.
1.3. Phương pháp nghiên cứu tâm lý của tâm lý học quản lý kinh doanh.
1.3.1. Phương pháp quan sát.
1.3.2. Phương pháp điều tra (Ăng két).
1.3.3. Phương pháp phỏng vấn.
1.3.4. Phương pháp thực nghiệm
1.3.5. Phương pháp tọa đàm.
1.3.6. Phương pháp trò chơi và giải quyết tình huống trong quản trị kinh doanh.
1.3.7. Phương pháp trắc nghiệm (test, bài tập, thử).
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI (4LT:6TL)
2.1. Tâm lý khách hàng
2.1.1. Khái niệm khách hàng.
2.1.2. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng.
2.1.3. Quá trình tâm lý trong hoạt động mua của khách hàng.
2.1.4. Biện pháp bảo vệ khách hàng.
2.1.5. Phân loại các đặc điểm tâm lý của khách hàng:
2.2. Đặc điểm tâm lý của người bán hàng.
2.2.1. Những yêu cầu về phẩm chất của người bán hàng.
2.2.2. Những yêu cầu về khả năng nghiệp vụ của người bán hàng.
2.2.3. Yêu cầu về thể chất và ngoại hình.
2.2.4. Nghệ thuật bán hàng.
Chương 3: ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO TRONG QUẢN LÝ KINH DOANH (4LT:4TL)
3.1. Nhà kinh doanh và hoạt động kinh doanh.
3.1.1. Nhà kinh doanh và nhà quản lý kinh doanh.
3.1.2. Hoạt động kinh doanh.
3.2. Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh.
2.1. Phẩm chất tâm lý của người lãnh đạo.
2.2. Năng lực của người lãnh đạo.
3.3. Phong cách của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh
3.4. Uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh.
Chương 4: GIAO TIẾP TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ KD (4LT:10TL)
4.1. Khái niệm , mục đích và ý nghĩa của giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh.
4.2. Một số nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp kinh doanh.
4.3. Các kỹ năng giao tiếp trong quản lý kinh doanh.
4.4. Các phương tiện giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh.
4.5. Phong cách giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh.
4.6. Các loại hoạt động giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh.
4.7. Nghệ thuật trong đàm phán và kinh doanh.
4.8. Những cản trở trong giao tiếp quản lý kinh doanh.
4.9. Thực hành giao tiếp trong quản lý kinh doanh.

Chương 5: SỬ DỤNG CON NGƯỜI TRONG QUẢN LÝ KINH DOANH (2LT:4TL)

5.1. Khái niệm con người.

5.2. Những quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học.

5.3. Nhân tài và chế độ sử dụng nhân tài

5.3.1. Đặc điểm của nhân tài.

5.3.2. Chế độ sử dụng nhân tài.

5.4. Động viên và phát huy nhân tố con người trong quản lý kinh doanh.

4.1. Động viên con người trong hoạt động kinh doanh.

4.2. Phát huy tính tích cực và tiềm năng sáng tạo của con người trong hoạt động KD

4.3. Những điều lưu ý khi phê bình người khác (theo Thân Tuấn).

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Hữu Thụ. *Tâm lý học quản trị kinh doanh*. Nxb ĐH Quốc gia Hà nội 2012.
2. Nguyễn Bá Dương - Đức Uy. *Giáo trình Tâm lý học kinh doanh.* Nxb Thống kê 2007.
3. Nguyễn Đức Lợi - *Tâm lý học Quản trị kinh doanh.* NxbTài chính, 2009.

9.2. Sách tham khảo:

4. Trương Quang Niệm. *Tâm lý quản trị.* Nxb Thống kê 2005.
5. Nguyễn Đình Xuân. *Tâm lý học Quản trị kinh doanh.* Nxb Chính trị quốc gia. 1996.
6. Nguyễn Thị Thu Hiền. *Tâm lý học Quản trị kinh doanh*. Nxb Thống kê 2000.

9.10A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỊA LÝ KINH TẾ VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã học phần: 125225
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lý Kinh tế - Xã hội và PP dạy học Địa lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu của địa lý kinh tế; về vai trò, vị trí của kinh tế Việt Nam trong hệ thống kinh tế thế thế giới; những thuận lợi và thách thức. Các đặc điểm về nguồn lực cho phát triển kinh tế Việt Nam: vị trí, tài nguyên thiên nhiên và con người Việt Nam. Tổ chức lãnh thổ các ngành, các vùng kinh tế Việt Nam, sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế Việt Nam theo hướng công

nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế ; những định hướng, chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030.
- Năng lực đạt được: Người học vận dụng được kiến thức để tính toán, xử lý và phân tích được các số liệu thống kê, các chỉ số cơ cấu, chỉ số tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng. Nhận xét và giải thích được các bảng số liệu, biểu đồ; phân tích và giải thích được các lược đồ trong Atlat Địa lý Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu được đối tượng nghiên cứu của Địa lí kinh tế; vai trò và vị trí của nền kinh tế Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; thời cơ và thách thức đặt ra đối với kinh tế Việt Nam trong thời kì hội nhập.
- Hiểu rõ đặc điểm và vai trò của các nguồn lực đối với sự phát triển và phân bố; hiện trạng phát triển; định hướng phát triển các ngành kinh tế Nông nghiệp, Công nghiệp và Dịch vụ của Việt Nam
- Trình bày được khái quát các điều kiện phát triển, thực trạng phát triển, sự phân hóa lãnh thổ, định hướng không gian các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sau đây:
- Vận dụng kiến thức để tính toán, xử lý và phân tích được các số liệu thống kê, các chỉ số cơ cấu, chỉ số tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng. Nhận xét và giải thích được các bảng số liệu, biểu đồ.
- Phân tích và giải thích được các lược đồ trong Atlat Địa lý Việt Nam.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về các nguồn lực phát triển kinh tế của Việt Nam; thực trạng phát triển và phân bố các ngành, các vùng kinh tế; định hướng phát triển và tổ chức không gian lãnh thổ của Việt Nam.

3. Nội dung học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA ĐỊA LÝ KINH TẾ (1LT:1TL)

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Chương 2: VIỆT NAM TRONG HỆ THỐNG PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ (1LT:1TL)

2.1. Đặc điểm và xu hướng hiện đại của nền kinh tế thế giới

2.1.1. Nền kinh tế thế giới là một thể thống nhất, bao gồm các nền kinh tế khu vực và quốc gia rất đa dạng phát triển không đều chứa đựng nhiều mâu thuẫn.
2.1.2. Phân nhóm nước theo trình độ phát triển kinh tế.
2.1.3. Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế

2.2. Vai trò và vị trí của VN trong hệ thống phân công lao động khu vực và quốc tế

2.2.1. Việt Nam có lợi thế cơ bản để có thể tham gia ngày càng tích cực vào phân công lao động khu vực và quốc tế.
2.2.2. Khái quát các thành tựu của nền kinh tế Việt Nam từ sau Đổi mới (1986→ nay)
2.2.3. Những khó khăn và thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong thời kì hội nhập
2.2.4. Quan điểm và giải pháp

Chương 3: VÍ TRÍ VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (2LT:2TL)

3.1. Vị trí địa lý và lãnh thổ

3.1.1. Vị trí địa lý

3.1.2. Lãnh thổ
3.1.3. Ý nghĩa của vị trí địa lý
3.2. Điều kiện tự nhiê và tài nguyên thiên nhiên
3.2.1. Đặc điểm chung
3.2.2. Điều kiện Địa hình và Khí hậu
3.2.4. Tài nguyên nước
3.2.5. Tài nguyên đất
3.2.6. Hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật
3.2.7. Tài nguyên khoáng sản
Chương 4: DÂN CƯ VÀ NGUỒN LAO ĐỘNG (4LT:3TL)
4.1. Dân số và sự biến đổi dân số
4.1.1. Dân số và sự gia tăng dân số
4.1.2. Sự thay đổi của tỉ suất tử vong và nguyên nhân của nó
4.1.3. Sự thay đổi tỉ suất sinh và nguyên nhân của nó
4.2. Cơ cấu tuổi – giới tính
4.2.1. Cơ cấu tuổi
4.2.2. Cơ cấu giới tính
4.3. Cơ cấu dân tộc
4.3.1. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc
4.3.2. Sự phân bố các dân tộc ở nước ta
4.4. Phân bố dân cư
4.4.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư ở Việt Nam
4.4.2. Dân cư ở nước ta phân bố không đồng đều
4.5. Di cư
4.5.1. Di cư đi liền với quá trình mở mang bờ cõi, khai khẩn vùng đất mới
4.5.2. Di cư do các nguyên nhân quân sự, những thay đổi chính trị
4.5.3. Các luồng di cư trong nước gắn liền với quá trình phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các vùng lãnh thổ
4.5.4. Người Việt ở nước ngoài được coi là nguồn lực bên ngoài quan trọng
4.6. Nguồn lao động và việc sử dụng lao động
4.6.1. Đặc điểm nguồn lao động Việt Nam
4.6.2. Thực trạng sử dụng lao động ở Việt Nam
4.6.3. Vấn đề việc làm và nỗ lực tạo việc làm
4.7. Quần cư và Đô thị hóa
4.7.1. Khái quát chung
4.7.2. Các mẫu hình quần cư nông thôn ở các vùng và sự thay đổi của các mẫu hình.
4.7.3. Đô thị hóa hiện nay ở nước ta. Mạng lưới đô thị trong cả nước
Chương 5: TỔ CHỨC LÃNH THỔ NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP (4LT:3TL)
5.1. Các nguồn lực phát triển công nghiệp Việt Nam
5.1.1. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên
5.1.2. Cơ sở vật chất kĩ thuật của ngành công nghiệp
5.1.3. Cơ sở hạ tầng
5.1.4. Thị trường
5.1.5. Chính sách công nghiệp hóa
5.2. Thực trạng phát triển Công nghiệp Việt Nam
5.2.1. Sự tăng trưởng công nghiệp
5.2.2. Cơ cấu Công nghiệp theo thành phần kinh tế

5.2.3. Cơ cấu Công nghiệp theo ngành
5.2.4. Cơ cấu Công nghiệp theo lãnh thổ
5.3. Các ngành Công nghiệp chủ yếu ở Việt Nam
5.3.1. CN Năng lượng
5.3.2. CN chế tạo
5.3.3. CN Vật liệu xây dựng
5.3.4. CN Chế biến Lương thực, Thực phẩm
5.3.5. CN tiêu dùng
5.3.6. CN Nông thôn
Chương 6: TỔ CHỨC LÃNH THỔ NGÀNH KINH TẾ NLN NGHIỆP (3LT:3TL)
6.1. Nông nghiệp
6.1.1. Những vấn dề chung
6.1.2. Địa lí các ngành nông nghiệp chủ yếu
6.1.3. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam
6.2. Lâm nghiệp
6.2.1. Vai trò của lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân
6.2.2. Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp
6.3. Ngư nghiệp
6.3.1. Vai trò của ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân
6.3.2. Sự phát triển và phân bố ngành ngư nghiệp
6.6.3. Phương hướng phát triển ngành thuỷ sản
Chương 7: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ (2,2)
7.1. Dịch vụ là một tổng thể bao gồm nhiều ngành.
7.2. Địa lí một số ngành dịch vụ
7.2.1. Giao thông vận tải
7.2.2. Thông tin liên lạc
7.2.3. Thương nghiệp, du lịch.
Chương 8: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÁC VÙNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM (2,8)
8.1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ
8.1.1.Vị trí địa lí
8.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
8.1.3. Tài nguyên nhân văn
8.1.4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội
8.1.5. Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải
8.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng
8.2.1. Vị trí dịa lí
8.2.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
8.2.3. Tài nguyên nhân văn
8.2.4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội
8.2.5. Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải
Chương 9: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÁC VÙNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM (1LT:2TL)
9.1. Vùng Bắc Trung Bộ
9.1.1. Vị trí địa lí
9.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
9.1.3. Tài nguyên nhân văn
9.1.4. Hiện trạng phát triển kinh tế xã hội

9.1.Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải

9.2. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

9.2.1 Vị trí địa lí

9.2.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

9.2.3. Tài nguyên nhân văn

9.2.4. Hiện trạng phát triển kinh tế xã hội

9.2.5. Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải

9.3. Vùng Đông Nam Bộ

9.3.1 Vị trí địa lí

9.3.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

9.3.3. Tài nguyên nhân văn

9.3.4. Hiện trạng phát triển kinh tế xã hội

9.3.5. Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải

Chương 10: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÁC VÙNG KT CỦA VIỆT NAM (1LT:2TL)

10.1.Vùng Tây Nguyên

10.1.1. Vị trí địa lí

10.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

10.1.3. Tài nguyên nhân văn

10.1.4. Hiện trạng phát triển kinh tế -- xã hội

10.1.5. Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải

10.2. Vùng Đông Nam Bộ

10.2.1. Vị trí địa lí

10.2.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

10.2.3.Tài nguyên nhân văn

10.2.4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

10.2.5. Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải

10.3. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

10.3.1.Vị trí dịa lí

10.3.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

10.3.3.Tài nguyên nhân văn

10.3.4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

10.3.5. Hệ thống đô thị và mạng lưới giao thông vận tải

Chương 11: CÁC VẤN ĐỀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM (1LT:2TL)

11.1. Đặc điểm, vai trò của vùng kinh tế trọng điểm.

11.2. Các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước

11.2.1.Vị trí dịa lí

11.2.2. Các nguồn lực chủ yếu

11.2.3. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

11.2.4. Các ngành kinh tế chủ yếu

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên), Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (Tập 1, 2), Nxb Đại học sư phạm Hà Nội. (Tập 1 xuất bản 2008, Tập 2 xuất bản năm 2012).

9.2. Sách tham khảo:

2. Lê Thông (Chủ biên). *Giáo trình địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Sư Phạm Hà Nội, 2011.

9.10B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ KINH TẾ QUỐC DÂN

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã học phần: 151075
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế - Khoa Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: : Nguyên lý chủ nghĩa Mac - Lenin.

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Tổng hợp về quá trình hình thành và phát triển kinh tế của một số nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, khái quát những đặc trưng cơ bản về quá trình hình thành và phát triển kinh tế của các nước (về sự phát triển của quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng như chủ trương, đường lối và các chính sách phát triển kinh tế) đồng thời chỉ ra những bài học kinh nghiệm và xu hướng vận động khách quan của các mô hình kinh tế các quốc gia trong suốt các thời kỳ lịch sử khác nhau.

- Năng lực đạt được: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác, vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức:

- Nêu được những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; về những đặc điểm, nhân tố ảnh hưởng, mô hình và xu hướng phát triển kinh tế của mỗi quốc gia qua các thời kỳ lịch sử cụ thể; những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các quốc gia. Từ đó, sinh viên đạt được những kiến thức về kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ lý luận về kinh tế, bồi dưỡng quan điểm lịch sử, thực tiễn.

2.2. Về kỹ năng:

+ Phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác.

+ Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế.

3. Nội dung học phần

Chương 1: KINH TẾ NƯỚC MỸ (2 LT:2TL)

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội nước Mỹ trước khi giành độc lập (1776)

1.2. Kinh tế nước Mỹ thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền (1776 – 1865)

1.2.1. Ciing cuộc mở rộng lãnh thổ, mở rộng thị trường

1.2.2. Cuộc cách mạng công nghiệp và sự phát triển kinh tế nước Mỹ

1.2.3. Cuộc nội chiến ở Mỹ (1861 – 1865)

1.3. Kinh tế nước Mỹ trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền

1.3.1. Thời kỳ bựng nổ kinh tế Mỹ (1865 – 1913)

1.3.2. Kinh tế nước Mỹ từ chiến tranh thế giới thứ nhất đến hết chiến tranh thế giới thứ hai (1914 - 1945)

1.3.3. Kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1973)

1.3.4. Kinh tế Mỹ thời kỳ từ 1974 đến nay

Chương 2: KINH TẾ NHẬT BẢN (2LT:3TL)

2.1. Đặc điểm kinh tế phong kiến Nhật Bản

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội Nhật Bản cuối thời kỳ phong kiến

2.1.2. Sự nảy mầm của chủ nghĩa tư bản

2.2. Từ cải cách Minh Trị đến hết chiến tranh thế giới thứ 2 (1868 -1945)

2.2.1. Cải Cách Minh Trị

2.2.2. Cách mạng công nghiệp và đặc điểm của đế quốc Nhật

2.2.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ (1914 - 1945)

2.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai

2.3.1. Giai đoạn khôi phục kinh tế (1946 - 1951)

2.3.2. Giai đoạn phát triển "thần kỳ" (1952 -1973)

2.3.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ từ năm 1974 đến nay

Chương 3: KINH TẾ LIÊN XÔ (2LT:2TL)

3.1. Đặc điểm kinh tế nước Nga trước cách mạng tháng 10/1917

3.1.1. Đặc điểm kinh tế phong kiến ở Nga đến năm 1861

3.1.2. Đặc điểm nền kinh tế TBCN ở Nga (1861 - 1913)

3.1.3. Kinh tế nước Nga TBCN (1914 - 1917)

3.2. Kinh tế Liên Xô trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội (1917 - 1955)

3.2.1. Cải biến kinh tế sau cách mạng tháng 10 (1917 -1918)

3.2.2. Kinh tế trong thời kỳ nội chiến và can thiệp của nước ngoài (1918 - 1920)

3.2.3. Kinh tế thời kỳ khôi phục (1921 -1925)

3.2.4. Kinh tế thời kỳ hoàn thành cải tạo XHCN và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH (1926 - 1940)

3.2.5. Kinh tế thời kỳ (1941 - 1955)

3.3. Kinh tế Liên Xô thời kỳ 1956 - 1991

3.3.1. Đặc điểm kinh tế giai đoạn 1956 - 1975

3.3.2. Đặc điểm kinh tế giai đoạn 1976 -1990

3.4. Kinh tế thời kỳ hậu Liên Xô (sau năm 1991)

3.4.1. Những chủ trương, chính sách chuyển đổi nền kinh tế

3.4.2. Đặc điểm tình hình kinh tế

Chương 4: KINH TẾ TRUNG QUỐC (2LT:3TL)

4.1. Đặc điểm kinh tế Trung Quốc trước ngày thành lập nước CHND Trung Hoa

4.1.1. Quá trình phát triển

4.1.2. Đặc điểm kinh tế

4.2. Kinh tế Trung quốc từ ngày thành lập nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa đến năm 1978

4.2.1. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ 1949 - 1957

4.2.2. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ 1958 - 1978

4.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa từ năm 1978 đến nay

4.3.1. Nguyên nhân cải cách và mở cửa

4.3.2. Nội dung cải cách và mở cửa

4.3.3. Thành tựu và hạn chế của công cuộc cải cách và mở cửa

Chương 5: KINH TẾ CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN VÀ CÁC NƯỚC ASEAN (2LT:3TL)

5.1. Kinh tế các nước đang phát triển

5.1.1. Sự hình thành các nước đang phát triển

5.1.2. Quá trình xây dựng kinh tế ở các nước đang phát triển

5.2. Kinh tế các nước ASEAN

5.2.1. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ trước khi giành độc lập

5.2.2. Kinh tế các nước ASEAN từ khi giành được độc lập đến nay

Chương 6: KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ TRƯỚC NĂM 1945 (2LT:2TL)

6.1. Kinh tế thời kỳ tiền phong kiến

6.1.1. Kinh tế thời kỳ nguyên thuỷ

6.1.2. Kinh tế thời kỳ đầu dựng nước

6.2 Kinh tế thời kỳ phong kiến húa

6.2.1. Chính sách nô dịch và bóc lột của phong kiến Trung Quốc

6.2.2. Những chuyển biến của nền kinh tế dân tộc

6.3. Kinh tế thời kỳ phong kiến dân tộc tự chủ (938 - 1858)

6.3.1. Kinh tế từ thế kỷ X đến XV

6.3.2. Kinh tế thời kỳ Lê mạt tới thời Nguyễn

6.4. Kinh tế Việt Nam thời kỳ thực dân Pháp thống trị (1858 - 1945)

6.4.1. Kinh tế từ khi Pháp xâm lược đến chiến tranh thế giới lần thứ 2

6.4.2. Kinh tế thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ 2 (1939 - 1945)

Chương 7: KT VIỆT NAM THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (2LT:2TL)

7.1 Kinh tế năm đầu sau cách mạng tháng tám (1945 - 1946)

7.1.1. Khẩn trương mở chiến dịch cứu đói

7.1.2. Đấu tranh xây dựng nền tài chính và tiền tệ độc lập

7.1.3. Phục hồi công thương nghiệp và chuyển dần nền kinh tế sang thời chiến

7.2 Kinh tế vùng tự do thời kỳ 1947 – 1954

7.2.1. Chính sách kinh tế kháng chiến

7.2.2. Đặc điểm kinh tế giai đoạn 1947 – 1950

7.2.3. Đặc điểm kinh tế giai đoạn 1951 – 1954

7.3. Kinh tế trong vùng Pháp tạm chiếm

7.3.1. Chính sách kinh tế của địch ở vùng tạm chiếm

7.3.2. Đặc điểm tình hình kinh tế vùng tạm chiếm

Chương 8: KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẤT NƯỚC TẠM THỜI BỊ CHIA CẮT LÀM HAI MIỀN (1955 - 1975) (2LT:3TL)

8.1. Kinh tế miền Bắc

8.1.1. Đặc điểm, nhiệm vụ kinh tế cơ bản của miền bắc

8.1.2. Quá trình xây dựng nền kinh tế XHCN ở Miền bắc

8.2. Kinh tế Miền Nam

8.2.1. Kinh tế trong vùng chớnh quyền Sài Gũn kiểm soát
8.2.2. Kinh tế vùng giải phóng
Chương 9: KINH TẾ VIỆT NAM TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY (2LT:3TL)
9.1. Kinh tế Việt Nam thời kỳ 10 năm đầu sau khi đất nước được thống nhất
9.1.1. Đặc điểm tình hình và đường lối kinh tế
9.1.2. Thực trạng kinh tế thời kỳ 1976 – 1985
9.2. Kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới (Từ năm 1986 đến nay)
9.2.1. Bối cảnh lịch sử và nội dung đổi mới kinh tế ở nước ta
9.2.2. Những chuyển biến của nền kinh tế
4. Yêu cầu của môn học:
Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn:
Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính:
9.1. Giáo trình chính:
1. GS. TS Nguyễn Trí Dĩnh và PGS. TS Phạm Thị Quý, Giáo trình Lịch sử kinh tế, NXB Đại học kinh tế quốc dân năm 2012.
9.2. Sách tham khảo:
2. Vũ Văn Phúc, Lịch sử kinh tế quốc dân, NXB Chính trị QG, năm 2007

9.10C. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ
- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã học phần: 196030
- Bộ môn phụ trách: BM Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
- Điều kiện tiên quyết**:** Không

1. Mô tả học phần:
- Nội dung học phần gồm: Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế; hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.
- Năng lực đạt được: Người học vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành; vận dụng được những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.

2. Mục tiêu học phần:

2.1.Về kiến thức:

- Nêu được hoàn cảnh ra đời, những quan điểm cơ bản trong các học thuyết kinh tế, từ đó đánh giá được những đóng góp có giá trị khoa học và những hạn chế mang tính lịch sử của các học thuyết đó.

2.2. Về kỹ năng:.

- Vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành.
- Vận dụng được những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ (2LT:2TL)

1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế

1.1. Khái niệm Lịch sử các học thuyết kinh tế

1.2. Đối tượng nghiên cứu

2. Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế.

2.1. Phương pháp duy vật biện chứng

2.2. Phương pháp lịch sử và Phương pháp phê phán

4. Chức năng và ý nghĩa của việc nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế.

4.1. Chức năng của môn lịch sử các học thuyết kinh tế.

4.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế.

Chương 1: HỌC THUYẾT KT CỦA KT CHÍNH TRỊ TƯ SẢN CỔ ĐIỂN (3LT:5TL)

1.1. Chủ nghĩa trọng thương

1.1.1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa trọng thương

1.1.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa trọng thương

1.1.3. Đặc điểm của chủ nghĩa trọng thương ở Anh và Pháp

1.1.4. Quá trình tan rã của chủ nghĩa trọng thương

1.2. Chủ nghĩa trọng nông

1.2.1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa trọng nông

1.2.2. Một số học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông

1.3. Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh

1.3.1. Hoàn cảnh ra đời của kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh

1.3.2. Học thuyết kinh tế của Wiliam Petty

1.3.3. Học thuyết kinh tế của Adam Smith

1.3.4. Học thuyết kinh tế của David Ricardo

1.4. Kinh tế chính trị tư sản tầm thường

1.4.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của kinh tế chính trị tầm thường.

1.4.2. Học thuyết kinh tế của Thomas Robert Malthus

1.4.3. Học thuyết kinh của Jean Baptise Say

Chương 2: KINH TẾ CHÍNH TRỊ TIỂU TƯ SẢN (3LT:4TL)

2.1. Hoàn cảnh ra đời của kinh tế chính trị tiểu tư sản

2.2. Các quan điểm kinh tế của Sismondi

2.2.1. Tiểu sử và phương pháp luận của Sismondi

2.2.2. Lý luận kinh tế của Sismondi

2.3. Các quan điểm kinh tế của Piette Josheph Proundhon

2.3.1. Tiểu sử và phương pháp luận của Proudhon

2.3.2. Lý luận kinh tế chủ yếu của Proudhon

Chương 3: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA NHỮNG NGƯỜI THEO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG Ở TÂY ÂU THẾ KỶ XIX (3LT:4TL)

3.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chung của CNXH không tưởng ở Tây Âu thế kỷ XIX

3.2. Học thuyết kinh tế của Saint Simon

3.2.1. Quan điểm lịch sử

3.2.2. Sự phê phán chủ nghĩa tư bản

3.2.3. Dự án về xã hội tương lai

3.3. Học thuyết kinh tế của Charles Fourier

3.3.1. Quan điểm về lịch sử phát triển xã hội

3.3.2. Sự phê phán chủ nghĩa tư bản

3.3.3. Dự án về xã hội tương lai

3.4. Học thuyết kinh tế của Robert Owen

3.4.1. Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Anh

3.4.2. Hoạt động thực tiễn của Robert Owen

3.4.3. Sự phê phán chủ nghĩa tư bản của Robert Owen

3.4.4. Dự án về " tiền lao động", sự trao đổi công bằng và kế hoạch hợp tác hoá của Robert Owen

Chương 4: SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC MÁC- LÊNIN (4LT:5TL)

4.1. Hoàn cảnh ra đời của kinh tế chính trị học Mác- Lênin

4.2. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển KTCT học Mác- Lênin

4.2.1. Giai đoạn hình thành cơ sở triết học và phương pháp luận của Kinh tế chính trị học Marxiste

4.2.2. Giai đoạn xây dựng hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế

4.2.3. Giai đoạn hoàn thiện kinh tế chính trị Marxiste

4.3. Những đóng góp của C.Mác và Ph.Ăngghen trong khoa học kinh tế chính trị

4.4. Lênin tiếp tục phát triển kinh tế chính trị học Mác- Lênin

4.4.1. Tư tưởng của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước.

4.4.2. Quan điểm của Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội

Chương 5: HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN HIỆN ĐẠI (3LT:4TL)

5.1. Học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển (cổ điển mới)

5.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chủ yếu của trường phái tân cổ điển

5.1.2. Các học thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái "giới hạn" thành Viene

5.1.3. Trường phái giới hạn ở Mỹ

5.1.4. Trường phái Lausanne (Thụy sỹ)

5.1.5. Trường phái Cambirger(Anh)

5.2. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes.

5.2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chủ yếu của học thuyết Keynes

5.2.2. Lý thuyết chung về việc làm của Keynes

5.2.3. Lý thuyết Keynes về sự can thiệp của nhà nước vào trong quá trình KT

5.2.4. Những hạn chế của học thuyết Keynes

5.3. Các lý thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái chính hiện đại.

5.3.1. Lý thuyết về "nền kinh tế hỗn hợp"

5.3.2. Lý thuyết "giới hạn khả năng sản xuất" và "sự lựa chọn"

5.3.3. Lý thuyết thất nghiệp và lý thuyết lạm phát

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc

1. PGS, TS Trần Bình Trọng, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008
2. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh- khoa Kinh tế chính trị, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
3. Trường ĐH Kinh quốc dân Hà Nội, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB giáo dục , Hà Nội, 1999.

9.2. Học liệu tham khảo:

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, 2006.

9.11. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 48)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc
- Năng lực đạt được: Người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, phục phụ cho công việc sau này. Chẳng hạn, người học có thể học thuộc bài đối thoại ngắn theo từng cặp hoặc viết một đoạn văn tả về bức tranh nào đó trong phần nghe rồi học thuộc lòng…

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

- Nắm vững được kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh cơ bản: Các thì, thể của động từ; Các trợ động từ; Các cấu trúc câu; Câu bị động; câu bị động; điều kiện…
- Giải thích và trình bày được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường sống và làm việc: Những từ mà các doanh nhân thường dùng trong văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán…

2.2 *Mục tiêu kỹ năng:*

- Nghe hiểu được ngôn ngữ nói ở mức độ chậm và đã được đơn giản hoá về những nhu cầu thiết yếu.
- Có khả năng vận đụng và thể hiện những thông tin đã học thuộc. Song, diễn đạt ngôn ngữ ở mức độ còn rời rạc nhưng có phần tự nhiên và linh hoạt.
- Đọc hiểu được những yết thị và ký hiệu, những bài viết ngắn và đơn giản về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt, lao động hàng ngày.
- Có khả năng viết thông báo, kể lại sự kiện đơn giản, miêu tả người, địa điểm, các vật thể
- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

Chương 1: (1LT: 5TL)

1.1. Course Introduction
1.2. Orientation
1.3. Diagnostic test
1.4. Basic grammar review

Chương 2: Unit 1 - works and leisure (2LT: 4TL)

2.1. Grammar: auxiliary verbs, *so* and *neither*
2.2. Listening: grammar focus on auxiliary verbs
2.3. Reading: grammar focus on auxiliary verbs
2.4. Speaking: making small talks, comparing stages of life
2.5. Writing: describing a stage of life

Chương 3: Unit 2 - Language and senses (3LT:TL 3)

3.1. Grammar: Tenses, stative verbs,
3.2. Listening: grammar focus on tenses
3.3. Reading: grammar focus on tenses
3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about sensations
3.5. Writing: describing one of the senses

Chương 4: Unit 3 - movies and television (3LT:3TL)

4.1. Grammar: Infinitives and gerunds
4.2. Listening: grammar focus on infinitives and gerunds
4.3. Reading: grammar focus on infinitives and gerunds
4.4. Speaking: a survey on movies, opinions about TV
4.5. Writing: a movie review

Chương 5: Unit 4 - memory (3, 3)

5.1. Grammar: participle and participle clauses
5.2. Listening: grammar focus on participle and participle clauses
5.3. Reading: grammar focus on participle and participle clauses
5.4. Speaking: describing your earliest memory

Chương 6: Unit 5 - favorite objects and how things work (3LT: 3TL)

6.1. Grammar: negation and parallel structures
6.2. Listening: grammar focus on negation and parallel structures
6.3. Reading: grammar focus on negation and parallel structures

6.4. Speaking: describing favorite things, discussing useful inventions
6.5. Writing: describing a new invention

Chương 7: Unit 6 - friends and other interesting people (3LT: 3TL)

7.1. Grammar: comparisons
7.2. Listening: grammar focus on comparisons
7.3. Reading: grammar focus on comparisons
7.4. Speaking: describing types of friends
7.5. Writing: describing an interesting or unusual perso

Chương 8: Unit 7 - using money and exchanging services (3LT: 3TL)

8.1. Grammar: tag questions, agreement
8.2. Listening: grammar focus on agreement
8.3. Reading: grammar focus on agreement
8.4. Speaking: sayings about money
8.5. Writing: barter notices

Chương 9: Unit 8 - agriculture and industry, food preparation (3LT: 3TL)

9.1. Grammar: relative clauses
9.2. Listening: grammar focus on relative clauses
9.3. Reading: grammar focus on relative clauses
9.4. Speaking: discussing local products
9.5. Writing: a cooking show script

Chương 10: Unit 9 - travel and exploration (3LT: 3TL)

10.1. Grammar: modification and word order
10.2. Listening: grammar focus on modification and word order
10.3. Reading: grammar focus on modification and word order
10.4. Speaking: discussing views on travelling
10.5. Writing: a personal travel story

Chương 11: Unit 10 Belief and first expressions (3LT: 3TL)

11.1. Grammar: First conditional, indefinite pronouns
11.2. Listening: grammar focus on indefinite pronouns
11.3. Reading: grammar focus on indefinite pronouns
11.4. Speaking: discussing first impressions
11.5. Writing: personal stories of first impressions

Chương 12: Unit 11 - physical and animal worlds, geography (3LT: 3TL)

12.1. Grammar: Voice, reported requests with ask, tell, want
12.2. Listening & Reading : grammar focus on Voice
12.3. Speaking: comparing landscapes, choosing an appropriate pet
12.4. Writing: A story about a special characteristic of an animal

Chương 13: Unit 12 - office life and social customs (3LT: 3TL)

13.1. Grammar: second condition, making indirect questions, conjunctions and prepositions
13.2. Listening & Reading : grammar focus on conjunctions and prepositions
13.3. Speaking: "The *if* …game"; -Writing: asking for and giving advice

Chương 14: Closing the course (0LT, 6TL)

14.1. Submission of assignments
14.2. Grammar revision
14.3. Listening skills revision
14.4. Reading skills revision
14.5. Instruction for final test

4. Yêu cầu của môn học
- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc (TLBB)

1. Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan (2004). *Know how 2*. Oxford University Press

9.2. Tài liệu liệu tham khảo (TLTK)

2. Anne Taylor. *Target TOEIC (second edition).* Nxb trẻ.

9.12. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Mộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 1

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;

- Năng lực đạt được: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở học phần Tiếng Anh 1 như: các thì, thể của động từ; trợ động từ; câu bị động; câu điều kiện…đồng thời người học tiếp thu được các kiến thức ngữ pháp mới như: mệnh đề quan hệ xác định - không xác định, lời nói trực tiếp, gián tiếp, câu hỏi đuôi, đảo ngữ…
- Nêu được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán…

2.2 ***Mục tiêu kỹ năng****:*

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng giao tiếp sau :

- Xây dựng được những câu hỏi cần thiết trong giao tiếp; có khả năng tạo ra và duy trì được những cuộc hội thoại đơn giản về các chủ đề đã học trong công việc và cuộc sống thường nhật ở môi trường thường xuyên giao tiếp với người nước ngoài. Ở trình độ này, người học còn mắc lỗi ngữ pháp, phát âm và sử dụng từ, nhưng không cản trở nhiều đến nội dung thông điệp.

- Nghe hiểu được những cuộc hội thoại đơn giản về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo đơn giản.

- Có thể đọc hiểu được những bài viết đơn giản phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ,câu trong văn cảnh cụ thể.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80-100 từ về những chủ đề quen thuộc: mô tả địa điểm, kể về một kỳ nghỉ…(về những chủ đề đã học); có khả năng viết một lá thư ngắn, không nghi thức: ví dụ, viết thư cho bạn… hoặc viết một bưu thiếp...

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học*:* Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần: Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết

3.1 Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Unit 1 - From me to you (3LT: 1TL)

1.1. Introduction

1.2. Course Introduction

1.3. Unit 1: From me to you

Chương 2: Unit 2 - From me to you (continued) (2LT: 2TL)

2.1. Grammar: tag questions

2.2. Listening: A sociologist talks about gossip, an informal phone conversation

2.3. Reading: *"In Touch"*

2.4. Speaking: Conversation strategies

2.5. Toeic Listening strategies: Part 1: Photos

Chương 3: Unit 3 - In the limelight (2LT: 2TL)

3.1. Topics: The performing arts

3.2. Grammar: review of present perfect continuous/present perfect simple

3.3. Listening: An opera singer

3.4. Reading: *"Prince Eyango"*

3.5. Speaking: Talking about musicians

Chương 4: Unit 4 - In the limelight (Continued) (2LT: 2TL)

4.1. Grammar: questions with prepositions

4.2. Listening: A TV game show

4.3. Reading: *"The Writing Life"*

4.4. Speaking: Talking about hobbies and working styles

4.5. Toeic Listening strategies: Part 2: Question-response

Chương 5: Unit 5 - By coincidence (2LT: 2TL)

5.1. Topics: coincidence and connections

5.2. Grammar: Past perfect

5.3. Listening: "*Table for Two"*
5.4. Reading: The story of Deborah and Josep/"*Six Degrees of Separation"*
5.5. Speaking: Telling a story about a coincidence
5.6. Writing: a story about a coincidence

Chương 6: Unit 6 - By coincidence (Continued) (2LT: 2TL)
6.1. Grammar: Relative clauses (object)
6.2. Listening: Confirmation/Song
6.3. Speaking: Sending a package to people, Confirmation
6.4. Toeic Listening strategies: Part 3: Conversations

Chương 7: Unit 7- A day's work (2LT: 2TL)
7.1. Topics: Job and work experience
7.2. Grammar: Gerunds and infinitive
7.3. Listening: People talking about their job/Dangerous job
7.4. Reading: Extract from a book – "*Tis"*
7.5. Speaking: Discussing important features in a job

Chương 8: Unit 8 - A day's work (Continued) (2LT: 2TL)
8.1. Grammar: It….+infinitive
8.2. Reading: Extract from a book – "*Tis"*
8.3. Speaking: Talking about workplace problems
8.4. Toeic Listening strategies: Part 4: Talks

Chương 9: Unit 9 - The nature of things (2LT:2TL)
9.1. Topics: Ecology and natural phenomena
9.2. Grammar: passive: continuous and perfect form
9.3. Listening: A park ranger
9.4. Reading: *"Best-dressed penguins are wearing wool this year"*
9.5. Speaking: Debating an environmental issue
9.6. Writing: A letter to a newspaper

Chương 10: Unit 10- The nature of things (Continued) (2LT: 2LT)
10.1. Grammar: Time clauses (future)
10.2. Listening: A news report about the weather
10.3. Reading: *Volcano*
10.4. Speaking: Discussing places to live
10.5. Toeic Reading Strategies: Part 5: Incomplete Sentences

Chương 11: Unit 11 - Make your mark (2LT: 2TL)
11.1. Topics: Heroes and fame
11.2. Grammar: Ability: *Could and able to*
11.3. Listening: Who do you admire
11.4. Reading: An article about folk tales
11.5. Speaking: describing someone you admire /Telling a folk tale
11.6. Writing: A folk tale
11.7. Toeic Reading Strategies: Part 6: Text completion

Chương 12: Unit 12 - Make your mark (Continued) (2LT: 2TL)
12.1. Grammar: First and second conditional
12.2. Listening: A survey about fame
12.3. Toeic Reading Strategies: Part 7: Reading comprehension

Chương 13: (2LT: 1TL)
13.1. Review of Toeic listening Skills
13.2. Review of Toeic Reading Skills

13.3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, loa đài và tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc (TLBB)

1. Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin (2004). *English KnowHow*
2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2016) Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B, quyển 1, 2, Nxb Thanh Hoá

9.2. Tài liệu liệu tham khảo (TLTK)

3. Keil J.Anderson (1996). Active Skills for Reading/ Book 2 (second edition).

9.13. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3

- Số tín chỉ: 3(27, 36)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Mộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Các kiến thức ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc.
- Năng lực đạt được: Người học có khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống của cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình, phục vụ cho công việc sau này.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, đồng thời mở rộng kiến thức ngữ pháp nâng cao.
- Nêu được vốn từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán…

2.2 Mục tiêu kỹ năng

- Có khả năng giao tiếp trong những tình huống thông thường của cuộc sống cũng như trong môi trường làm việc.
- Có khả năng nghe hiểu những cuộc hội thoại thông thường về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo trong công việc.
- Có khả năng đọc hiểu những bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể, có khả năng suy luận.
- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80 -100 từ về những chủ đề thông thường trong cuộc sống. Có khả năng viết một lá thư ngắn, theo nghi thức.
- Có khả năng nâng cao vai trò làm việc theo nhóm và tự học.

3. Nội dung học phần

Chương 1: Unit 7 – By design (2LT: 2TL)

1.1. Introduction
1.2. Course Introduction
1.3. Unit 7: By design

Chương 2: Unit 7 – By design (continued) (2LT: 2TL)

2.1. Grammar: so/such…that
2.2. Listening: Features of cars
2.3. Reading: Read the description of Plaza Olavide
2.4. Speaking: Planning a public park, Role-play: Buying/selling a car
2.5. Writing: Describing a public place

Chương 3: Unit 8 - Special offer (2LT: 3TL)

3.1. Topics: Services and advertising
3.2. Grammar: have/get st done
3.3. Listening: An errand-running service
3.4. Vocabulary: damaged goods
3.5. Speaking: Creating a service
3.6. Writing: A formal letter

Chương 4: Unit 8 - Special offer (2LT: 3TL)

4.1. Grammar:Verb +object + infinitive
4.2. Listening: Radio commercials
4.3. Reading: "*Motion Ads may make commute seem faster"*
4.4. Speaking: planning a radio commercial
4.5. Writing: Write a radio commercial for a product

Chương 5: Unit 9 - Mysteries and science (2LT: 3TL)

5.1. Topics: Unsolved mysteries and scientific explanation
5.2. Grammar: Possibilities
5.3. Listening: A suprising story
5.4. Reading: *"Mysteries of the Southwest"*
5.5. Speaking: Talking about a frightening or surprising experience

Chương 6: Unit 9 - Mysteries and science (continued) (2LT: 3TL)

6.1. Grammar: Noun clauses
6.2. Listening: A radio program about science
6.3. Reading: *"Unraveling the mysteries of fossils"*
6.4. Speaking: "*How much do you know about science"*
6.5. Pronunciation: Vowel sounds

Chương 7: Unit 10 - Mind your manners (2LT: 3TL)

7.1. Topics: Misunderstanding and manners
7.2. Grammar: Reported speech
7.3. Listening: Soap operas
7.4. Vocabulary: speaking verbs
7.5. Speaking: Language in action: Misunderstandings

Chương 8: Unit 10 - Mind your manners (continued) (2LT: 3TL)

8.1. Grammar: would have, should have
8.2. Listening: Are manners going out of styles?
8.3. Reading: "*The power of poetry"*
8.4. Speaking: Discussing good and bad manners
8.5. Writing: writing a haiku

Chương 9: Unit 11 - Make or bread (2LT: 3TL)

9.1. Topics: Justice and life decisions, crimes
9.2. Grammar: Third conditional
9.3. Listening: Unusual punishments
9.4. Reading: An article about a robbery
9.5. Speaking: Choosing and appropriate punishment

Chương 10: Unit 11 - Make or bread (continued) (2LT: 3TL)

10.1. Grammar: whatever, wherever, whoever…
10.2. Listening: Good advice
10.3. Reading: *"Point of view"*
10.4. Speaking: Gratitude
10.5. Writing: Describing a life-changing experience

Chương 11: Unit 12 - A laugh a day (2LT: 3TL)

11.1. Topics: Health and laughter, sickness and health
11.2. Grammar: Structure with there+be
11.3. Listening: A laughter club
11.4. Reading : *"Musician on call"*
11.5. Speaking: Discussing how lifestyle affects health

Chương 12: Unit 12 - A laugh a day (continued) (2LT: 3TL)

12.1. Grammar: Connectors
12.2. Listening: Jokes
12.3. Reading : *"Why do we laugh?"*
12.4. Speaking: Practice telling jokes
12.5. Writing: Learning English outside the classroom

Chương 13: (2LT: 3TL)

13.1. Review of Toeic listening Skills
13.2. Review of Toeic Reading Skills
13.3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Tài liệu bắt buộc (TLBB)

1.Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin (2004). *English KnowHow 3 (Units 7-12)*. Oxford University Press.

2. Sue Ireland, Joanna Kosta (2016), Target PET, Richmond Publishing.

9.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Keil J.Anderson (1996). Active Skills for Reading/ Book 2 (second edition).

2. Trịnh Thị Thơm và các cộng sự (2016), Rèn luyện kỹ năng Viết (Bổ trợ cho bài thi B1 KNLNN Việt Nam, Nxb Thanh Hóa.

9.14. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TOÁN CAO CẤP

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Mã học phần: 114025
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Toán ứng dụng – Khoa Khoa học tự nhiên
- Học phần tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển, ma trận, không gian vectơ, hệ phương trình tuyến tính và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân đối với hàm một biến và nhiều biến; một số phương pháp để giải phương trình vi phân thường.

- Năng lực đạt được: Người học có năng lực giải quyết các vấn đề toán học, tạo điều kiện cho sinh viên có thể học tốt các môn chuyên ngành.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm được những kiến thức cơ bản về ma trận và định thức, biết giải và biện luận các hệ phương trình tuyến tính, cũng như hiểu rõ được cấu trúc không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính.

- Giải thích được những bài tập cơ bản về sự liên tục, đạo hàm (cấp cao), tìm nguyên hàm và tính tích phân (một lớp và hai lớp), cực trị của hàm hai biến.

- Nêu được phương pháp giải phương trình vi phân cấp một và cấp hai.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học để giải các dạng bài tập cơ bản của học phần; tính toán được chính xác ứng với các số liệu đã có.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học: Sinh viên có thái độ làm việc chăm chỉ, cẩn thận, chính xác; xây dựng được thói quen tự học và tự giải quyết vấn đề.

3. Nội dung học phần

Chương mở đầu: CƠ SỞ (3LT: 2TL)

1. Tập hợp

1.1. Tập hợp và phần tử

1.2. Các phép toán trên tập hợp

1.3. Tập hợp các tập con của một tập hợp. Số phần tử của một tập hợp

1.4. Tích Đề các

2. Ánh xạ

2.1. Định nghĩa và ví dụ

2.2. Ảnh và tạo ảnh

2.3. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh

2.4. Tích các ánh xạ

3. Số phức

3.1. Định nghĩa và phép toán

3.2. Dạng lượng giác của số phức

3.3. Khai căn số phức

Chương 1: MA TRẬN, ĐỊNH THỨC, HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH (8LT:12TL)

1.1. Ma trận

1.1.1. Khái niệm ma trận

1.1.2. Các phép toán trên ma trận

1.1.3. Một số tính chất

1.2. Định thức

1.2.1. Định thức cấp *n*. Định nghĩa định thức cấp n bằng phương pháp quy nạp.

1.2.2. Các tính chất cơ bản

1.2.3. Định thức con và phần bù đại số

1.2.4. Các cách tính định thức

1.2.5. Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận

1.2.6. Ứng dụng: Hệ phương trình Crame

1.3. Hệ phương trình tuyến tính

1.3.1. Các khái niệm cơ bản

1.3.2. Hệ phương trình tuyến tính Crame

1.3.3. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát: Định lý Cronecker - Capeli

1.3.4. Cách giải hệ phương trình tuyến tính: Phương pháp dùng định thức (đưa về dùng quy tắc Crame) và phương pháp biến đổi sơ cấp (Gauss)

1.4. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất

1.4.1. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất và không gian các nghiệm của nó

1.4.2. Mối liên hệ giữa nghiệm của một hệ phương trình tuyến tính và nghiệm của hệ phương trình tuyến tính thuần nhất liên kết với nó.

Chương 2: KHÔNG GIAN VECTƠ (4LT:5TL)

2.1. Không gian vectơ

2.1. Định nghĩa và ví dụ

2.2. Các tính chất đơn giản

2.2. Không gian vectơ con

2.2.1. Định nghĩa và ví dụ

2.2.2. Tính chất đặc trưng

2.2.3. Một số không gian con đặc biệt: tổng và giao

2.3. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ hữu hạn vectơ

2.3.1. Định nghĩa và ví dụ

2.3.2. Một số tính chất đơn giản

2.3.3. Bộ phận độc lập tuyến tính tối đại của 1 hệ vectơ

2.4. Không gian vectơ *n* chiều

2.4.1. Không gian hữu hạn chiều

2.4.2. Số chiều của không gian vectơ con

2.4.3. Toạ độ của một vectơ

2.4.4. Ma trận chuyển cơ sở; Quan hệ giữa các toạ độ vectơ đối với hai cơ sở khác nhau.

Chương 3: ÁNH XẠ TUYẾN TÍNH (3LT:5TL)

3.1. Ánh xạ tuyến tính

3.1.1. Định nghĩa và ví dụ

3.1.2. Các tính chất, định lý về sự xác định ánh xạ tuyến tính

3.1.3. Sự đẳng cấu của hai không gian cùng số chiều

3.2. Ảnh và hạt nhân của một ánh xạ tuyến tính

3.2.1. Định nghĩa ảnh, hạt nhân

3.2.2. Liên hệ giữa số chiều của ảnh, hạt nhân và số chiều của không gian nguồn.

3.3. Các phép toán trên các ánh xạ tuyến tính

3.3.1. Tổng các ánh xạ tuyến tính

3.3.2. Tích một ánh xạ tuyến tính với một số thực

3.3.2 Tích hai ánh xạ tuyến tính

3.4. Ma trận của một ánh xạ tuyến tính

3.4.1. Định nghĩa ma trận của một ánh xạ tuyến tính

3.4.2. Quan hệ giữa các phép toán trên các ánh xạ tuyến tính và trên các ma trận

3.4.3. Hạng của một ánh xạ tuyến tính

3.4.4. Ma trận của một ánh xạ tuyến tính đối với các cơ sở khác nhau.

Chương 4: GIỚI HẠN VÀ SỰ LIÊN TỤC CỦA HÀM SỐ (3LT:4TL)

4.1. Tập hợp số thực

4.2. Đại cương về hàm số.

4.3. Các hàm số sơ cấp cơ bản.

4.4. Giới hạn của hàm số.

4.5. Liên tục của hàm số.

Chương 5: ĐẠO HÀM VÀ VI PHÂN CỦA HÀM MỘT BIẾN (3LT:4TL)

5.1. Các khái niệm đạo hàm, các định lý cơ bản về đạo hàm, một số trường hợp đặc biệt của đạo hàm, đạo hàm cấp cao, công thức Leibnitz.

5.2. Khái niệm vi phân, liên hệ giữa vi phân và đạo hàm, ứng dụng vi phân tính gần đúng, vi phân cấp cao.

5.3. Các định lý cơ bản về hàm khả vi.

5.4. Quy tắc Lôpital.

Chương 6: NGUYÊN HÀM VÀ TÍCH PHÂN (3LT:5TL)

6.1. Tích phân không xác định

6.1.1. Định nghĩa nguyên hàm, tích phân không xác định.

6.1.2. Phương pháp đổi biến số, tích phân từng phần.

6.1.3. Tích phân hàm hữu tỉ.

6.1.4. Tích phân của một số hàm vô tỉ và lượng giác.

6.2. Tích phân xác định

6.2.1. Khái niệm tích phân xác định, định lý về sự tồn tại của tích phân xác định, các tính chất của tích phân xác định, định lý về giá trị trung bình.

6.2.2. Cách tính tích phân xác định: đạo hàm theo cận trên, Newton – Leibnitz.

6.2.3. Các phương pháp tính tích phân xác định.

6.2.4. Ứng dụng của tích phân xác định: Tính diện tích hình phẳng, thể tích vật thể bất kỳ, thể tích vật thể tròn xoay.

Chương 7: HÀM NHIỀU BIẾN,TÍCH PHÂN HAI LỚP (4LT:5TL)

7.1. Hàm nhiều biến

7.1.1. Tập hợp trong R^2. Định nghĩa hàm hai biến.

7.1.2. Giới hạn của hàm hai biến, tính liên tục của hàm hai biến.

7.1.3. Đạo hàm và vi phân.

7.1.4. Đạo hàm cấp cao.

7.1.5. Cực trị của hàm hai biến.

7.2. **Tích phân hai lớp**.

7.2.1. Định nghĩa tích phân hai lớp.

7.2.2. Cách tính.

Chương 8: PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN (4LT:6TL)

8.1. Phương trình vi phân cấp một

8.1.1. Đại cương về phương trình vi phân cấp một

8.1.2 Phương trình khuyết và phương trình tách biến

8.1.3. Phương trình vi phân thuần nhất và phương trình vi phân tuyến tính cấp 1

8.1.4. Phương trình Becnuli

8.1.5. Phương trình vi phân toàn phần.

8.2. Phương trình vi phân cấp hai với hệ số là hằng số

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, Tập 1: Đại số và Hình học giải tích*, NXB Giáo dục 2010.

2. Nguyễn Đình Trí - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh. *Toán học cao cấp, Tập 2: Phép tính giải tích một biến số*, NXB Giáo dục 2010.

3. Nguyễn Đình Trí - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, Tập 3*: *Phép tính giải tích nhiều biến số*, NXB Giáo dục 2010.

9.2. Sách tham khảo:

4. Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh, *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.

5. Nguyễn Tiến Quang - Lê Đình Nam, *Cơ sở Đại số tuyến tính*, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

9.15. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Mã học phần: 173080
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tin học ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: 7 mô đun:
  + Mô đun A1: Các khái niệm cơ bản về CNTT
  + Mô đun A2: Máy tính và hệ điều hành
  + Mô đun A3: Mạng máy tính và Internet
  + Mô đun A4: Phần mềm soạn thảo văn bản
  + Mô đun A5: Phần mềm trình diễn văn bản
  + Mô đun A6: Phần mềm xử lý bảng tính
- Năng lực đạt được: Người học có khả năng thực hành, vận dụng các nội dung liên quan đến tin học ứng dụng như soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, xử lý bảng tính phục vụ công việc và học tập.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin (CNTT), máy tính; sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows;
- Nắm được khái niệm cơ bản về mạng máy tính và Internet; các phần mềm tiện ích thông dụng; các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên sử dụng được một cách thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng được thư điện tử, Website, biết được cách tìm kiến, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng được các phần mềm tiện ích thông dụng, thiết thực, các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý được bảng tính để làm việc, học tập và nghiên cứu.

3. Nội dung học phần:

Mô đun A1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CNTT (2LT,3TL)

1.1. Thông tin và dữ liệu

1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
1.1.2. Xử lý thông tin bằng máy tính
1.1.3. Khái niệm phần cứng, phần mềm

1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân
1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.3. Hệ thống máy tính

1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
1.3.2. Bộ xử lý trung tâm - CPU
1.3.3. Bộ nhớ
1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất
1.3.5. Cấu hình cần biết khi mua máy tính

1.4. Phần mềm và thuật toán

1.4.1. Phần mềm

1.4.2. Thuật toán

Mô đun A2: MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH (3LT,3TL)

2.1. Các thao tác cơ bản

2.1.1. Khởi động máy tính

2.1.2. Màn hình nền (desktop) và nút Start

2.1.3. Sử dụng bàn phím và chuột

2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ

2.1.5. Tắt máy đúng kiểu

2.2. Quản lý và khai thác máy tính

2.2.1. Tổ chức dữ liệu trên máy tính

2.2.2. Khai thác và sử dụng My Computer

2.2.3. Biểu tượng tệp tin, thư mục

2.2.4. Các thao tác cơ bản với tệp tin và thưc mục

2.2.5. Sử dụng chương trình Windows Explorer

2.3. Sử dụng máy tính

2.3.1. Cài đặt máy in và in tài liệu

2.3.2. Tìm kiếm tệp tin, thư mục

2.3.3. Nén dữ liệu

2.3.4. Xem thông tin về máy tính

2.3.5. Thiết lập Control Panel

2.3.6. Cài đặt, cập nhật, gỡ bỏ các chương trình ứng dụng

2.3.7. Một số phím tắt

2.4. Tiếng Việt trên máy tính

2.4.1. Vấn đề mã hóa tiếng Việt

2.4.2. Kiểu gõ Telex

2.4.3. Các bộ gõ thông dụng

2.5. Một số phần mềm tiện ích

Mô đun A3: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET (4LT,3TL)

3.1. Khái niệm mạng máy tính và Internet

3.2. Một số thuật ngữ tiếng Anh khi sử dụng Internet

3.3. Thư điện tử - Email

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Tên hộp thư điện tử

3.3.3. Thiết lập và sử dụng thư điện tử: gmail, yahoo

3.4. Website, Blog, diễn đàn

3.4.1. Khái niệm WWW, Website, Blog, diễn đàn

3.4.2. Tên miền URL

3.4.3. Trang chủ (Home page)

3.4.4. Một số Website, Blog, diễn đàn thông dụng

3.5. Tìm kiếm thông tin trên Internet

3.5.1. Vai trò của thông tin và tìm kiếm thông tin

3.5.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin với Google Search

3.6. Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng Internet

3.7. Thuê bao kết nối Internet

Mô đun A4: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN (3LT,5TL)

4.1. Giới thiệu

4.1.1. Khởi động

4.1.2. Cửa sổ làm việc

4.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
4.1.4. Thoát khỏi
4.2. Các thao tác cơ bản
4.2.1. Nhập và điều chỉnh văn bản
4.2.2. Thao tác trên một khối văn bản
4.2.3. Các thao tác cơ bản với file văn bản
4.3. Định dạng và in ấn văn bản
4.3.1. Định dạng ký tự
4.3.2. Định dạng đoạn văn bản
4.3.3. Một số định dạng khác
4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản
4.4. Chèn đối tượng vào văn bản
4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt
4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật
4.4.3. Chèn tranh
4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa
4.4.5. Chèn công thức toán học
4.4.6. Chèn biểu đồ
4.5. Bảng biểu
4.5.1. Tạo bảng mới
4.5.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng
4.5.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng
4.6. Một số xử lý khác
4.6.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản
4.6.2. Tạo và sử dụng AutoCorrect
4.6.3. Chèn số trang
4.6.4. Chèn Header and Footer
Mô đun A5: PHẦN MỀM TRÌNH DIỄN VĂN BẢN (3LT,5TL)
5.1. Giới thiệu
5.1.1. Khởi động
5.1.2. Cửa sổ làm việc
5.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
5.1.4. Các kiểu hiển thị một trình chiếu
5.1.5. Các hướng dẫn thực hiện từng bước một
5.1.6. Các bước tạo một minh hoạ
5.1.7. Thoát khỏi
5.2. Các thao tác với file trình diễn và với Slide
5.2.1. Các khái niệm cơ bản
5.2.2. Quy trình soạn thảo trình diễn
5.2.3. Các thao tác với file trình diễn
5.3. Các thao tác với slide
5.3.1. Định dạng slide
5.3.2. Các thao tác với slide: chèn, sao chép, di chuyển, xóa
5.3.3. Trình bày slide
5.4. Tạo hiệu ứng
5.4.1. Thiết lập template
5.4.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
5.4.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng

5.5. Trình chiếu slide và in ấn

5.5.1. Trình chiếu slide

5.5.2. Định dạng trang in và in file trình diễn

Mô đun A6: PHẦN MỀM XỬ LÝ BẢNG TÍNH (3LT,5TL)

6.1 Giới thiệu

6.1.1. Khởi động

6.1.2. Cửa sổ làm việc

6.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ

6.1.5. Các thao tác với file bảng tính

6.2. Các thao tác với bảng tính

6.2.1. Nhập, sửa dữ liệu

6.2.2. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in bảng tính

6.3.1. Định dạng dữ liệu

6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm

6.4.2. Một số hàm thông dụng: sum, average, round, %, max, min, rank, and, or, left, right, if, day 360, datevalue, vlookup, hlookup, countif, Dcount, sumif, Dsum, averageif...

6.5. Biểu đồ

6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ

6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính

6.6.1. Các khái niệm cơ bản

6.6.2. Sắp xếp dữ liệu

6.6.3. Trích lọc dữ liệu: AutoFilter, Advanced Filter

6.6..4. Tổng hợp dữ liệu: Subtotal

6.7. Tính toán trên nhiều bảng tính

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2010, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.

2. Hàn Viết Thuận (2012), Tin học đại cương, Nxb ĐHQTKD.

9.2. Giáo trình, sách tham khảo:

3. Dương Minh Quý (2013), Microsoft Office 2007.

4. Microsoft (2012), Step by Step Microsoft Office 2007, Microsoft Press.

9.16. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN XÁC SUẤT – THỐNG KÊ TOÁN HỌC

- Số tín chỉ: 03 (27,36)
- Mã học phần: 114005
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Toán ứng dụng – Khoa khoa học tự nhiên
- Học phần tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Các khái niệm cơ bản của xác suất các công thức xác suất, các kiến thức về biến ngẫu nhiên và hàm phân phối, một số phân phối thông dụng, các định lý giới hạn; các phương pháp chọn mẫu và xử lý số liệu thực nghiệm, các phương pháp ước lượng đối với các tham số, kiểm định các giả thiết thống kê, so sánh tương quan và tìm hàm hồi quy để từ đó dự đoán các kết quả.

- Năng lực đạt được: Người học có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến xác suất thống kê toán, vận dụng được các phương pháp chọn mẫu và xử lý số liệu thực nghiệm, các phương pháp ước lượng đối với các tham số, kiểm định các giả thiết thống kê, so sánh tương quan và tìm hàm hồi quy để từ đó dự đoán các kết quả, giải quyết các vấn đề trong học tập và công việc.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nêu được các khái niệm cơ bản, các định nghĩa xác suất và các công thức xác suất, khái niệm biến ngẫu nhiên, biến ngẫu nhiên 2 chiều, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.

- Trình bày được một số phân phối thường dùng, Luật số lớn và các định lý giới hạn. Nêu được khái niệm mẫu ngẫu nhiên, phân phối mẫu, và các số đặc trưng mẫu.

- Nêu được khái niệm ước lượng điểm và ước lượng khoảng của một số thống kê, khái niệm kiểm định giả thiết thống kê của một số thống kê trong phân phối chuẩn và phân phối nhị thức, khái niệm về tương quan hồi quy, hệ số tương quan mẫu,đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm, tỷ số tương quan, phương pháp tìm hàm hồi quy tuyến tính.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Tính được xác suất bằng định nghĩa cổ điển, vận dụng được các công thức xác suất để giải các bài toán.

- Tính được các giá trị đặc trưng của các biến ngẫu nhiên.

- Vận dụng được các định lý giới hạn để giải các bài toán xác suất.

- Biết tính hệ số, tỷ số tương quan của 2 biến ngẫu nhiên, tìm được hàm hồi quy tuyến tính thực nghiệm; Sử dụng đúng và thành thạo các bảng số thường dùng trong xác suất và TK.

3. Nội dung học phần

Chương 1: XÁC SUẤT (7LT:9TL)

1.1. Sơ lược về giải tích tổ hợp.

1.2. Phép thử và biến cố ngẫu nhiên.

1.3. Định nghĩa xác suất.

1.4. Xác suất có điều kiện. Sự độc lập của các biến cố. Dãy phép thử Bernoulli.

1.5. Công thức cộng xác suất.

1.6. Công thức nhân xác suất.

1.7. Công thức xác suất đầy đủ và công thức xác suất Bayes.

1.8. Công thức xác suất nhị thức.

Chương 2: BIẾN NGẪU NHIÊN (8LT:11TL)

2.1. Những khái niệm cơ bản.

2.2. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.

2.2.1. Kỳ vọng của biến ngẫu nhiên.

2.2.2. Phương sai của biến ngẫu nhiên

2.2.3. Các số đặc trưng khác.

2.3. Một số phân phối thường dùng.

2.3.1. Phân phối nhị thức.

2.3.2. Phân phối Poisson

2.3.3. Phân phối siêu bội.

2.3.4. Phân phối đều.

2.3.5.Phân phối chuẩn.

2.3.6. Phân phối Student.

2.3.7. Phân phối khi bình phương và phân phối Fisher

2.4. Luật số lớn. Một số định lý giới hạn.

2.4.1. Luật số lớn.

2.4.2. Định lý giới hạn địa phương.

2.4.3. Định lý giới hạn trung tâm.

2.4.4. Định lý giới hạn Poisson.

Chương 3: THỐNG KÊ TOÁN HỌC (7LT:9TL)

3.1. Mẫu ngẫu nhiên.

3.2. Ước lượng tham số.

3.2.1. Ước lượng xác suất trong phân phối nhị thức.

3.2.2. Ước lượng hiệu 2 xác suất trong 2 phân phối nhị thức.

3.2.3. Ước lượng kỳ vọng trong phân phối chuẩn.

3.2.4. Ước lượng hiệu 2 kỳ vọng trong 2 phân phối chuẩn.

3.2.5. Ước lượng phương sai trong phân phối chuẩn.

3.3. Kiểm định giả thiết thống kê.

3.3.1. Kiểm định xác suất trong phân phối nhị thức.

3.3.2. So sánh 2 xác suất trong 2 phân phối nhị thức.

3.3.3. Kiểm định kỳ vọng trong phân phối chuẩn.

3.3.4. So sánh 2 kỳ vọng trong 2 phân phối chuẩn.

Chương 4. TƯƠNG QUAN VÀ HỒI QUY (5LT:7TL)

4.1. Hệ số tương quan mẫu.

4.2. Hàm hồi quy và phương pháp bình phương bé nhất.

4.3. Tỷ số tương quan và độ sai số dự báo.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. *Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán.* Nguyễn Cao Văn, NXB TKê, 2013.
2. *BT xác suất và thống kê toán.* Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh-NXBGD 2013.

9.2. Sách tham khảo:

3. *Xác suất và thống kê toán học.* Đào Hữu Hồ-NXBĐHQG HN 2001.
4. *Giáo trình Xác suất và thống kê.* Phạm Văn Kiều-NXBGD HN 2000.

9.17. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LÝ THUYẾT MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 151090
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Thống kê – Toán Kinh tế - Khoa KT - Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản của quá trình mô hình hóa kinh tế, mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích kinh tế, hành vi tối ưu của tác nhân kinh tế, các công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi, các phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.
- Năng lực đạt được: Người học có khả năng áp dụng để thiết lập và phân tích các mô hình kinh tế, phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi, vận dụng được các phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý. Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Trình bày và nhận thức được các kiến thức cơ bản về toán học vận dụng trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường; Trình bày được rõ nguyên lý của việc ra các quyết định sản xuất.

2.2. Về kỹ năng: Vận dụng phân tích và dự báo kinh tế từ các mô hình, Xây dựng được mô hình từ các dữ liệu giả thiết, xây dựng được hàm dự báo kinh tế.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ (4LT:5TL)

1.1. Ý nghĩa của "phương pháp mô hình"

1.1.1. Phương pháp nghiên cứu

1.1.2. ý nghĩa của phương pháp mô hình trong nghiên cứu kinh tế

1.2. Khái niệm mô hình kinh tế và mô hình toán kinh tế

1.2.1. Mô hình hóa đối tượng

1.2.2. Mô hình kinh tế và Mô hình toán kinh tế

1.2.3. Cấu trúc của mô hình toán kinh tế

1.3. Phương pháp phân tích mô hình

1.3.1. Giải mô hình

1.3.1. Các hình thức biểu diễn nghiệm của mô hình

1.3.2. Phân tích so sánh tĩnh

1.4. Quy trình xây dựng và sử dụng mô hình toán kinh tế

Chương 2. MÔ HÌNH TỐI ƯU TRONG KINH TẾ (6LT: 9TL)

2.1. Gới thiệu chung về mô hình tối ưu

2.1.1. Giới thiệu chung về mô hình tối ưu

2.1.2. Một số giả thiết và vấn đề liên quan đến mô hình tối ưu.

2.2. Mô hình phân tích hành vi của doanh nghiệp - hành vi sản xuất kinh doanh

2.2.1. Mô hình phân tích hành vi sản xuất

2.2.2. Mô hình hàm sản xuất

2.2.3. Mô hình phân tích tác động của các yếu tố tới sản lượng

2.2.4. Mô hình tối ưu về mặt kinh tế của quá trình sản xuất.

2.2.5. Mô hình tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp

2.3. Mô hình phân tích hành vi của hộ gia đình - hành vi tiêu dùng

2.3.1. Mô hình hàm thoả dụng

2.3.2. Mô hình tối đa hoá thoả dụng

Chương 3. MÔ HÌNH TỐI ƯU TUYẾN TÍNH (10LT: 12TL)

3.1. Một số tình huống trong hoạt động KTvà mô hình bài toán QHTT tương ứng

3.2. Mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính

3.2.1. Bài toán quy hoạch tuyến tính dạng tổng quát

3.2.2. Bài toán quy hoạch tuyến tính dạng chính tắc

3.2.3. Bài toán quy hoạch tuyến tính dạng chuẩn tắc

3.3. Các tính chất chung của bài toán quy hoạch tuyến tính

3.4. Phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính

3.4.1. Cơ sở lý thuyết của phương pháp đơn hình

3.4.2. Thuật toán của phương pháp đơn hình

3.4.3. Áp dụng thuật toán đơn hình tìm phương án cực biên

3.4.4. Phân tích quan hệ trong cặp bài toán đối ngẫu và ứng dụng

3.5. Bài toán vận tải

3.5.1. Nội dung và đặc điểm

3.5.2. Xây dựng phương án cực biên

3.5.3. Phương pháp thế vị giải bài toán

Chương 4. BẢNG VÀO - RA (input - output - I/O) (7LT: 10TL)

4.1. Sơ lược về lịch sử phát triển và việc ứng dụng bảng vào ra Việt Nam

4.2. Một số vấn đề về phương pháp luận xây dựng bảng vào - ra

4.3. Bảng vào - ra của một số nước

4.4. Bảng vào - ra hiện vật

4.5. Bảng vào - ra dạng giá trị

4.6. Hệ số chi phí toàn bộ

4.7. Một số ứng dụng của bảng I/O trong phân tích và dự báo kinh tế

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Học liệu:

9.1. Học liệu chính:

1. Lý thuyết mô hình toán kinh tế, Hoàng Đình Tuấn, NXBĐH KTQD, 2015
2. Mô hình toán kinh tế. Hoàng Đình Tuấn, NXB ĐH KTQD, 2007.

9.2. Học liệu tham khảo:

3. Lê Đình Thúy (2018), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB ĐH KTQD, 2018
4. Nguyễn Kim Dũng (2012), Kinh tế học tập 1, Nxb ĐH KTQD. Hà nội/2007

9.18. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LUẬT KINH TẾ

- Số tín chỉ: 03 (27,36)
- Mã học phần: 197010
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa LLCT, ĐHHĐ
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: 8 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về luật kinh tế như: lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam trình tự thủ tục, điều kiện đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã. Khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã. Các hoạt động thương mại, các hoạt động trung gian thương mại, hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại. Việc cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường . Trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trình tự thủ tục giải quyết các tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại Việt Nam và toà án…
- Năng lực đạt được: Người học hiểu được và thực hiện được trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, giải quyết được các tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần:

2.1 Về kiến thức :

Nắm vững và hiểu một cách sâu sắc những vấn đề chung nhất về pháp luật doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh. Các hoạt động thương mại, hợp đồng thương mại, mua bán hàng hoá qua sở giao dịch, đấu giá, đấu thầu hàng hoá, vấn đề cạnh tranh theo quy định của pháp luật trong nền kinh tế thị trường, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm trọng tài thương mại và toà án…

2.2 Về kỹ năng :

- Phân tích, đánh giá được các hình thức hợp đồng thương mại, mua bán hàng hoá qua sở giao dịch, đấu giá, đấu thầu hàng hoá, vấn đề cạnh tranh theo quy định của pháp luật trong nền kinh tế thị trường
- Xác định được các trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm trọng tài thương mại và toà án…
- Trình bày được trình tự của việc phá sản doanh nghiệp, HTX

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ LUẬT KINH TẾ VIỆT NAM (2LT:0TL)

1.1. Khái niệm về luật kinh tế
1.1.1. Định nghĩa luật kinh tế
1.1.2. Đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế
1.1.3. Phương pháp điều chỉnh luật kinh tế
1.2. Chủ thể của luật kinh tế
1.2.1. Các loại chủ thể
1.2.2. Phân loại thương nhân

Chương 2: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN - HỘ KINH DOANH CÁ THỂ(2LT:3TL)

2.1. Doanh nghiệp tư nhân
2.1.1. Khái niệm doanh nghiệp tư nhân
2.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân
2.1.3. Vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân
2.1.4. Thành lập doanh nghiệp tư nhân
2.1.5. Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp tư nhân
2.1.6. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp tư nhân
2.1.7. Chấm dứt hoạt động doanh nghiệp tư nhân
2.2. Hộ kinh doanh
2.2.1. Khái niệm hộ kinh doanh
2.2.2. Đặc điểm hộ kinh doanh
2.2.3. Thủ tục đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh

Chương 3: CÔNG TY (7LT:10TL)

3.1. Những vấn đề chung về công ty
3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty ở Việt Nam
3.1.2. Thành lập và đăng ký kinh doanh
3.1.3. Quyền và nghĩa vụ của công ty
3.1.4. Thành viên công ty
3.1.5. Tổ chức lại, giải thể công ty
3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn
3.2.1. Công ty TNHH hai thành viên trở lên
3.2.2. Công ty TNHH một thành viên
3.3. Công ty cổ phần
3.3.1. Khái niệm, đặc điểm công ty cổ phần
3.3.2. Cổ phần, cổ phiếu
3.3.3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông
3.3.4. Vốn và chế độ tài chính
3.3.5. Tổ chức và quản lý công ty cổ phần
3.4. Công ty hợp danh
3.4.1. Khái niệm, đặc điểm công ty hợp danh
3.4.2. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty hợp danh
3.4.3. Thành viên công ty hợp danh
3.4.4. Vốn của công ty hợp danh

Chương 4: LUẬT HỢP TÁC XÃ (2LT:3TL)

4.1. Khái niệm, đặc điểm HTX
4.1.1. Khái niệm
4.1.2. Đặc điểm
4.2. Việc thành lập và đăng ký kinh doanh của HTX
4.2.1. Thành lập và đăng ký kinh doanh
4.2.3. Các nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của HTX

4.3. Quy chế pháp lý về tổ chức, quản lý HTX
4.3.1. Đại hội thành viên
4.3.2. Hội đồng quản trị
4.3.3. Giám đốc/Tổng giám đốc
4.3.4. Cơ quan kiểm soát
4.4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của HTX
4.4.1. Quyền của HTX
4.4.2. Nghĩa vụ của HTX
4.5. Quy chế pháp lý thành viên HTX
4.5.1. Điều kiện trở thành thành viên
4.5.2. Quyền của thành viên
4.5.3. Nghĩa vụ của thành viên
4.5.4. Chấm dứt tư cách thành viên
4.6. Những vấn đề pháp lý về tài sản và tài chính của HTX
4.6.1. Tài sản của HTX
4.62. Tài chính của HTX
4.7. Tổ chức lại giải thể HTX
4.7.1. Tổ chức lại
4.72. Giải thể HTX
Chương 5: CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI (5LT: 9TL)
5.1. Những quy định chung về hoạt động thương mại
5.1.1. Khái niệm hoạt động thương mại
5.1.2. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại
5.2. Mua bán hàng hoá trong thương mại
5.2.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá
5.2.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá
5.2.3. Giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá
5.2.4. Điều kiện để hợp đồng mua bán hàng hoá có hiệu lực
5.2.5. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá
5.2.6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá
5.3. Mua bán hàng hoá qua sở giao dịch
5.3.1. Khái niệm về mua bán hàng hoá qua sở giao dịch
5.3.2. Đặc điểm của mua bán hàng hoá qua sở giao dịch.
5.3.3. Hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch
5.4. Xúc tiến thương mại
5.4.1. Khái niệm, đặc điểm của xúc tiến thương mại
5.4.2. Khuyến mại
5.4.3. Quảng cáo thương mại
5.4.4. Trưng bày giới thiệu hàng hoá, dịch vụ
5.4.5. Hội chợ, triển lãm thương mại
5.5. Các hoạt động trung gian thương mại
5.5.1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động trung gian thương mại
5.5.2. Đại diện cho thương nhân
5.5.3. Môi giới thương mại
5.5.4. Uỷ thác mua bán hàng hoá
5.5.5. Đại lý thương mại
5.6. Đấu giá, đấu thầu hàng hoá dịch vụ
5.6.1. Đấu giá

5.6.2. Đấu thầu

Chương 6: LUẬT CẠNH TRANH (2LT:3TL)

6.1. Những vấn đề chung của Luật cạnh tranh

6.1.1. Khái niệm cạnh tranh và phạm vi điều chỉnh luật cạnh tranh

6.1.2. Đối tượng áp dụng luật cạnh tranh

6.2. Hành vi hạn chế cạnh tranh

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

6.2.3. Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh

6.2.4. Doanh nghiệp có vị trí độc quyền

6.2.5.Tập trung kinh tế

6.3. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

6.3.1. Khái niệm

6.3.2. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Chương 7: LUẬT PHÁ SẢN (2LT:3TL)

7.1. Những vấn đề chung về phá sản

7.1.1. Khái niệm phá sản

7.1.2. Các dấu hiệu pháp lý để xác định một doanh nghiệp, HTX lâm vào phá sản

7.1.3. Phân loại phá sản

7.1.4. Mục đích của luật phá sản

7.1.5. Đối tượng áp dụng của luật phá sản

7.2. Thủ tục phá sản doanh nghiệp, HTX

7.2.1. Nộp đơn yêu cầu

7.2.2. Mở thủ tục phá sản

7.2.3. Hội nghị chủ nợ

7.2.4. Phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, HTX.

7.2.5. Thanh lý tài sản

7.2.6. Tuyên bố phá sản

Chương 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI (5LT:5TL)

8.1. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại Việt Nam

8.1.1. Khái quát về trọng tài thương mại

8.1.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại

8.1.3. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài

8.1.4. Lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

8.1.5. Trình tự giải quyết tranh chấp bằng trung tâm trọng tài thương mại

8.1.6. Trình tự giải quyết tranh chấp bằng hội đồng trọng tài do các bên tự thành lập

8.2. Giải quyết tranh chấp bằng toà án

8.2.1. Khái niệm tố tụng dân sự

8.2.2. Các nguyên tắc cơ bản

8.2.3. Thẩm quyền của toà án

8.2.4. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

8.2.5. Người tham gia tố tụng

8.2.6. Thủ tục giải quyết vụ án sơ thẩm

8.2.7. Thủ tục phúc thẩm

8.2.8. Thủ tục tái thẩm

8.2.9. Thủ tục giám đốc thẩm

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính:
9.1. Tài liệu bắt buộc:
1. TS Nguyễn Viết Tý, 2006, Giáo trình Luật thương mại tập 1, tập 2, NXB Công an nhân dân.
9.2. Tài liệu tham khảo:
2. TS Nguyễn Hợp Toàn, 2005, Giáo trình Luật kinh tế, NXB Thống kê.

9.19. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ VI MÔ
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Mã học phần: 151.050
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác Lê nin
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế

1. Mô tả học phần:
- Nội dung học phần gồm: Các kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật giá cả, quy luật cạnh tranh. Môn học còn đề cập đến hành vi của các chủ thể trong một nền kinh tế như người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ, làm thế nào để đạt được mục tiêu kinh tế của họ trong giới hạn về nguồn lực hiện có là nội dung xuyên suốt trong nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế đó. Ngoài ra trong môn học này sinh viên cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản về hoạt động của các loại thị trường như thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố sản xuất cũng như một số thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.
- Năng lực đạt được: Người học hiểu được các quy luật kinh tế cơ bản, phân tích được các hành vi của các chủ thể trong một nền kinh tế.

2. Mục tiêu của học phần:
2.1. Về kiến thức
Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức về sự lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản của các chủ thể trong nền kinh tế; Kiến thức về cung, cầu và quy luật hình thành giá cả trên thị trường; Kiến thức về hành vi kinh tế của người tiêu dùng, của doanh nghiệp cũng như hiểu và trình bày được đặc trưng của các loại thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.
2.2. Về kỹ năng

+ Phân tích được các nội dung môn học thông qua các công cụ phân tích và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô.

+ Giải thích được nguyên tắc lựa chọn kinh tế tối ưu của các chủ thể kinh tế cũng như sự tương tác giữa họ ở các loại thị trường khác nhau.

+ Trình bày được các nội dung học trên đồ thị và tính toán được theo yêu cầu của nội dung học.

+ Vận dụng làm được các bài tập cụ thể và liên hệ được những kiến thức môn học vào thực tế, ví dụ doanh nghiệp hay người tiêu dùng tối đa hóa lợi nhuận hay lợi ích tiêu dùng của họ như thế nào?

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC (4LT:4TL)

1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học

1.1.1. Kinh tế học và mối quan hệ giữa các bộ phận của kinh tế học

1.1.2. Ba vấn đề cơ bản của kinh tế học

1.2. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế vi mô

1.2.2. Nội dung nghiên cứu của kinh tế vi mô

1.2.3. Phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô

1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế

1.3.1. Những vấn đề cơ bản của lý thuyết lựa chọn

1.3.2. Bản chất và phương pháp lựa chọn kinh tế tối ưu

1.3.3. Ảnh hưởng của một số qui luật và hiệu quả KT đến việc lựa chọn KT tối ưu

CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT CUNG - CẦU (4LT:4TL)

2.1. Cầu

2.1.1. Các khái niệm

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu và hàm số cầu

2.1.3. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu

2.2. Cung

2.2.1. Các khái niệm

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung và hàm số cung

2.2.3. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung

2.3. Cân bằng thị trường cung - cầu

2.3.1. Trạng thái cân bằng thị trường

2.3.2. Trạng thái không cân bằng thị trường

2.3.3. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường

2.4. Phân tích thặng dư

2.4.1. Thặng dư của người tiêu dùng

2.4.2. Thặng dư của người sản xuất

2.4.3. Tổng thặng dư xã hội và hiệu quả của thị trường

2.4.4. Phân tích thặng dư của một quốc gia khi tham gia thương mại quốc tế

CHƯƠNG 3: CO GIÃN CUNG CẦU (4LT:4TL)

3.1. Co giãn cầu

3.1.1. Co giãn của cầu theo giá

3.1.2. Co giãn của cung theo giá của hàng hóa liên quan

3.1.2. Co giãn của cầu theo thu nhập

3.2. Co giãn của cung theo giá

3.3. Tác động của Chính phủ đến hoạt động của thị trường và những người tham gia vào thị trường

3.2.1. Tác động của giá trần
3.2.2. Tác động của giá sàn
3.2.3. Tác động của thuế
3.3.1. Tác động của trợ cấp

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG (4LT:4TL)

4.1. Lý thuyết về lợi ích

4.1.1. Một số khái niệm
4.1.2. Qui luật lợi ích cận biên giảm dần
4.1.3. Lợi ích cận biên và đường cầu

4.2. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu

4.2.1. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu tiếp cận từ lý thuyết lợi ích
4.2.2. Lựa chọn sản phẩm tiêu dùng tối ưu tiếp cận từ đường ngân sách, đường bàng quan và tỷ lệ thay thế cận biên
4.2.3. Ảnh hưởng của các nhân tố đến lựa chọn hàng hoá tiêu dùng tối ưu

CHƯƠNG 5: LÝ THUYẾT HÀNH VI DOANH NGHIỆP (3LT:5TL)

5.1. Lý thuyết hành vi sản xuất

5.1.1. Hàm sản xuất
5.1.2. Sản xuất với một đầu vào biến đổi
5.1.3. Sản xuất với hai đầu vào biến đổi

5.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất

5.2.1. Một số khái niệm cơ bản
5.2.2. Chi phí sản xuất trong ngắn hạn
5.2.3. Chi phí sản xuất trong dài hạn

5.3. Lý thuyết về doanh thu, lợi nhuận

5.3.1. Lý thuyết về doanh thu
5.3.2. Lý thuyết về lợi nhuận

CHƯƠNG 6: CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG (3LT:5TL)

6.1. Cấu trúc thị trường

6.1.1. Phân loại thị trường
6.1.2. Khác niệm và đặc điểm của các loại thị trường

6.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo

6.2.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo
6.2.2. Đặc điểm của hãng cạnh tranh hoàn hảo
6.2.3. Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong ngắn hạn
6.2.4. Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong dài hạn
6.2.5. Đường cung của doanh nghiệp và của toàn ngành trong ngắn hạn và dài hạn
6.2.6. Cân bằng dài hạn của doanh nghiệp và của thị trường

6.3. Thị trường độc quyền

6.3.1. Thị trường độc quyền bán
6.3.2. Thị trường độc quyền mua

6.4. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo

6.4.1. Cạnh tranh độc quyền
6.4.2. Độc quyền tập đoàn

CHƯƠNG 7: THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ SẢN XUẤT (3LT:5TL)

7.1. Thị trường lao động

7.1.1. Cầu về lao động
7.1.2. Cung về lao động

7.1.3. Cân bằng thị trường lao động

7.2. Thị trường vốn và đất đai

7.2.1. Thị trường vốn

7.2.2. Thị trường đất đai

CHƯƠNG 8: NHỮNG THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (3LT:5TL)

8.1. Những thất bại của thị trường

8.1.1. Không đạt cơ cấu sản lượng tối ưu của xã hội

8.1.2. Thông tin không hoàn hảo

8.1.3. Ảnh hưởng của ngoại ứng

8.1.4. Thiếu hàng hoá công cộng

8.1.5. Phân phối thu nhập không công bằng

8.1.6. Những rủi ro, bất trắc

8.2. Vai trò của Chính phủ đối với nền kinh tế

8.2.1. Các chức năng kinh tế của Chính phủ

8.2.2. Các công cụ, chính sách của Chính phủ

8.2.3. Phương pháp điều tiết của Chính phủ

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1, 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảoluận và làm bài tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận và bài tập. Làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Học liệu bắt buộc

1. PGS. TS Nguyễn Văn Dần, Kinh tế học vi mô, NXB Đại học KTQD năm 2014
2. PGS.TS Vũ Kim Dũng và PGS.TS Nguyễn Văn Công, Giáo trình kinh tế học tập 1, NXB ĐHKTQD, năm 2013

9.2. Học liệu tham khảo

3. PGS. TS Nguyễn Văn Dần, Bài tập trắc nghiệm kinh tế học vi mô, NXB tài chính, năm 2013.

9.20. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ VĨ MÔ

- Mã học phần: 151.061

- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về kinh tế học, kinh tế học vĩ mô, tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), sản phẩm quốc dân ròng (NNP), thu nhập quốc dân (Y), thu nhập có thể sử dụng (YD), các phương pháp để xác định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu.

- Năng lực đạt được: Người học xác định và phân tích được các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.

2. Mục tiêu của học phần:

- *Về kiến thức*: Người học (sinh viên, học viên) cần nắm vững các khái niệm: kinh tế học, kinh tế học vĩ mô, các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập và chính sách kinh tế đối ngoại), tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng cung, tổng cầu, mức cung tiền, mức cầu tiền, thất nghiệp, lạm phát, lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế.

- *Về kỹ năng*: Từ các khái niệm trên vận dụng để phân tích, lý giải các hiện tượng, sự kiện kinh tế đang diễn ra trong thực tế, như: vấn đề tăng trưởng kinh tế, vấn đề lạm phát, thất nghiệp, việc sử dụng công cụ lãi suất trong chính sách tiền tệ của Chính phủ và các ngân hàng trong thời gian qua nhằm chống lạm phát…Đồng thời vận dụng những kiến thức của học phần để giải các bài tập tình huống giả định qua đó giúp người học nắm vững nội dung của học phần.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN KINH TẾ HỌC VĨ MÔ (3LT:3TL)

1.1. Khái niệm, đặc trưng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học

1.1.1. Khái niệm kinh tế học

1.1.2. Đặc trưng của kinh tế học

1.1.3. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học

1.2. Những vấn đề về tổ chức kinh tế

1.2.1. Ba vấn đề kinh nền kinh tế

1.2.2. Mô hình kinh tế

1.3. Một số vấn đề cơ bản của kinh tế học

1.3.1. Các yếu tố sản xuất, chi phí cơ hội

1.3.2. Qui luật khan hiếm, quy luật lợi suất giảm dần và chi phí cơ hội ngày một tăng

1.3.3. Phân tích cung cầu

CHƯƠNG 2: MỤC TIÊU VÀ CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH ĐIỀU TIẾT KINH TẾ VĨ MÔ (4LT:4TL)

2.1. Mục tiêu điều tiết kinh tế vĩ mô

2.2. Mục tiêu của kinh tế vĩ mô

2.2.1. Mục tiêu mang tính định tính

2.2.2. Mục tiêu mang tính định lượng

2.3. Chính sách và công cụ điều tiết vĩ mô

2.3.1. Hệ thống chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô

2.3.2. Các công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô

2.4. Một số khái niệm và mối quan hệ kinh tế học vĩ mô cơ bản

2.4.1. Tổng sản phẩm quốc dân và tăng trưởng kinh tế

2.4.2. Chu kỳ kinh doanh và chênh lệch sản lượng
2.4.3. Tăng trưởng và thất nghiệp
2.4.4. Tăng trưởng và lạm phát

CHƯƠNG 3: HẠCH TOÁN TỔNG SẢN PHẨM QUỐC DÂN (4LT:4TL)

3.1. Tổng sản phẩm quốc dân, tổng sản phẩm quốc nội

3.1.1. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)
3.1.2. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP)
3.1.3. Ý nghĩa của chỉ tiêu GNP và GDP trong phân tích kinh tế vĩ mô

3.2. Phương pháp đo lường tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

3.2.1. Sơ đồ luân chuyển kinh tế vĩ mô
3.2.2. Phương pháp tính tổng sản phẩm quốc nội

3.3.Một số chỉ tiêu liên quan đến GDP

3.3.1. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP)
3.3.2. Sản phẩm quốc nội ròng và sản phẩm quốc dân ròng
3.3.3. Thu nhập quốc dân
3.3.4. Thu nhập cá nhân
3.3.5. Thu nhập khả dụng
3.3.6. Chỉ tiêu phúc lợi kinh tế ròng

3.4. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản

3.4.1. Dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế hỗn hợp
3.4.2. Đồng nhất mô tả mối quan hệ giữa khu các vực trong nền kinh tế
3.4.3. Đồng nhất thức giữa tiết kiệm và đầu tư

CHƯƠNG 4: TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHOÁ (4LT:4TL)

4.1. Một số giả định khi nghiên cứu tổng cầu và các nhân tố cấu thành tổng cầu

4.1.1. Một số giả định khi nghiên cứu tổng cầu
4.1.2. Các nhân tố cấu thành tổng cầu

4.2. Các mô hình tổng cầu

4.2.1. Tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn
4.2.2. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng
4.2.3. Tổng cầu trong nền kinh tế mở

4.2. Chính sách tài khóa công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế

4.2.1. Chính sách tài khóa với mục tiêu ổn định hóa nền kinh tế
4.2.2. Một số vấn đề về thâm hụt ngân sách nhà nước

CHƯƠNG 5: TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ (4LT:6TL)

5.1. Khái niệm và chức năng của tiền

5.1.1. Khái niệm
5.1.1. Chức năng của tiền tệ

5.2 . Thị trường tiền tệ

5.2.1. Cầu tiền tệ
5.2.2. Cung tiền tệ
5.2.3. Cân bằng thị trường tiền tệ

5.3. Ngân hàng trung gian và sự tạo ra các khoản tiền gửi

5.3.1. Ngân hàng trung gian
5.3.2. Quá trình tạo ra nguồn tiền gửi

5.4. Ngân hàng trung gian và chính sách tiền tệ

5.4.1. Chức năng của Ngân hàng Trung ương
5.4.2. Kiểm soát mức cung tiền

5.4.3. Các công cụ làm thay đổi khối lượng tiền

5.5. Mô hình IS-LM

5.5.1. Thị trường hàng hóa và đường IS

5.5.2. Thị trường tiền tệ và đường LM

5.5.3. Cân bằng thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa

5.5.4. Tác động chính sách tài khóa và tiền tệ đến IS và LM

CHƯƠNG 6: TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG (4LT:5TL)

6.1. Tổng cầu

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Sự di và dịch chuyển đường tổng cầu

6.2. Tổng cung

6.2.1. Thị trường lao động và hàm sản xuất theo lao động

6.2.2. Tổng cung và đường tổng cung

6.2.3. Nhân tố ảnh hưởng tổng cung

6.2.4. Hình dáng đường tổng cung

6.3. Cân bằng kinh tế vĩ mô

CHƯƠNG 7: KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ (3LT:5TL)

7.1. Nguyên tắc lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế

7.1.1. Nội dung nguyên tắc lợi thế so sánh thương mại quốc tế

7.1.2. Các thuyết lợi thế so sánh

7.1.3. Lợi ích của thương mại quốc tế

7.2.Các chế độ tỷ giá

7.2.1. Chế độ tỷ giá cố định

7.2.2. Tỷ giá hối đoái thả nổi

7.2.3. Hệ thống tỷ giá thả nổi có quản lý

7.3.Cán cân thanh toán quốc tế

7.3.1.Cấu thành cán cân thanh toán quốc tế

7.3.2.Quy định mang tính nguyên tắc khi lập cán cân thanh toán quốc tế

7.4. Thị trường ngoại hối

7.4.1. Cung và cầu tiền trong thị trường ngoại hối

7.4.2. Các nguyên nhân của sự dịch chuyển các đường cung và cầu tiền trên thị trường ngoại hối

7.5. Tỷ giá hối đoái

7.5.1. Một số tỷ giá hối đoái

7.5.2. Tỷ giá hối đoái và xuất khẩu ròng

7.5.3. Các yếu tố quyết định tỷ giá hối đoái thực tế

7.5.4. Tác động của chính sách đến tỷ giá hối đoái thực tế

CHƯƠNG 8: LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP (3LT:5TL)

8.1. Lạm phát

8.1.1. Khái niệm và phân loại lạm phát

8.1.2. Tác động của lạm phát

8.1.3. Giải pháp chống lạm phát

8.2. Thất nghiệp

8.2.1. Thất nghiệp và một số khái niệm liên quan

8.2.2. Xác định thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp

8.2.3. Phân loại thất nghiệp

8.2.4. Tác động thất nghiệp

8.2.5. Giải pháp hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp

8.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

8.3.1.Đường Phillips ban đầu

8.3.2. Đường Phillips mở rộng

8.3.3. Đường Phillips dài hạn

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1, 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảoluận và làm bài tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận và bài tập. Làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

6.1. Học liệu chính

1. Nguyễn Văn Dần, Kinh tế học vĩ mô, NXB Tài chính, năm 2012

6.2. Học liệu tham khảo

2. Nguyễn Văn Công, Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô, NXB Lao động, năm 2015

9. 21. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

- Số tín chỉ: 3 (27,36)
- Mã học phần: 152140
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính - Thống Kê
- Các học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

1.Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về Tài chính và Tiền tệ, giúp người học hiểu bản chất của Tài chính, Tiền tệ. Hiểu được những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Tổ chức tài chính trung gian; Tài chính quốc tế.

- Năng lực đạt được: Người học hiểu được bản chất của tài chính, tiền tệ, các khâu trong hệ thống tài chính, phân tích đánh giá được các hoạt động kinh tế tài chính và tiền tệ.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính tiền tệ; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp liên quan đến hệ thống tài chính tiền tệ của ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng;

- Phân tích, đánh giá, liên hệ với thực tế các hoạt động kinh tế tài chính và tiền tệ; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới về tài chính và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

2.2. ***Mục tiêu về kỹ năng*:**

- Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của tài chính tiền tệ trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực tài chính tiền tệ; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Phân tích, đánh giá được hiệu quả của các hoạt động tài chính, tiền tệ như hoạt động NSNN, hoạt động tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, hoạt động các ngân hàng. Xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành sau này.

***2.3. Mục tiêu về thái độ*:**

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ tài chính tiền tệ; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Nội dung chi tiết của học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH (2LT: 2TL)

1.1. Đại cương về tiền tệ

1.1.1 Bản chất của tiền tệ

1.1.2 Sự phát triển các hình thái tiền tệ

1.1.3 Chức năng của tiền tệ

1.1.4 Các khối tiền

1.2. Đại cương về tài chính

2.2.1 Bản chất của tài chính

2.2.2 Chức năng của tài chính

2.2.3 Hệ thống tài chính

Chương 2: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (2LT: 3TL)

2.1. Những vấn đề cơ bản về NSNN

2.1.1 Khái niệm NSNN

2.1.2 Đặc điểm của NSNN

2.1.3 Vai trò của NSNN

2.2 Nội dung hoạt động của NSNN

2.2.1 Thu NSNN

2.2.2 Chi NSNN

2.2.3 Bội chi NSNN

Chương 3: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP (2LT:3TL)

3.1. Tổng quan về tài chính doanh nghiệp

3.1.1 Khái niệm tài chính doanh nghiệp

3.1.2 Nội dung tài chính doanh nghiệp

3.1.3 Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp

3.2. Bảng cân đối kế toán

3.2.1 Khái quát về bảng cân đối kế toán
3.2.2 Nguồn vốn và các phương thức tạo vốn
3.2.3 Tài sản của doanh nghiệp
3.3. Chi phí và giá thành sản phẩm
3.3.1 Chi phí sản xuất kinh doanh
3.3.2 Chi phí hoạt động tài chính
3.3.3 Giá thành sản phẩm
3.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Chương 4: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH (2LT: 2TL)
4.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính
4.1.1 Khái niệm, sự hình thành của thị trường tài chính
4.1.2 Chức năng của thị trường tài chính
4.2. Cấu trúc của thị trường tài chính
4.2.1 Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu
4.2.2 Thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp
4.2.3 Thị trường tiền tệ và thị trường vốn
Chương 5: CÁC TRUNG GIAN TÀI CHÍNH (2LT: 3TL)
5.1. Khái niệm và vai trò của các trung gian tài chính
5.1.1 Khái niệm trung gian tài chính
5.1.2 Vai trò của các trung gian tài chính
5.2. Các loại hình trung gian tài chính
5.2.1 Các tổ chức nhận tiền gửi
5.2.2 Các công ty tài chính
5.2.3 Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng
5.2.4 Các trung gian đầu tư
Chương 6: LÃI SUẤT (2LT: 3TL)
6.1. Khái niệm và bản chất
6.2. Phân loại lãi suất
6.2.1 Căn cứ vào nghiệp vụ ngân hàng
6.2.2 Căn cứ vào giá trị của tiền lãi
6.2.3 Căn cứ vào tính linh hoạt của lãi suất
6.2.4 Căn cứ vào loại tiền vay
6.2.5 Căn cứ vào nguồn tín dụng trong nước hay quốc tế
6.3. Vai trò của lãi suất trong nền kinh tế
Chương 7: NGÂN HÀNG (2LT: 2TL)
7.1. Ngân hàng thương mại
7.1.1 Khái niệm NHTM
7.1.2 Chức năng của NHTM
7.1.3 Các nghiệp vụ cơ bản của NHTM
7.2. Ngân hàng trung ương
7.2.1 Khái niệm NHTW
7.2.2 Chức năng của NHTW
7.2.3 Chính sách tiền tệ của NHTW
Chương 8: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (2LT: 3TL)
8.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá
8.2. Cơ sở hình thành tỷ giá
8.2.1 Cơ sở hình thành tỷ giá trong dài hạn – PPP

8.2.2 Cơ sở hình thành tỷ giá trong ngánhạn – IRP

8.3. Chế độ tỷ giá

8.4. Chính sách tỷ giá

4.Yêu cầu của môn học

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên chủ động hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu liên quan đến học phần, bố trí thời gian giải đáp các vấn đề sinh viên chưa rõ.

7. Trang thiết bị phục vụ học tập: Phòng học đủ rộng, được trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện dạy học: Bảng, máy chiếu,máy tính, micro; thư viện có đủ tài liệu học tập.

8. Phương pháp đánh giá học phần

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. GS.TS Nguyễn Văn Tiến; Tài chính – Tiền tệ, NXB Thống kê, 2011.

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Hữu Tài; Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ, NXB Thống kê năm 2007.
3. Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng; Lý thuyết tiền tệ, NXB Tài chính, năm 2014.

9.22. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

- Số tín chỉ học tập: 02(18, 24)
- Mã học phần: 152048
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thống kê toán kinh tế
- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập, các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các phương pháp điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập được, phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các hiện tượng trong tương lai, ra quyết định ở tầm vĩ mô.

2. Mục tiêu chung của học phần:

2.1 Về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về: phương pháp điều tra, thu thập thông tin tài liệu;
- Nêu được các phương pháp tổng hợp tài liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu nhằm phân tích hiện tượng kinh tế - xã hội

- Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội.

2.2 Về kỹ năng:

- Vận dụng được phương pháp điều tra, thu thập được thông tin thực tế phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội,
- Phân tích, tổng hợp, xử lý được tài liệu điều tra, tính toán được các hệ thống chỉ tiêu phân tích, vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển SXKD - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội; cung cấp được các dữ liệu cần thiết, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỐNG KÊ HỌC (2LT: 4TL)

1.1 Khái niệm thống kê học

1.2 Đối tượng nghiên cứu của thống kê học

1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê học

1.3.1 Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể

1.3.2 Tiêu thức thống kê

1.3.3 Chỉ tiêu thống kê

1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê

1.4.1 Điều tra thống kê và Tổng hợp thống kê

1.4.2 Phân tích và dự đoán thống kê

Chương 2: PHÂN TỔ THỐNG KÊ (4LT:6TL)

2.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê

2.1.1 Khái niệm phân tổ thống kê

2.1.2 Ý nghĩa phân tổ thống kê

2.1.3 Nhiệm vụ phân tổ thống kê.

2.2. Các bước phân tổ thống kê

2.2.1 Chọn tiêu thức phân tổ

2.2.2. Xác định số tổ và khoảng cách tổ

2.3. Dãy số phân phối và mật độ phân phối

2.3.1. Dãy số phân phối

2.3.2. Mật độ phân phối

2.4 Bảng thống kê và đồ thị thống kê

2.4.1 Bảng thống kê

2.4.2 Đồ thị thống kê

Chương 3: NGHIÊN CỨU THỐNG KÊ CÁC MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ - XÃ HỘI (3LT:4TL)

3.1 Số tuyệt đối trong thống kê

3.1.1 Khái niệm và ý nghĩa số tuyệt đối

3.1.2 Đặc điểm của số tuyệt đối

3.1.3 Các loại số tuyệt đối

3.2 Số tương đối

3.2.1 Khái niệm và ý nghĩa số tương đối

3.2.2 Đặc điểm và hình thức biểu hiện của số tương đối

3.2.3 Các loại số tương đối

3.3 Số bình quân

3.3.1 Khái niệm, ý nghĩa của số bình quân

3.3.2 Các loại số bình quân

Chương 4: DÃY SỐ THỜI GIAN (3LT:4TL)

4.1 Khái niệm về dãy số thời gian

4.1.1 Khái niệm

4.1.2 Cấu thành dãy số thời gian.

4.1.3 Yêu cầu khi xây dựng dãy số thời gian.

4.1.4 Phân loại dãy số thời gian

4.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian

4.2.1 Mức độ trung bình theo thời gian.

4.2.2 Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối

4.2.3. Tốc độ phát triển.

4.2.4 Tốc độ tăng (hoặc giảm)

4.2.5 Giá trị tuyệt đối 1% tăng (hoặc giảm).

Chương 5: CHỈ SỐ TRONG THỐNG KÊ (6LT:8TL)

5.1 Khái niệm, đặc điểm, phân loại và tác dụng của chỉ số trong thống kê

5.1.1 Khái niệm chỉ số

5.1.2 Đặc điểm của chỉ số

5.1.3 Phân loại chỉ số

5.1.4 Tác dụng của chỉ số trong thống kê

5.2 Chỉ số phát triển

5.2 1 Chỉ số đơn (chỉ số cá thể)

5.2.2 Chỉ số tổng hợp

5.3 Chỉ số không gian

5.3.1 Chỉ số đơn

5.3.2 Chỉ số tổng hợp

5.4 Chỉ số kế hoạch

5.4.1 Chỉ số đơn

5.4.2 Chỉ số tổng hợp

5.5 Hệ thống chỉ số

5.5.1 Khái niệm và cấu thành của hệ thống chỉ số

5.5.2 Tác dụng của hệ thống chỉ số

5.5.3 Xây dựng hệ thống chỉ số theo phương pháp thay thế liên hoàn

5.6 Vận dụng phương pháp chỉ số để phân tích biến động của chỉ tiêu trung bình và tổng lượng biến tiêu thức

5.6.1 Phân tích sự biến động của chỉ tiêu trung bình

5.6.2 Phân tích biến động của tổng lượng biến tiêu thức

4. Yêu cầu của môn học

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên chủ động hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu liên quan đến học phần, bố trí thời gian giải đáp các vấn đề sinh viên chưa rõ.

7. Trang thiết bị phục vụ học tập: Phòng học đủ rộng, được trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện dạy học: Bảng, máy chiếu,máy tính, micro; thư viện có đủ tài liệu học tập.

8. Phương pháp đánh giá học phần

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Trần Thị Kim Thu, Giáo trình lý thuyết thống kê, NXB Thống kê, 2016.

9.2. Tham khảo:

2. Nguyễn Thị Kim Thuý, Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ, NXB văn hoá Sài Gòn, 2006.

9.23. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MARKETING CĂN BẢN

- Số tín chỉ: 3(27,36)
- Mã học phần: 154025
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn QTKD - Khoa KT-QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức và kỹ năng căn bản của hoạt động marketing trong kinh doanh.

- Năng lực đạt được: Người học có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động marketing đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh.

2. Mục tiêu của học phần:

***2.1. Mục tiêu về kiến thức*:** Nêu được bản chất của marketing trong kinh doanh hiện đại, nội dung và quá trình thực hiện marketing trong một tổ chức. Người học có kiến thức thực tế để co thể tổ chức, điều hành hoạt động marketing trong một tổ chức kinh doanh.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của marketing trong những bối cảnh kinh tế khác nhau;

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra chiến lược marketing phù hợp với điều kiện của từng doanh nghiệp và từng địa phương.

Marketing là hoạt động không thể thiếu được trong kinh doanh hiện đại. Học phần này giúp cho sinh viên xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm marketing.

3. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ MARKETING (2LT:2TL)

1.1. Vai trò của Marketing trong kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.1. Các quan điểm định hướng kinh doanh của doanh nghiệp, sự hình thành marketing hiện đại.

1.1.2. Vai trò của Marketing trong hoạt động kinh doanh.

1.2. Các khái niệm cơ bản của marketing

1.2.1. Nhu cầu tự nhiên mong muốn và nhu cầu có khả năng thanh toán.

1.2.2. Sản phẩm

1.2.3. Giá trị, chi phí và sự thoả mãn.

1.2.4. Trao đổi và thị trường

Chương 2: HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ NGHIÊN CỨU MARKETING (2LT:3TL)

2.1. Hệ thống thông tin Marketing (MIS)

2.1.1. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành hệ thống thông tin Marketing

2.1.2. Khái niệm và các bộ phận cấu thành của hệ thống thông tin Marketing

2.2. Nghiên cứu Marketing
2.2.1. Phát hiện vấn đề và hình thành mục tiêu nghiên cứu
2.2.2. Lập kế hoạch nghiên cứu
2.2.3. Thu thập thông tin
2.2.4. Xử lý và phân tích thông tin thu thập được
2.2.5. Báo cáo kết quả nghiên cứu

Chương 3 : ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ HÀNH VI CỦA KHÁCH HÀNG TỚI HOẠT ĐỘNG MARKETING (2LT:3TL)

3.1. Môi trường kinh doanh
3.1. Khái niệm môi trường kinh doanh
3.2. Môi trường kinh doanh vi mô
3.3. Môi trường kinh doanh vĩ mô

3.2. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua hàng của người tiêu dùng
3.1. Thị trường người tiêu dùng
3.2. Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng
3.3. Những yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới hành vi mua của người tiêu dùng .
3.4. Quá trình thông qua quyết định mua

3.3. Hành vi của người mua
3.1. Thị trường và hành vi mua của các doanh nghiệp sản xuất
3.2. Thị trường và hành vi mua của các doanh nghiệp thương mại
3.3. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức Nhà nước .

Chương 4 : PHÂN ĐOẠN THỊ TRƯỜNG, LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH VỊ HÀNG HOÁ CỦA DOANH NGHIỆP (2LT:2TL)

4.1. Phân đoạn thị trường
4.1.1. Khái quát về phân đoạn thị trường
4.1.2. Các tiêu thức dùng để phân đoạn thị trường
4.1.3. Phân đoạn thị trường khách hàng là các tổ chức

4.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu
4.1.1. Đánh giá các đoạn thị trường
4.1.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu

4.3. Định vị hàng hoá
4.3.1. Khái niệm định vị thị trường
4.3.2. Các loại định dạng hàng hoá
4.3.3. Hai chiến lược định dạng hàng hoá

Chương 5 : CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM HÀNG HOÁ (2LT:3TL)

5.1. Sản phẩm hàng hoá theo quan điểm marketing
5.1.1 Khái niệm sản phẩm
5.1.2. Phân loại hàng hoá

5.2. Các quyết định về nhãn hiệu sản phẩm hàng hoá
5.2.1. Nhãn hiệu và bộ phận cấu thành nhãn hiệu hàng hóa
5.2.2. Các quyết định có liên quan đến nhãn hiệu

5.3. Quyết định bao gói và dịch vụ đối với sản phẩm hàng hoá
5.3.1. Quyết định về bao gói
5.3.2. Quyết định về dịch vụ khách hàng

5.4. Quyết định về chủng loại và danh mục hàng hoá
5.4.1. Quyết định về chủng loại
5.4.2. Quyết định về danh mục hàng hoá

5.5. Thiết kế và marketing sản phẩm mới

5.5.1. Khái niệm về sản phẩm mới
5.5.2. Các giai đoạn thiết kế và Marketing sản phẩm mới
5.6. Chu kỳ sống sản phẩm hàng hoá
Chương 6 : CHIẾN LƯỢC GIÁ CẢ (2LT:3TL)
6.1. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định giá
6.1.1. Các yếu tố bên trong doanh nghiệp
6.1.2. Các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp
6.2. Tiến trình xác định giá ban đầu
6.2.1. Xác định mục tiêu định giá và cầu của thị trường mục tiêu
6.2.2. Xác định chi phí cho việc định giá
6.2.3. Phân tích hàng hoá và giá cả của đối thủ cạnh tranh
6.2.4. Lựa chọn phương pháp định giá
6.2.5. Lựa chọn mức giá cuối cùng
6.3. Các kiểu chiến lược giá
6.3.1. Xác định giá cho sản phẩm mới
6.3.2. Chiến lược áp dụng giá cho danh mục hàng hoá
6.3.3. Định giá 2 phần và định trọn gói
6.3.4. Định giá theo nguyên tắc địa lý
6.3.5. Chiết giá và bớt giá
6.3.6. Định giá khuyến mại, giá phân biệt và thay đổi giá
Chương 7 : CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI (2LT:2TL)
7.1. Đại cương về kênh phân phối
7.1. Khái niệm về kênh phân phối
7.2. Vai trò và chức năng của trung gian phân phối
7.2. Cấu trúc và tổ chức kênh
7.2.1. Cấu trúc kênh phân phối
7.2.2 Tổ chức và hoạt động kênh
7.3. Lựa chọn và quản trị kênh phân phối
7.3.1. Lựa chọn kênh phân phối
7.3.2. Quản trị kênh phân phối
7.4. Bán buôn và bán lẻ
7.4.1. Bán buôn
7.4.2. Bán lẻ
Chương 8 : CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN HỖN HỢP (2LT:3TL)
8.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp
8.1.1. Bản chất của xúc tiến hỗn hợp
8.1.2. Các bước tiến hành hoạt động truyền thông
8.2. Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp và ngân sách dành cho truyền thông
8.2.1. Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp
8.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc các dạng truyền thông hỗn hợp.
8.2.3. Xác định ngân sách dành cho hoạt động truyền thông
8.3. Một số hình thức chủ yếu được sử dụng cho chiến lược xúc tiến hỗn hợp
8.3.1. Quảng cáo
8.3.2. Xúc tiến bán hàng
8.3.3. Tuyên truyền
8.3.4. Bán hàng cá nhân
4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Trần Minh Đạo – Marketing căn bản – NXB Đại học KTQD – Năm 2012
2. Philip Kotler – Marketing căn bản – NXB Thống kê – Hà Nội – Năm 2004

9.2. Học liệu tham khảo:

3. Phan Đình Quyền – Brand Positioning – NXB Thống kê – Năm 2005

9. 24. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

- Số tín chỉ: 03 (27,36)
- Mã số học phần: 153105
- Bộ môn phụ trách: Kế toán quản trị, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kế toán, bao gồm: nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của kế toán; Giới thiệu những phương pháp cơ bản của kế toán và dụng các phương pháp này vào một số tình huống kế toán cụ thể.

2. Mục tiêu

***2.1. Về kiến thức*:**

- Nêu được khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán;
- Nêu được các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của trong doanh nghiệp.

***2.2. Về kỹ năng*:**

Làm được công việc hạch toán những nghiệp vụ trong lý thuyết và thực tế phát sinh của các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp

3. Nội dung học phần

Chương 1: BẢN CHẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA HẠCH TOÁN KẾ TOÁN (3LT:3TL)

1.1. Bản chất của hạch toán kế toán

1.1.1. Sự hình thành và phát triển của hạch toán kế toán

1.1.2. Các loại hạch toán

1.1.3. Định nghĩa về kế toán

1.2. Nhiệm vụ, yêu cầu và nguyên tắc của hạch toán kế toán
1.2.1. Nhiệm vụ của hạch toán kế toán
1.2.2. Yêu cầu của hạch toán kế toán
1.2.3. Nguyên tắc của hạch toán kế toán
1.3. Đối tượng của hạch toán kế toán
1.3.1. Đối tượng chung của hạch toán kế toán
1.3.2. Đối tượng của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp sản xuất
Chương 2: PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ KẾ TOÁN (2LT:1TL)
2.1. Nội dung phương pháp chứng từ kế toán
2.2. Các loại chứng từ kế toán - những yếu tố cơ bản của chứng từ kế toán
2.2.1. Các loại chứng từ kế toán
2.2.2. Những yếu tố của chứng từ kế toán
2.3. Trình tự xử lý và luân chuyển chứng từ kế toán
Chương 3: PHƯƠNG PHÁP TÀI KHOẢN KẾ TOÁN (7LT:9TL)
3.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán
3.2. Tài khoản kế toán, nội dung kết cấu của tài khoản kế toán
3.2.1. Khái niệm TKKT
3.2.2. Nội dung kết cấu tài khoản kế toán
3.3. Phân loại tài khoản kế toán
3.4. Hệ thống tài khoản kế toán
3.5. Cách ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh vào các tài khoản kế toán
3.5.1. Cách ghi đơn
3.5.2. Cách ghi kép
3.6. Kiểm tra việc ghi chép trên tài khoản kế toán
3.6.1. Kiểm tra việc ghi chép, phản ánh trên tài khoản kế toán tổng hợp
3.6.2. Kiểm tra ghi chép, phản ánh trên tài khoản chi tiết
Chương 4: PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ (2LT: 4TL)
4.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tính giá
4.1.1. Nội dung phương pháp tính giá
4.1.2. Ý nghĩa của phương pháp tính giá
4.1.3. Yêu cầu của phương pháp tính giá
4.1.4. Nguyên tắc tính giá
4.2. Nội dung trình tự tính giá
Chương 5: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP - CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (1LT:2TL)
5.1. Nội dung, ý nghĩa của phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán
5.1.1. Nội dung phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán
5.1.2. Ý nghĩa của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán
5.2. Nguyên tắc chung khi xây dựng mẫu biểu bảng tổng hợp cân đối kế toán
5.3. Yêu cầu và công việc chuẩn bị khi lập bảng tổng hợp cân đối kế toán
5.3.1.Yêu cầu khi lập bảng tổng hợp cân đối kế toán
5.3.2. Công việc chuẩn bị khi lập các bảng tổng hợp cân đối kế toán
5.4. Bảng cân đối kế toán
5.4.1. Nội dung và kết cấu của bảng cân đối kế toán
5.4.2.Tính chất cân đối của bảng cân đối kế toán
5.4.3. Mối quan hệ giữa bảng cân đối kế toán với tài khoản kế toán
Chương 6: HẠCH TOÁN KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KD CHỦ YẾU (9LT:12TL)

6.1. Kế toán quá trình mua hàng
6.1.1. Nhiệm vụ của kế toán quá trình mua hàng
6.1.2.Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán quá trình mua hàng
6.2. Kế toán quá trình sản xuất
6.2.1. Đặc điểm quá trình sản xuất
6.2.2. Phân loại chi phí
6.2.3. Nhiệm vụ kế toán quá trình sản xuất
6.2.4.Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán quá trình sản xuất
6.3. Kế toán quá trình bán hàng
6.3.1. Đặc điểm của quá trình bán hàng
6.3.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình bán hàng
6.3.3. Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán quá trình bán hàng
Chương 7: SỔ KẾ TOÁN - HÌNH THỨC KẾ TOÁN (3LT: 5TL)
7.1. Sổ kế toán
7.1.1.Nội dung và nguyên tắc xây dựng mẫu sổ kế toán
7.1.2. Các loại sổ kế toán
7.1.3. Quy định về sổ kế toán
7.2. Hình thức kế toán
7.2.1. Hình thức kế toán nhật ký chung
7.2.2. Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái
7.2.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
7.2.4. Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ
7.2.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính
7.3. Tổ chức công tác kế toán
7.3.1 Nội dung, ý nghĩa và nhiệm vụ tổ chức chức công tác kế toán
7.3.2. Tổ chức bộ máy kế toán
4. Yêu cầu của môn học: Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học. Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; Làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo
9.1. Giáo trình chính
1. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân, Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB tài chính; năm 2014;
9.2. Sách tham khảo
2. Bộ tài chính (2006), Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; Nxb Tài chính.

9.25. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

Mã số học phần: 153085
Số tín chỉ: 4 (36, 46)
Điều kiện tiên quyết**:** Nguyên lý kế toán
Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Vai trò nhiệm vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các nội dung kế toán trong doanh nghiệp: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Người học cần nắm vững những kiến thức cơ bản về: Tổ chức công tác kế toán tài chính trong DN; Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh về kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

2.2. Về kỹ năng: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về lập chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán;, đồng thời có kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan theo sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Nội dung chi tiết của học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH (3LT:0TL)

1.1. Vai trò, nhiệm vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1. Vai trò kế toán tài chính trong công tác quản lý kinh tế
1.1.2. Nội dung và yêu cầu của kế toán tài chính
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán tài chính doanh nghiệp

1.2. Những khái niệm, nguyên tắc kế toán tài chính

1.2.1. Những khái niệm
1.2.2. Nguyên tắc kế toán cơ bản

1.3. Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp

1.3.1. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán
1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán
1.3.3. Tổ chức lựa chọn, vận dụng hình thức kế toán
1.3.4. Tổ chức vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán
1.3.5. Tổ chức công tác kiểm tra kế toán
1.3.6. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN, CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TẠM ỨNG (6LT:1TH:5TL)

2.1. Vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tạm ứng

2.2. Kế toán vốn bằng tiền

2.2.1. Kế toán tiền mặt
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng
2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển

2.3. Kế toán các khoản phải thu

2.3.1. Kế toán phải thu khách hàng

2.3.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
2.3.3. Kế toán phải thu nội bộ
2.3.4. Kế toán phải thu khác.

2.4. Kế toán tạm ứng, các khoản ký quỹ, ký cược, chi phí trả trước.

2.4.1. Kế toán tạm ứng.
2.4.2. Các khoản ký quỹ, ký cược
2.4.3. Kế toán chi phí trả trước.

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (11LT:2TH:10TL)

3.1. Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ

3.1.1. Khái niệm nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ
3.1.2. Phân loại nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ
3.1.3. Đánh giá nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ
3.1.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ

3.2. Kế toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ

3.2.1 Phương pháp thẻ song song
3.2.2 Phương pháp sổ số dư
3.2.3 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

3.3. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ

3.3.1 Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kê khai thường xuyên
3.3.2 Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ

3.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (15LT:3TH:18TL)

4.1. Tài sản cố định

4.1.1. Khái niệm.
4.1.2. Phân loại, đánh giá.
4.1.3. Nhiệm vụ kế toán TSCĐ

4.2. Kế toán chi tiết TSCĐ

4.2.1. Xác định đối tượng ghi TSCĐ
4.2.2. Nội dung kế toán chi tiết TSCĐ

4.3. Kế toán tổng hợp TSCD

4.3.1. Chứng từ sử dụng
4.3.2. Tài khoản sử dụng
4.3.3. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ

4.4. Kế toán khấu hao TSCĐ

4.4.1. Hao mòn và khấu hao TSCĐ
4.4.2. Các phương pháp khấu hao TSCĐ
4.4.3. Kế toán hao mòn và khấu hao TSCĐ

4.5. Kế toán sửa chữa TSCĐ

4.5.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ
4.5.2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

4.6. Kế toán các nghiệp vụ khác về TSCĐ

4.6.1. Kế toán thuê TSCĐ
4.6.2. Kế toán kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG (4LT:1TH:5TL)

5.1. Những vấn đề chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

5.1.1. Khái niệm về tiền lương, các hình thức tiền lương.

5.1.2. Quỹ tiền lương, quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN, KPCĐ.

5.1.3. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

5.2. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương

5.2.1. Các chứng từ hạch toán lao động, tính lương và trợ cấp bảo hiểm xã hội

5.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

5.2.3. Tổng hợp, phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

5.2.4. Trình tự kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương, các khoản trích theo lương.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Ngô Thế Chi- Trương Thị Thuỷ. Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính; năm 2014

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo thông tư 200/2014 - TT/ BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3. Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính, Nxb Tài chính.

9. 26. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIỂM TOÁN CĂN BẢN

- Mã học phần: 153.025
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về kiểm toán như: Khái niệm, bản chất, đối tượng của kiểm toán, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát, các phương pháp kiểm toán, trình tự các bước kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán.

- Năng lực đạt được: Người học hiểu được Khái niệm, bản chất, đối tượng của kiểm toán, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát, thực hiện được các phương pháp kiểm toán, trình tự các bước kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

Người học cần nắm được vị trí và vai trò của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán: Cơ sở dẫn liệu, hệ thống kiểm soát nội

bộ, trọng yếu và rủi ro, bằng chứng kiểm toán; mô tả, phân tích quy trình kiểm toán tại đơn vị trên cơ sở 3 bước cơ bản: Lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán; phân biệt, lựa chọn các kỹ thuật được sử dụng khi thu thập các bằng chứng kiểm toán; các phương pháp mà kiểm toán mà kiểm toán viên sử dụng khi thực hiện các cuộc kiểm toán; các bước thu thập, xử lý, phân tích thông tin, số liệu; phương pháp kiểm toán khi lập báo cáo kiểm toán.

2.2. Về kỹ năng

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản như: xây dựng được kế hoạch kiểm toán; phân tích các thông tin, tài liệu số liệu kế toán khi vận dụng vào một cuộc kiểm toán thực tế; lập báo cáo kiểm toán đối với từng tình huống cụ thể. Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề cơ bản của kiểm toán (3LT:3TL)

1.1. Khái niệm kiểm toán

1.2. Quá trình ra đời, phát triển và sự cần thiết khách quan của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường

1.2.1. Quá trình ra đời và phát triển của kiểm toán

1.2.2. Sự cần thiết khách quan của Kiểm toán trong nền kinh tế thị trường

1.3. Chức năng của Kiểm toán

1.3.1. Chức năng xác nhận

1.3.2. Chức năng trình bày ý kiến

1.4. Đối tượng và khách thể của kiểm toán

1.4.1. Đối tượng kiểm toán

1.4.2. Khách thể kiểm toán

1.5 Các loại kiểm toán

1.5.1. Phân loại kiểm toán theo mục đích của kiểm toán

1.5.2. Một số cách phân loại khác

1.6. Quy trình kiểm toán

1.6.1. Lập kế hoạch kiểm toán

1.6.2. Thực hiện kiểm toán

1.6.3. Kết thúc công việc kiểm toán

1.7. Chuẩn mực kiểm toán

1.7.1. Chuẩn mực kiểm toán quốc tế

1.7.2. Chuẩn mực kiểm toán quốc gia

Chương 2: Các tổ chức kiểm toán và hoạt động của các tổ chức kiểm toán (4LT:4TL)

2.1. Tổ chức kiểm toán độc lập

2.1.1. Sự ra đời và vai trò của tổ chức kiểm toán độc lập

2.1.2. Tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm toán độc lập

2.1.3. Kiểm toán viên và hiệp hội nghề nghiệp

2.2. Tổ chức kiểm toán Nhà nước

2.2.1. Chức năng và vai trò của tổ chức kiểm toán Nhà nước

2.2.2. Tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm toán Nhà nước

2.2.3. Kiểm toán viên và hiệp hội nghề nghiệp

2.3. Tổ chức kiểm toán nội bộ

2.2.1. Chức năng và vai trò của tổ chức kiểm toán nội bộ

2.2.2. Tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm toán nội bộ.
2.2.3. Kiểm toán viên và hiệp hội nghề nghiệp.

Chương 3: Gian lận và sai sót - Trọng yếu và rủi ro (4LT:4TL)

3.1. Gian lận và sai sót

3.1.1. Khái niệm và nhận dạng
3.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến gian lận và sai sót
3.1.3. Trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với gian lận và sai sót
3.1.4. Trách nhiệm của KTV đối với gian lận và sai sót

3.2. Trọng yếu

3.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của tính trọng yếu trong kiểm toán
3.2.2. Vận dụng tính trọng yếu trong kiểm toán

3.3. Rủi ro kiểm toán

3.3.1. Rủi ro kiểm toán và các loại rủi ro có liên quan
3.3.2. Mô hình rủi ro kiểm toán trong khâu lập kế hoạch kiểm toán
3.3.3. Một số lưu ý khi sử dụng mô hình rủi ro kiểm toán

Chương 4: Cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán (4LT:4TL)

4.1. Cơ sở dẫn liệu

4.1.1. Cơ sở dẫn liệu
4.1.2. Giải trình của nhà quản lý
4.1.3. Mục tiêu kiểm toán chung và mục tiêu kiểm toán đặc thù

4.2. Bằng chứng kiểm toán

4.2.1. Ý nghĩa của bằng chứng kiểm toán
4.2.2. Các loại bằng chứng kiểm toán
4.2.3. Yêu cầu của bằng chứng kiểm toán
4.2.4. Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán

Chương 5: Hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát (3LT:6TL)

5.1. Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ

5.1.1. Khái niệm
5.1.2. Mục đích và mối quan tâm của đơn vị được kiểm toán
5.1.3. Mục đích và mối quan tâm của Kiểm toán viên

5.2. Các mục tiêu của kiểm soát nội bộ đối với BCTC

5.2.1. Mục tiêu chung
5.2.2. Mục tiêu cụ thể

5.3. Cơ cấu của hệ thống kiểm soát nội bộ

5.3.1. Môi trường kiểm soát
5.3.2. Hệ th ống kế toán
5.3.3. Các nguyên tắc và thủ tục kiểm soát

5.4. Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát

5.4.1. Lý do của sự hiểu biết
5.4.2. Hiểu biết về cơ cấu kiểm soát nội bộ, đánh giá và ra quyết định
5.4.3. Quá trình đánh giá rủi ro kiểm soát

Chương 6: Phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu trong công tác kiểm toán (3LT:5TL)

6.1. Phương pháp kiểm toán

6.1.1. Phương pháp chung
6.1.2. Phương pháp kiểm toán cơ bản
6.1.3. Phương pháp kiểm toán tuân thủ

6.2. Kỹ thuật chọn mẫu

6.2.1. Kái quát chung về mẫu
6.2.2. Các loại mẫu.
6.2.3. Phương pháp chọn mẫu
6.2.4. Quy trình chọn mẫu trong kiểm toán

Chương 7: Tổ chức và quản lý kiểm toán (3LT:5TL)

7.1. Chuẩn bị kiểm toán

7.1.1. Xử lý thư mời kiểm toán và ký kết hợp đồng kiểm toán
7.1.2. Bố trí nhân sự của nhóm kiểm toán và phương tiện làm việc

7.2. Tổ chức quá trình kiểm toán

7.2.1. Tổ chức lập kế hoạch kiểm toán.
7.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán.
7.2.3. Tổ chức hoàn tất kết quả kiểm toán.

7.3. Tổ chức giấy tờ và hồ sơ kiểm toán

7.3.1 Tổ chức giấy tờ
7.3.2 Tổ chức hồ sơ kiểm toán

Chương 8: Báo cáo kiểm toán (3LT:5TL)

8.1. Báo cáo kiểm toán và ý nghĩa của báo cáo kiểm toán

8.1.1. Báo cáo kiểm toán
8.1.2. Ý nghĩa của báo cáo kiểm toán

8.2. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

8.2.1. Nội dung của báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính
8.2.2. Các loại ý kiến và các loại báo cáo về kiểm toán Báo cáo tài chính

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu; Lý thuyết kiểm toán, Nxb Tài chính; 2013.

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Quang Quynh, Nguyễn Phương Hoa; Lý thuyết kiểm toán, Nxb Tài chính; năm 2015.

3. Thịnh Văn Vinh, Vũ Thùy Linh; Hệ thống câu hỏi và nội dung ôn tập Kiểm toán căn bản; Nxb tài chính, năm 2016.

9.27. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

Mã số học phần: 153091
Số tín chỉ: 3 (27,36)
Điều kiện tiên quyết**:** Kế toán tài chính 1
Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm - tiêu thụ thành phẩm; kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn và học kế toán nguồn vốn và lập báo cáo tài chính.
- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các công việc liên quan đến kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm - tiêu thụ thành phẩm; kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn và học kế toán nguồn vốn và lập báo cáo tài chính tại doanh nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về: Chi phí sản xuất, các phương pháp tính giá thành phẩm; nhiệm vụ, vai trò, phương pháp kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, kế toán nguồn vốn; và việc vận dụng kiến thức đã học để cung cấp thông tin cho các đối tượng bằng các báo cáo tài chính.

2.2. Về kỹ năng: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về hạch toán tập hợp chi phí , tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, kế toán nguồn vốn; và việc vận dụng kiến thức đã học để lập các báo cáo tài chính. Có kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản theo sự hướng dẫn của giáo viên và năng lực tự học của người học.

3. Nội dung chi tiết của học phần

CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM (5LT:7TL)

1.1 Chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm

1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm
1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm
1.1.3 Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm

1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.2.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
1.2.2 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.3. Đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

1.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.4.1 Kế toán chi tiết chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
1.4.2 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
1.4.2.1 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên
1.4.2.2 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH (9LT-11TL)

2.1. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

2.2. Kế toán thành phẩm, hàng hóa
2.2.1. Khái niệm thành phẩm, hàng hóa
2.2.2. Đánh giá thành phẩm, hàng hóa
2.2.3. Kế toán chi tiết thành phẩm, hàng hóa
2.2.4. Kế toán tổng hợp nhập kho thành phẩm, hàng hóa
2.3. Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa
2.3.1. Chứng từ sử dụng
2.3.2. Tài khoản sử dụng
2.3.3. Nội dung kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa
2.4. Kế toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu
2.4.1. Kế toán chiết khấu thanh toán
2.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu
2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
2.5.1. Kế toán chi phí bán hàng
2.5.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp
2.6. Kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính
2.6.1. Kế toán chi phí tài chính
2.6.2. Kế toán doanh thu tài chính
2.7. Kế toán chi phí khác và thu nhập khác
2.7.1. Kế toán chi phí khác
2.7.2. Kế toán thu nhập khác
2.8. Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh
2.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh
2.8.2. Kế toán phân phối kết quả hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (7LT:8TL)

3.1. Các khoản đầu tư
3.2. Kế toán các khoản đầu tư
3.2.1. Kế toán chứng khoán kinh doanh
3.2.2. Kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
3.2.3. Kế toán bất động sản đầu tư
3.2.4. Kế toán đầu tư vào công ty con
3.2.5. Kế toán đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
3.2.6. Kế toán đầu tư khác
3.3. Kế toán dự phòng tổn thất tài sản

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (7LT:10TL)

4.1 Kế toán các khoản nợ phải trả
4.1.1 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả
4.1.2 Kế toán phải trả cho người bán
4.1.3 Kế toán thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước
4.1.4 Kế toán các khoản phải trả người lao động
4.1.5 Kế toán chi phí phải trả
4.1.6 Kế toán phải trả nội bộ
4.1.7 Kế toán thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng
4.1.8 Kế toán phải trả, phải nộp khác
4.1.9 Kế toán vay và nợ thuê tài chính
4.1.10 Kế toán trái phiếu phát hành
4.1.11 Kế toán nhận ký quỹ ký cược

4.1.12 Kế toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả
4.1.13 Kế toán dự phòng phải trả
4.1.14 Công bố và trình bày các khoản Nợ phải trả trên báo cáo tài chính
4.2 Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu
4.2.1 Kế toán vốn đầu tư của chủ sở hữu
4.2.2 Kế toán Chênh lệch tỷ giá hối đoái
4.2.3Kế toán Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong doanh nghiệp
4.2.4 Kế toán Quỹ đầu tư và phát triển trong doanh nghiệp
4.2.5 Kế toán Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
4.2.6 Kế toán các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp
4.2.7 Kế toán Cổ phiếu quỹ trong doanh nghiệp
4.2.8 Kế toán Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong doanh nghiệp
4.2.9 Kế toán Nguồn kinh phí sự nghiệp
4.2.10 Kế toán Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trong doanh nghiệp
4.2.11 Công bố và trình bày Nguồn vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính
CHƯƠNG 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH (8LT:12TL)
5.1. Ý nghĩa và yêu cầu của báo cáo tài chính
5.1.1. Thông tin kế toán tài chính
5.1.2. Mục đích, tác dụng của báo cáo tài chính
5.1.3. Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính
5.1.4. Những nguyên tắc cơ bản lập báo cáo tài chính
5.1.5. Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính
5.1.6. Kỳ lập báo cáo tài chính
5.1.7. Thời hạn nộp báo cáo tài chính
5.2. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp
5.3. Bảng cân đối kế toán
5.3.1. Khái niệm và bản chất (đặc điểm) của bảng cân đối kế toán
5.3.2. Nội dung và kết cầu của bảng cân đối kế toán
5.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
5.4.1. Tác dụng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
5.4.2. Nội dung và kết cấu của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
5.4.3. Cơ sở số liệu và phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
5.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5.5.1. Tác dụng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5.5.2. Nội dung và kết cấu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5.5.3. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5.6. Thuyết minh báo cáo tài chính
5.6.1. Tác dụng của thuyết minh báo cáo tài chính
5.6.2. Nội dung và kết cấu của thuyết minh báo cáo tài chính
5.6.3. Cơ sở số liệu và phương pháp lập thuyết minh báo cáo tài chính
5.7. Báo cáo tài chính tổng hợp
5.7.1. Mục đích của báo cáo tài chính tổng hợp
5.7.2. Phạm vi áp dụng
5.7.3. Nội dung của hệ thống báo cáo tài chính tổng hợp
5.7.4. Trách nhiệm, thời hạn lập và nộp báo cáo tài chính tổng hợp
5.7.5. Quy định cụ thể về báo cáo tài chính tổng hợp
5.8. Báo cáo tài chính giữa niên độ
5.8.1. Quy định chung

5.8.2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ
5.8.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ
5.8.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
5.8.5. Lập và trình bày thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

5.9. Báo cáo tài chính hợp nhất

5.9.1. Quy định chung về báo cáo tài chính hợp nhất
5.9.2. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất
5.9.3. Trình tự hợp nhất báo cáo tài chính

5.4. Một số vấn đề khác liên quan đến thông tin trên báo cáo tài chính

5.4.1. Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con
5.4.2. Thực hiện các điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính

5. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1 và 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Ngô Thế Chi- Trương Thị Thuỷ. Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính; năm 2014

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo thông tư 200/2014 - TT/ BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
3. Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính, Nxb Tài chính.

9.28. ĐỀ CƯƠNG KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán quản trị

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế

toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định và đầu tư tài chính, kế toán các khoản thanh toán, kế toán các khoản thu, chi, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định và đầu tư tài chính, kế toán các khoản thanh toán, kế toán các khoản thu, chi, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán trong các đơn vị HCSN cụ thể: Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN. Kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định và đầu tư tài chính, kế toán các khoản thanh toán, kế toán các khoản thu, chi, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN.

2.2. Về kỹ năng: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng thu thập thông tin thông qua việc lập chứng từ kế toán; Kỹ năng hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán thông qua việc vận dụng phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá để sử dụng hệ thống tài khoản và ghi sổ kế toán; Kỹ năng lập báo cáo tài chính. Hình thành củng cố phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan trong học tập và trong thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 - Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp (4LT:6TL)

1.1. Nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp

1.2. Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp

Chương 2 - Kế toán vốn bằng tiền, nguồn kinh phí, nguồn vốn và các quỹ (4LT:6TL)

2.1 Kế toán vốn bằng tiền

2.2. Kế toán Nguồn ngân sách nhà nước cấp

2.3. Kế toán nguồn phí được khấu trừ, để lại

2.4. Kế toán nguồn thu hoạt động khác được để lại

2.5. Kế toán nguồn kinh phí viện trợ không hoàn lại

2.6 Kế toán nguồn vốn kinh doanh

2.7 Kế toán nguồn cải cách tiền lương

2.8 Kế toán các quỹ

Chương 3 – Kế toán hàng tồn kho, TSCĐ và đầu tư XDCB (5LT:6TL)

3.1 Kế toán hàng tồn kho

3.2 Kế toán TSCĐ

3.3 Kế toán đầu tư XDCB

Chương 4 – Kế toán các khoản thanh toán (5LT:6TL)

4.1 Kế toán các khoản phải thu trong đơn vị HCSN.

4.2 Kế toán các khoản phải trả trong đơn vị HCSN

Chương 5 – Kế toán các khoản thu, các khoản chi và xác định kết quả (5LT:6TL)

5.1 Kế toán các khoản thu

5.2 Kế toán các khoản chi

5.3 Kế toán xác định kết quả

Chương 6 - Hệ thống Báo cáo tài chính (4LT:6TL)

6.1 Những quy định chung về báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách.

6.2. Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán trong đơn vị HCSN.
6.3 Nội dung và thời hạn nộp Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách
4. Yêu cầu của học phần
- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành, tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: Bảng, máy tính, máy chiếu để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
Thang điểm: 10
9. Tài iệu tham khảo chính
9.1 Giáo trình chính
1. Chế độ kế toán HCSN (theo Thông tư sô 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính) – NXB tài chính – 2017
9.2 Tài liệu tham khảo
2. Phạm Văn Liên (2013), Kế toán hành chính sự nghiệp, Nxb Tài chính.
3. Tô Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn; Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp, 128 sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp; Nxb lao động, 2017.

9.29. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1
- Mã học phần: 153.084
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Bộ môn phụ trách học phần: Kế toán quản trị
1. Mô tả học phần:
- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị như: Bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị; sự khác biệt giữa kế toán quản trị với kế toán tài chính; sự phân loại chi phí và tính giá thành trong kế toán quản trị; sự phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng, lợi nhuận và các thông tin thích hợp
- Năng lực đạt được: Người học nắm vững chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị, giải quyết được các tình huống thực tế về kế toán quản tri như phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng, lợi nhuận và các thông tin thích hợp.
2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

Người học cần nắm vững những kiến thức cơ bản về: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của kế toán quản trị. Hiểu và vận dụng để thực hiện kế toán quản trị chi phí. Hiểu được mối quan hệ giữa chi phí-khối lượng-lợi nhuận và thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn. Giúp người học có đủ khả năng phân tích và cung cấp những tư vấn thích hợp liên quan đến từng loại nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp đó là phân tích các thông tin liên quan đến các quyết định kinh doanh chủ yếu, quan trọng liên quan tới chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin; đặc biệt là thông tin hướng tới tương lai để hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu được lợi nhuận cao nhất. Tính toán và xử lý các tình huống liên quan đến từng nội dung cụ thể. Hình thành, củng cố phát triển kỹ năng tiếp cận các vấn đề, kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái quát về kế toán quản trị doanh nghiệp (4LT:6TL)

1.1. Khái niệm và mục đích của kế toán quản trị

1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị

1.1.2. Nội dung cơ bản của kế toán quản trị doanh nghiệp.

1.1.3. Mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị.

1.1.4. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện chức năng quản lý ở doanh nghiệp.

1.1.5. Phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính

1.2. Đối tượng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

1.3. Phương pháp của kế toán quản trị.

Chương 2. Kế toán quản trị chi phí và giá thành (4LT:6TL)

2.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh trong kế toán quản trị.

2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ của chi phí với các khoản mục trên Báo cáo tài chính.

2.1. 2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo khả năng qui nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí.

2.1. 3. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ của chi phí với qui trình công nghệ sản xuất sản phẩm và quá trình kinh doanh.

2.1. 4. Các cách phân loại chi phí khác sử dụng trong việc lập kế hoạch, kiểm tra và ra quyết định.

2.2. Các loại giá thành sản phẩm được sử dụng trong kế toán quản trị.

2.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi chi phí trong giá thành.

2.2.1.1. Giá thành sản xuất toàn bộ.

2.2.1.2. Giá thành sản xuất theo biến phí

2.2.1.3. Giá thành sản xuất có phân bổ hợp lý định phí sản xuất.

2.2.1.4. Giá thành toàn bộ theo biến phí

2.2.1.5. Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ.

2.2.2. Phân loại giá thành theo thời điểm và cơ sở số liệu tính giá thành.

2.2.2.1. Giá thành kế hoạch.

2.2.2.2. Giá thành định mức.

2.2.2.3. Giá thành sản xuất thực tế.

2.3. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành

2.3.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí.

2.3.2. Đối tượng tính giá thành.

2.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.

2.4.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp.

2.4.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp.

2.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

2.5.1. Kế toán chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp.

2.5.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

2.5.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.

2.6. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở.

2.6.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính trực tiếp (hoặc chi phí vật liệu trực tiếp).

2.6.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

2.7. Tổ chức kế toỏn tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

2.8. Lập báo cáo sản xuất.

2.8.1 Lập báo cáo sản xuất theo phương pháp bình quân

2.8.2 Lập báo cáo sản xuất theo phương pháp nhập trước xuất trước

Chương 3: Mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng - lợi nhuận (5LT:6TL)

3.1. Các khái niệm cơ bản về mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng - lợi nhuận

3.1. 1. Lãi trên biến phí

3.1.2. Tỷ suất lãi trên biến phí

3.1.3. Kết cấu chi phí

3.1.4. Đòn bẩy kinh doanh

3.1..5. Điểm hoà vốn

3.2. Một số ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận vào quá trình ra quyết định.

3.2. 1. Thay đổi định phí và doanh thu

3.2. 2. Thay đổi biến phí và doanh thu

3.2. 3. Thay đổi định phí, giá bán và doanh thu

3.2. 4. Thay đổi định phí, biến phí và doanh thu

3.2. 5. Thay đổi kết cấu giá bán

3.3. Ứng dụng phân tích điểm hoà vốn trong việc ra quyết định

3.3.1. Dự định số lãi phải đạt được

3.3.2. Quyết định khung giá bán của sản phẩm

3.3.3. Quyết định nhận hay từ chối đơn đặt hàng

3.3.4. Các quyết định thúc đẩy

3.4. Khái quát quy trình vận dụng các khái niệm trong quá trình ra quyết định kinh doanh

3.5. Một số lưu ý khi phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận

Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định (5LT:6TL)

4.1.Thông tin thích hợp của quyết định ngắn hạn

4. 1.1. Khái niệm quyết định ngắn hạn

4.1.2. Tiêu chuẩn chọn quyết định ngắn hạn

4.1.3. Phân tích thông tin thích hợp cho quá trình quyết định

4.1.4. Các thông tin không thích hợp đối với quyết định ngắn hạn

4.1.5. Mục đích phân biệt thông tin thích hợp và thông tin không thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn.

4.2. Ứng dụng khái niệm thông tin thích hợp trong việc ra các quyết định ngắn hạn

4.2.1. Quyết định loại bỏ hoặc tiếp tục kinh doanh một bộ phận

4.2. 2. Quyết định tự sản xuất hay mua ngoài.

4.2.3. Quyết định nên bán ngay thành phẩm hay tiếp tục sản xuất ra thành phẩm rồi mới bán.

4.2.4. Các quyết định trong điều kiện sản xuất kinh doanh bị giới hạn.

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đủ bài kiểm tra theo quy định

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB Tài chính - Hà Nội, năm 2009.
2. TS. Trần Thị Thu Hường, Ths. Nguyễn Thị Hồng Điệp, Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất, NXB Kinh tế quốc dân, năm 2016.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương; Kế toán quản trị Lý thuyết và bài tập, NXB thống kê, năm 2008.
4. Luật kế toán; Chuẩn mực kế toán; Chế độ kế toán hiện hành.

9.30. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 2

- Mã học phần: 153.086
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị 1
- Bộ môn phụ trách học phần: Kế toán quản trị

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: Phương pháp định giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong doanh nghiệp; Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh; Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh; phân tích biến động chi phí; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận.

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các phương pháp định giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong doanh nghiệp; Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh; Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh; phân tích biến động chi phí; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận tại các doanh nghiệp trong thực tiễn.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

Người học cần nắm vững những kiến thức cơ bản về: quá trình định giá bán sản phẩm, phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận. Đủ khả năng lập dự toán sản xuất kinh doanh, phân tích và cung cấp những tư vấn thích hợp liên quan đến quá trình lập dự toán cũng như phân tích chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp đó là phân tích các thông tin liên quan đến các quyết định kinh doanh chủ yếu, lập được các báo cáo kế toán quản trị doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đồng thời người học có khả năng lập các dự toán sản xuất kinh doanh trong các đơn vị theo yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp, lập các báo cáo bộ phận theo từng tình huống cụ thể. Tính toán và xử lý các tình huống liên quan đến từng nội dung cụ thể. Hình thành, củng cố phát triển kỹ năng tiếp cận các vấn đề, kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp (6LT:8TL)

1.1. Ý nghĩa và vai trò của việc định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp

1.2. Lý thuyết kinh tế của định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp

1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp

1.4. Nội dung định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp

Chương 2: Định mức và dự toán sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp (6LT:8TL)

2.1. Định mức chi phí

2.2. Dự toán sản xuất kinh doanh

2.3. Phân tích biến động chi phí

Chương 3: Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận (6LT:8TL)

3.1. Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ

3.2. Báo cáo bộ phận

4. Yêu cầu của học phần:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.

- Có đủ bài kiểm tra theo quy định

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB Tài chính - Hà Nội, năm 2009.
2. Trần Thị Thu Hường, Nguyễn Thị Hồng Điệp, Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất, NXB Kinh tế quốc dân, năm 2016.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương; Kế toán quản trị Lý thuyết và bài tập, NXB thống kê, năm 2008.

9.31. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán quản trị

2. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về về đối tượng, phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận; Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Năng lực đạt được: Người học hiểu rõ đối tượng, phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích được kết quả sản xuất, Phân tích được tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích được chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích được tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận; Phân tích được tình hình tài chính của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh; có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận; Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng thu thập thông tin; Kỹ năng hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán thông qua việc vận dụng các phương pháp phân tích, kỹ thuật phân tích cụ thể; Kỹ năng tổ chức phân tích các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Hình thành củng cố phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan trong học tập và trong thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 - Đối tượng và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh (4LT:4TL)

1.1. Đối tượng, nội dung của phân tích hoạt động kinh doanh

1.2. Các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh

1.3. Tổ chức công tác và phân loại phân tích HĐKD

1.4 Các hình thức phân tích hoạt động kinh doanh

Chương 2 – Phân tích các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp (4LT:5TL)

2. 1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất

2. 2. Phân tích tình hình sử dụng yếu tố lao động sản xuất

2.3 Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định phục vụ sản xuất

2.4 Phân tích tình hình cung ứng và sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất

Chương 3 – Phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp (4LT:5TL)

3.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm

3. 2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm so sánh được

3.3 Phân tích tình hình thực hiện chi phí trên 1.000đ giá trị sản phẩm

3.4. Phân tích các khoản mục chủ yếu của giá thành sản phẩm

Chương 4 – Phân tích tình hình kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận của doanh nghiệp (4LT:5TL)

4.1. Phân tích kết quả về khối lượng sản phẩm sản xuất

4.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu hoặc theo đơn đặt hàng.

4.3 Phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm

4.4 Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm

4.5. Phân tích tình hình lợi nhuận

4.6. Phân tích rủi ro kinh doanh

Chương 5 – Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp (2LT:5TL)

5.1. Nội dung và tài liệu sử dụng

5.2. Đánh giá khái quát thực trạng về tình hình tài chính thông qua cân bằng tài chính trên bảng CĐKT

5.3. Phân tích cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư

5.4. Phân tích khả năng thanh toán

5.5. Phân tích năng lực hoạt động của tài sản

5.6. Phân tích khả năng sinh lời

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.

- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành, tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: Bảng, máy tính, máy chiếu để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài iệu tham khảo chính

9.1 Giáo trình chính

1. Phạm Ngọc Quang, Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.

9.2 Tài liệu tham khảo

2. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB lao động- xã hội, 2007
3. Nguyễn Năng Phúc, Phân tích kinh tế lý thuyết và thực hành, NXB Tài chính, 2003.

9.32. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1

- Mã học phần: 152045
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính ngân hàng

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Các kiến thức cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản của doanh nghiệp; Chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp; Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp; Nguồn tài trợ của doanh nghiệp: nguồn tài trợ ngắn hạn và dài hạn; Cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn; KHH tài chính doanh nghiệp.

- Năng lực đạt được: Người học năm vững các kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, có được những kỹ năng cần thiết trong quản trị tài chính nhằm bổ sung các kiến thức cho một số môn học đồng thời làm nền tảng cho sinh viên đi thực tập và đi làm tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng như ngoài tỉnh.

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản có tính hệ thống về tài chính doanh nghiệp, giúp người học:

+ Hiểu được hoạt động của doanh nghiệp và tài chính, nội dung của tài chính doanh nghiệp, vai trò của tài chính doanh nghiệp, các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tổ chức tài chính doanh nghiệp;

+ Hiểu được nội dung chi phí kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; Xác định được điểm hòa vốn và đòn bảy kinh doanh của doanh nghiệp; Các biện pháp phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp;
+ Hiểu được các chỉ tiêu vốn cố định, vốn lưu động của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp quản lý và bảo toàn vốn của doanh nghiệp;
+ Các chỉ tiêu đánh giá tài chính dự án đầu tư của doanh nghiệp;
+ Phân tích được nội dung các nguồn tài trợ ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp;
+ Xác định được các chi phí sử dụng vốn của từng nguồn tài trợ của doanh nghiệp.
+ Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp và lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp.
- Về kỹ năng: Có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về tài chính doanh nghiệp vào những vấn đề thực tế liên quan. Bước đầu có thể nắm bắt, phân tích, đánh giá được hiệu quả của các hoạt động tài chính doanh nghiệp như quản lý bảo toàn vốn, phân tích tài chính dự án đầu tư; Xác định được chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp.… Xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp (3LT:4TL)

1. Tài chính doanh nghiệp

1.1. Hoạt động của doanh nghiệp và tài chính
1.2. Nội dung tài chính doanh nghiệp
1.3. Vai trò của tài chính doanh nghiệp

2. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc tổ chức tài chính doanh nghiệp

2.1. Hình thức pháp lý tổ chức doanh nghiệp
2.2. Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh
2.3. Môi trường kinh doanh

Nội dung 2: Vốn kinh doanh của doanh nghiệp (4LT:5TL)

1. Tổng quan về vốn kinh doanh của doanh nghiệp

2. Vốn cố định

2.1. Tài sản cố định và vốn cố định
2.2. Khấu hao tài sản cố định

3. Vốn lưu động

3.1. Nội dung và thành phần vốn lưu động
3.2. Nhu cầu vốn lưu động và phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động
3.3. Hiệu suất sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp
3.4. Quản lý vốn bằng tiền
3.5. Quản lý khoản phải thu
3.6. Quản lý hàng tồn kho

4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh ncủa doanh nghiệp

4.1.Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp
4.2. Các biện pháp quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung 3: Chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp (4LT:5TL)

1. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

1.1. Khái niệm về chi phí kinh doanh của doanh nghiệp
1.2. Nội dung chi phí kinh doanh của DN

2. Chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp

2.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh

2.2. Giá thành và hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp
3. Doanh thu và thu nhập khác của doanh nghiệp
3.1. Doanh thu của doanh nghiệp
3.2. Thu nhập khác của doanh nghiệp
4. Điểm hoà vốn và đòn bẩy kinh doanh
4.1. Điểm hoà vốn
4.2. Đòn bẩy kinh doanh
5. Các loại thuế chủ yếu đối với hoạt động SXKD của doanh nghiệp (TNC)
5.1. Thuế giá trị gia tăng
5.2. Thuế tiêu thụ đặc biệt
5.3. Thuế tài nguyên
5.4. Thuế xuất nhập khẩu
5.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp
6. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp
Nội dung 4: Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp (4LT:5TL)
1. Tổng quan về đầu tư dài hạn của doanh nghiệp
1.1. Khái niệm về đầu tư dài hạn
1.2. Các loại đầu tư dài hạn của doanh nghiệp
1.3. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp
1.4. Trình tự ra quyết định đầu tư dài hạn
2. Xác định dòng tiền của dự án đầu tư
2.1. Các nguyên tắc cơ bản khi xác định dòng tiền của dự án
2.2. Xác định dòng tiền của dự án đầu tư
2.3. ảnh hưởng của khấu hao đến dòng tiền của dự án
3. Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư
3.1. Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư
3.2. Các phương pháp chủ yếu đánh giá và lựa chọn dự án đấu tư
3.3. Một số trường hợp đặc biệt trong đánh giá dự án đầu tư
Nội dung 5: Nguồn tài trợ của doanh nghiệp và nguồn tài trợ ngắn hạn (3LT:5TL)
1. Nguồn tài trợ của doanh nghiệp
1.1. Tổng quan về nguồn tài trợ của doanh nghiệp
1.2. Mô hình về nguồn tài trợ
2. Nguồn tài trợ ngắn hạn của doanh nghiệp
2.1. Nợ phải trả có tính chất chu kỳ
2.2. Tín dụng nhà cung cấp
2.3. Tín dụng ngân hàng
2.4. Chiết khấu thương phiếu
2.5. Bán nợ
2.6. Các nguồn tài trợ ngắn hạn khác
Nội dung 6: Nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp (3LT:5TL)
1. Nguồn tài trợ bên trong
2. Cổ phiếu thường
2.1. Cổ phiếu thường và huy động vốn bằng cổ phiếu thường
2.2. Quyền ưu tiên mua cổ phiếu mới của cổ đông
3. Cổ phiếu ưu đãi
3.1. Những đặc trưng của cổ phiếu ưu đãi
3.2. Những điểm lợi và bất lợi khi huy động vốn bằng cổ phiếu ưu đãi

4. Vay dài hạn
4.1. Vay dài hạn NHTM và các tổ chức tín dụng khác
4.2. Trái phiếu doanh nghiệp
5. Thuê tài chính
5.1. Thuê tài sản
5.2. Thuê tài chính
Nội dung 7: Chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp (3LT:4TL)
1. Chi phí sử dụng vốn
1.1. Khái niệm về chi phí sử dụng vốn
1.2. Chi phí sử dụng vốn của các nguồn tài trợ riêng biệt
1.3. Chi phí sử dụng vốn bình quân và chi phí cận biên sử dụng vốn
1.4. Kết hợp đường chi phí cận biên và đường cơ hội đầu tư trong việc dự toán vốn.
2. Cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp
2.1. Khái niệm về cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp
2.2. Đòn bảy tài chính và đòn bảy tổng hợp của doanh nghiệp
3. Cơ cấu nguồn vốn tối ưu
3.1. Khái niệm về cơ cấu nguồn vốn tối ưu
3.2. Các yếu tố chủ yếu cần cân nhắc trong việc hoạch định cơ cấu nguồn vốn mục tiêu.
Nội dung 8: Kế hoạch hoá tài chính doanh nghiệp (3LT:4TL)
1- Phân tích tài chính- tiền đề của KHH tài chính DN
1.1- Phân tích các hệ số tài chính của doanh nghiệp
1.2- Phân tích diễn biến nguồn vốn và tình hình sử dụng vốn
2- Kế hoạch hoá tài chính doanh nghiệp
2.1- Tầm quan trọng và nội dung của kế hoạch hoá tài chính
2.2- Trình tự và căn cứ lập KHH tài chính
2.3- Kế hoạch lưu chuyển tiền tệ
3- Dự kiến bảng cân đối tài sản theo các chỉ số tài chính đặc trưng.
4. Yêu cầu của học phần
+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Học liệu bắt buộc

1- Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh –Tài chính doanh nghiệp – NXB Tài chính – Năm 2008.

2- Bùi Văn Vần - Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp – NXB Tài chính – Năm 2009.

3- Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào - Quản trị Tài chính doanh nghiệp - NXB Tài chính – Năm 2007.

9.2. Học liệu tham khảo:

4- Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào - Câu hỏi trắc nghiệp và bài tập môn Quản trị Tài chính doanh nghiệp - NXB Tài chính – Năm 2007.

9. 33. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 1

- Mã học phần: 254051
- Số tín chỉ học tập: 2 (18,24)
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn QTKD - Khoa KT-QTKD
- Các học phần tiên quyết: Marketing căn bản

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức quản trị doanh nghiệp như: Tổng quan về các loại hình doanh nghiệp, các lĩnh vực quản trị DN, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp; Các phương pháp chỉ huy trong QTDN như: Phân cấp, phân quyền, thông tin, quyết định trong quản trị DN, những đặc điểm, tố chất của giám đốc DN; Công tác điều hành trong QTDN như: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, Các phương pháp quản trị DN theo mục tiêu, quá trình và kết quả kinh doanh. Công tác xây dựng và quản trị kết quả sản xuất, kinh doanh trong DN như: Lãi, lỗ, quản trị các chính sách tài chính; và đổi mới trong quản trị DN như quản trị Nhóm, quản trị hành vi, quản trị rủi ro và quản trị tri thức trong doanh nghiệp.

- Năng lực đạt được: Người học nắm vững các khái niệm cơ bản về quản trị doanh nghiệp, thực hiện được công tác điều hành trong QTDN như: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, Các phương pháp quản trị DN theo mục tiêu, quá trình và kết quả kinh doanh. Công tác xây dựng và quản trị kết quả sản xuất, kinh doanh trong DN như: Lãi, lỗ, quản trị các chính sách tài chính; và đổi mới trong quản trị DN như quản trị Nhóm, quản trị hành vi, quản trị rủi ro và quản trị tri thức trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần:

***2.1 Về kiến thức*:**

- Nêu được những lý luận cơ bản về quản trị doanh nghiệp như cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp;

- Trình bày được các phương pháp chỉ huy trong QTDN như: Phân cấp, phân quyền, thông tin, quyết định trong quản trị DN, những đặc điểm, tố chất của giám đốc DN; Công tác điều hành trong QTDN

2.2 Về kỹ năng:

- Lập và quản trị điều hành được doanh nghiệp hoặc có thể tác nghiệp các chức năng quản trị doanh nghiệp.

- Xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm marketing.

2.3 Về thái độ:

Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

3. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
(3LT:4TL)

1.1. Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp
1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp
1.1.2. Các loại hình doanh nghiệp

1.2. Quản trị doanh nghiệp
1.2.1. Khái niệm quản trị doanh nghiệp
1.2.2.Vai trò của quản trị doanh nghiệp đối với một tổ chức
1.2.3. Các chức năng quản trị doanh nghiệp

1.3. Cách tiếp cận về quản trị doanh nghiệp

1.4. Các trường phái lý thuyết ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp
1.4.1. Trường phái lý thuyết quản trị khoa học
1.4.2. Trường phái lý thuyết quản trị hành chính
1.4.3. Trường phái tâm lý xã hội và trường phái hệ thống
1.4.5. Trường phái quản trị Nhật bản

1.5. Lĩnh vực quản trị trong DN

Chương 2: CƠ CẤU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (3LT:4TL)

2.1. Định chế quản trị doanh nghiệp
2.1.1. Định chế quản trị doanh nghiệp
.2.1.2. Nội dung định chế quản trị doanh nghiệp

2.2. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp
2.2.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức quản trị
2.2.2. Nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức
2.2.3. Bộ phận và cấp quản trị trong cơ cấu tổ chức
2.2.4. Mối liên hệ trong cơ cấu tổ chức quản trị

2.3. Chế độ một thủ trưởng
2.3.1. Thực chất và tính tất yếu của chế độ một thủ trưởng
2.3.2. Chức danh, vị trí và mối quan hệ các chức danh

2.4. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

Chương 3: GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP (3LT: 5TL)

3.1. Khái niệm và đặc điểm lao động của giám đốc

3.2. Những tố chất của giám đốc DN

3.3. Phương pháp lãnh đạo và phong cách của giám đốc

3.4. Phân cấp, phân quyền và ủy quyền trong QTDN

Chương 4: THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP (3LT:4TL))

4.1. Thông tin trong quản trị doanh nghiệp
4.1.1. Khái niệm thông tin
4.1.2. Quá trình thông tin
4.1.3. Vai trò và phân loại thông tin quản trị
4.1.4. Yêu cầu của thông tin quản trị

4.2. Hệ thống thông tin trong quản trị doanh nghiệp
4.2.1. Khái niệm hệ thống thông tin

4.2.2. Xây dựng hệ thống thông tin trong nội bộ doanh nghiệp

4.3. Quyết định trong quản trị doanh nghiệp

4.3.1. Khái niệm quyết định quản trị

4.3.2.Vai trò của quyết định quản trị

4.3.3. Phân loại quyết định quản trị

4.3.4. Yêu cầu đối với các quyết định quản trị

4.3.5. Phương pháp ra quyết định quản trị

Chương 5: HOẠCH ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (3LT:4TL)

5.1. Hoạch định mục tiêu của doanh nghiệp

5.1.1. Khái niệm vai trò và phân loại mục tiêu

5.1.2. Phân tích hệ thống mục tiêu

5.1.3. Hoạch định mục tiêu

5.2. Hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

5.2.1. Khái niệm chiến lược kinh doanh

5.2.2. Quá trình quản trị chiến lược

5.2.3. Các chiến lược kinh doanh phổ biến

5.2.4. Các chiến lược lĩnh vực của doanh nghiệp

5.2.5. Chiến lược Porfolio (danh mục vốn đầu tư)

5.3. Hoạch định kế hoạch kinh doanh

5.3.1. Khái niệm kế hoạch kinh doanh

5.3.2. Phân loại kế hoạch trong doanh nghiệp

5.3.3. Phối hợp kế hoạch trong doanh nghiệp

5.3.4. Một số phương pháp hoạch định kế hoạch

5.4. Phương pháp và công cụ sử dụng trong hoạch định

5.5. Tổ chức hoạch định chương trình QTDN

5.6. Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh.

Chương 6: PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU HÀNH TRONG QUẢN TRỊ DN (3LT:4TL)

6.1. Quản trị theo mục tiêu

6.1.1. Bản chất vai trò của quản trị mục tiêu

6.1.2. Nội dung cơ bản trong quản trị mục tiêu

6.1.3. Gới thiệu bảng điểm cân bằng trong quản trị mục tiêu

6.2. Quản trị theo quá trình

6.2.1. Bản chất và vai trò của quản trị theo quá trình

6.2.2. ứng dụng của quản trị theo quá trình

6.3. Quản trị theo kết quả

6. 3.1. Bản chất và vai trò của quản trị theo kết quả

6.3.2. Quản trị thực hiện công việc và cách đánh giá kết quả

6. 3.3.Thước đo kết quả theo KPI

Chương 7: QUẢN TRỊ KẾT QUẢ THEO MỨC LÃI THÔ (3LT:5TL)

7.1. Các khái niệm cơ bản

7.2. Quản trị chi phí, kết quả theo phương pháp truyền thống

7.3. Quản trị chi phí, kết quả theo mức lãi thô

7.4. Ứng dụng phương pháp tính mức lãi thô vào quản trị đơn hàng và thương vụ

Chương 8: QUẢN TRỊ CÁC CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TRONG DOANH NGHIỆP (3LT:TL3)

8.1. Quản trị các chính sách tài chính trong doanh nghiệp

8.1.1. Tổng quan về quản trị tài chính

8.1.2. Báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính căn bản
8.1.3. Một số chính sách tài chính quan trọng trong doanh nghiệp

8.2. Quản trị rủi ro trong DN

8.3. Công tác kiểm soát trong doanh nghiệp

8.3.1. Khái niệm, mục đích và tính tất yếu của kiểm soát
8.3.2. Trình tự và nội dung kiểm soát
8.3.3. Các hình thức và phương pháp kiểm soát.

Chương 9: QUẢN TRỊ NHÓM VÀ QUẢN TRỊ HÀNH VI TRONG DN (3LT:4TL)

9.1. Quản trị hành vi

9.1.1. Hành vi trong doanh nghiệp
9.1.2. Các loại hành vi trong doanh nghiệp
9.1.3. Kiểm soát hành vi trong doanh nghiệp

9.2. Quản trị nhóm trong doanh nghiệp

9.2.1. Bản chất và ý nghĩa của quản trị nhóm
9.2.2. Nguyên tắc quản trị nhóm
9.2.3. Vai trò chủ yếu thể hiên trong nhóm
9.2.4. Mô hình quản trị nhóm
9.2.5. Quản trị các thành viên trong nhóm

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Ngô Kim Thanh (2013), Quản trị doanh nghiệp – NXB KTQD.

9.2 Tài liệu tham khảo:

2. Quản trị doanh nghiệp - Nguyễn Hải Sản - NXB Thống kê - Năm 2000
3. Quản trị doanh nghiệp –Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Đình Hòa, Trần Thị Ý Nhi Phương – NXB Thống Kê – Năm 2008
4. Nguyễn Thị Loan, Lê Quang Hiếu (2019), Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp, NXB ĐH KTQD.

9.34. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ LƯỢNG

- Mã học phần: 151.020

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Xác suất, thống kê toán, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thống kê -Toán kinh tế

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, phân tích hồi quy, ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong cóc mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả.
- Năng lực đạt được: Người học nắm được bản chất, hậu quả,cách phát hiện và biện pháp khắc phục các khuyết tật của mô hình hồi quy.

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức: Cung cấp cho người học cơ sở lý luận và các công cụ kỹ thuật trong việc nghiên cứu, xét đoán và kiểm định các vấn đề kinh tế. Nghiên cứu các phương pháp phân tích kinh tế lượng và vận dụng chúng vào quá trình xây dựng các lý thuyết kinh tế hiện đại, kiểm định sự phù hợp của các lý thuyết đó trong thực tiễn.

- Về kỹ năng: Trang bị cho người học phương pháp luận của kinh tế lượng: đặt luận thuyết về vấn đề nghiên cứu, xây dựng mô hình kinh tế, xây dựng mô hình kinh tế lượng tương ứng, thu thập số liệu, ước lượng các tham số của mô hình, kiểm định mô hình, dự báo, dựa vào kết quả phân tích của mô hình để đề xuất chính sách.

3. Nội dung chi tiết học phần

- Tín chỉ 1: Các khái niệm cơ bản, ước lượng và kiểm định giả thiết trong mô hình hồi quy đơn. Hồi quy bội, hồi quy với biến giả.

CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN (2LT:3TL)

1.1. Khái niệm về kinh tế lượng
1.2. Phương phapp luận của kinh tế lượng (các bước tiến hành)
1.3. Số liệu dựng trong kinh tế lượng
1.4. Phân tích hồi quy
1.5. Sai số ngẫu nhiên
1.6. Mô hình hồi quy tổng thể
1.7. Hồi quy mẫu

CHƯƠNG 2: ƯỚC LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH GIẢ THIẾT TRONG MÔ HÌNH HỒI QUY ĐƠN (3LT:3TL)

2.1. Phương pháp bình phương nhỏ nhất
2.2. Các giả thiet cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất
2.3. Độ chính xác của các ước lượng bình phương nhỏ nhất
2.4. Hệ số r^2 đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu
2.5. Phân bố xác suất của U_i
2.6. Khoảng tin cậy và kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy
2.7. Trình bày kết quả phân tích hồi quy

CHƯƠNG 3: HỒI QUY BỘI (3LT:3TL)

3.1. Hồi quy bội
3.2. Ước lượng các tham số trong mô hình hồi quy bội
3.3. Hệ số xác định bội và hệ số xác định bội đã hiệu chỉnh
3.4. Khoảng tin cậy và kiểm định giả thiết trong mô hình hồi quy bội

CHƯƠNG 4: HỒI QUY VỚI BIẾN GIẢ (2LT:3TL)

4.1. Mô hình hồi quy với biến giải thích là biến giả
4.2. Hồi quy với một biến lượng và một biến chất
4.3. Hồi quy với một biến lượng và nhiều biến chất
4.4. So sánh hai hồi quy

- Tín chỉ 2: Hiện tượng đa cộng tuyến, Phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

CHƯƠNG 5: ĐA CÔNG TUYẾN (2LT:3TL)

5.1. Bản chất của đa cộng tuyến
5.2. Hậu quả của đa cộng tuyến
5.3. Phát hiện đa cộng tuyến
5.4. Khắc phục hiện tượng đa cộng tuyến

CHƯƠNG 6: PHƯƠNG SAI CỦA SAI SỐ THAY ĐỔI (2LT:3TL)

6.1. Bản chất của phương sai của sai số thay đổi
6.2. Hậu quả của phương sai của sai số thay đổi
6.3. Phát hiện phương sai của sai số thay đổi
6.4. Khắc phục hiện tượng phương sai của sai số thay đổi

CHƯƠNG 7: TỰ TƯƠNG QUAN (2LT:3TL)

7.1. Bản chất của tự tương quan
7.2. Hậu quả của tự tương quan
7.3. Phát hiện tự tương quan
7.4. Khắc phục hiện tượng tự tương quan

CHƯƠNG 8: CHỌN MÔ HÌNH VÀ KIỂM ĐỊNH VIỆC CHỈ ĐỊNH MÔ HÌNH (2LT:3TL)

8.1 Các thuộc tính của một mô hình tốt
8.2 Các loại sai lầm chỉ định
8.3 Cách phát hiện các loại sai lầm chỉ định

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1, 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảoluận và làm bài tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận và bài tập. Làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

6.1 Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Quang Dong (2013), Kinh tế lượng, Nxb thống kê.

6.2 Học liệu tham khảo

2. Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2014), Kinh tế lượng, ĐHKTQD

9.35. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KHỞI SỰ KINH DOANH

- Số tín chỉ: 02
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp 1

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức căn bản về nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường; hình thành ý tưởng kinh doanh, lập và phân tích báo cáo tài chính, lập kế hoạch kinh doanh, triển khai hoạt động kinh doanh.
- Năng lực đạt được: Người học năm vững những kiến thức căn bản về nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường; hình thành ý tưởng kinh doanh, lập và phân tích được báo cáo tài chính, lập được kế hoạch kinh doanh, triển khai được hoạt động kinh doanh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực khởi nghiệp và lập phương án kinh doanh;
- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể phân tích và tìm ra phương án kinh doanh phù hợp với điều kiện thay đổi của nền kinh tế thị trường; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý kinh doanh, các quy luật tự nhiên và xã hội có liên quan để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn

2.2. Về kỹ năng:

- Vận dụng được những kiến thức về lập và phân tích phương án kinh doanh để đưa ra một phương án kinh doanh có hiệu quả nhất trong những bối cảnh khác nhau;
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để đưa ra những ý tưởng khởi sự có căn cứ khoa học và mang tính khả thi cao.

2.3. Về thái độ:

Có sáng kiến mới; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình

3. Nội dung học phần

Chương 1: NGHỀ KINH DOANH VÀ DOANH NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:6TL)

1.1 Những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay

1.1.1.Nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường
1.1.2. Các yếu tố ở nền kinh tế nước ta đang được hình thành
1.1.3. Tư duy còn mang tính manh mún, truyền thống, cũ kỹ
1.1.4. Môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế

1.2. Đặc trưng của nghề kinh doanh

1.2.1. Nghề kinh doanh - một nghề cần trí tuệ
1.2.2. Nghề kinh doanh - một nghề cần nghệ thuật
1.2.3. Nghề kinh doanh - một nghề cần có một chút "may mắn"

1.3. Tư chất của một nhà kinh doanh sẽ "thành đạt"

1.4. Chuẩn bị trở thành người chủ doanh nghiệp

1.4.1. Chuẩn bị các tố chất cần thiết
1.4.2. Chuẩn bị các kiến thức cần thiết

Chương 2: HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH (4LT:6TL)

2.1. Đánh giá mạnh, yếu của bản thân
2.1.1. Nội dung cần đánh giá
2.1.2. Phương pháp tiến hành

2.2. Xác định cầu thị trường
2.2.1. Cách làm
2.2.2. Nội dung chủ yếu

2.3. Xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh
2.3.1. Viễn cảnh tương lai cuộc sống bản thân
2.3.2. Mô tả ý tưởng kinh doanh

2.4. Mô tả bước đầu hoạt động kinh doanh

Chương 3: SOẠN THẢO KẾ HOẠCH KINH DOANH (5LT:6TL)

3.1. Những vấn đề cơ bản
3.1.1. Khái niệm và phân loại kế hoạch kinh doanh
3.1.2. Mục đích của việc soạn thảo kế hoạch kinh doanh
3.1.3. Kết cấu điển hình của một bản kế hoạch kinh doanh

3.2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh
3.2.1. Trang bìa ngoài
3.2.2. Mục lục và Tóm tắt
3.2.3. Phân tích ngành, khách hàng và đối thủ cạnh tranh
3.2.4. Mô tả công ty và sản phẩm
3.2.5. Kế hoạch marketing, sản xuất, tác nghiệp
3.2.6. Kế hoạch phát triển doanh nghiệp
3.2.7. Nhóm đồng sáng lập và điều hành doanh nghiệp
3.2.8. Các rủi ro chủ yếu và biện pháp đối phó
3.2.9. Kế hoạch tài chính

3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh
3.3.1. Lưu ý về nội dung kế hoạch kinh doanh
3.3.2. Lưu ý về hình thức trình bày văn bản kế hoạch kinh doanh
3.3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh

Chương 4: TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH (5LT:6TL)

4.1. Tạo lập doanh nghiệp
4.1.1. Lập kế hoạch hành động tạo lập doanh nghiệp
4.1.2. Lựa chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp
4.1.3. Tạo lập doanh nghiệp theo hình thức lựa chọn
4.1.4. Mua lại công ty đang hoạt động
4.1.5. Nhượng quyền kinh doanh

4.2. Triển khai hoạt động kinh doanh
4.2.1. Tổ chức bộ máy quản trị và nhân sự
4.2.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị văn phòng
4.2.3. Thiết lập các mối quan hệ bán hàng
4.2.4. Quản trị hoạt động kế toán và chi phí

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. Tài liệu học tập:

9.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên), Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp - Nxb Kinh tế quốc dân năm 2008

2. Vũ Huy Từ, Khởi sự kinh doanh, Trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội, năm 2002

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Nguyễn Phi Vân (2015), Nhượng quyền khởi nghiệp, Nxb Trẻ.

9.36. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH 1

- Mã học phần: 153024
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức cơ bản về: Kiểm toán báo cáo tài chính, đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học kiểm toán báo cáo tài chính, mục tiêu và căn cứ tiến hành hoạt động kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệm vụ cụ thể trong đơn vị từ chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua hàng và thanh toán, chu kỳ TSCĐ, chu kỳ tiền lương nhân sự.

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được công tác kiểm toán báo cáo tài chính, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệm vụ cụ thể trong đơn vị.

2. Mục tiêu của học phần

***2.1. Về kiến thức*:**

Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về: Khái niệm kiểm toán báo cáo tài chính, mục tiêu cơ bản cũng như mục tiêu cụ thể của hoạt động kiểm toán; các nguyên tắc cơ bản và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; các bước công việc của từng chu kỳ trong doanh nghiệp để có từ đó áp dụng các nghiệp vụ khảo sát và thực hiện các thử nghiệm cơ bản; mối quan hệ của từng chu kỳ nghiệp vụ đối với toàn bộ các khoản mục trên báo cáo tài chính; đưa ra được các kiến nghị điều chỉnh thích hợp đối với các nhà quản lý của doanh nghiệp để có thể giúp doanh nghiệp cung cấp một báo cáo tài chính trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Khái quát về kiểm toán báo cáo tài chính (3LT:4TL)

1.1. Khái niệm, mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.1. Khái niệm kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.2. Mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính

1.2. Nội dung kiểm toán báo cáo tài chính

1.3. Nguyên tắc cơ bản và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

1.3.1. Những nguyên tắc cơ bản chi phối kiểm toán báo cáo tài chính

1.3.2. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

Chương 2: Kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền (4LT:5TL)

2.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền

2.2.1. Mục tiêu kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền

2.1.2. Căn cứ kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền

2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ bán hàng và thu tiền

2.2.1. Chức năng kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ bán hàng và thu tiền

2.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ bán hàng và thu tiền

2.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền

2.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

2.4.1. Phân tích đánh giá tổng quát

2.4.2. Kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ số dư

2.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền

Chương 3: Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán (4LT:5TL)

3.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán

3.1.1. Mục tiêu kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán

3.1.2. Căn cứ kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán

3.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ mua hàng và thanh toán

3.2.1. Chức năng kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ mua hàng và thanh toán

3.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ mua hàng và thanh toán

3.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán

3.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

3.4.1. Phân tích đánh giá tổng quát

3.4.2. Kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ số dư

3.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán

Chương 4: Kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn (4LT:5TL)

4.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

4.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

4.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

4.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

4.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

Chương 5: Kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự (3LT:5TL)

5.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự
5.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ tiền lương và nhân sự
5.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự
5.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản
5.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2014), Kiểm toán tài chính, ĐHKTQD.
2. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu; Kiểm toán Báo cáo tài chính, NXB Tài chính; 2011.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Đậu Ngọc Châu, Vũ Thùy Linh; Bài tập kiểm toán BCTC, NXB Tài chính, 2010.

9.37. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH 2

- Mã học phần: 153026
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về: Kiểm toán báo cáo tài chính, đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học kiểm toán báo cáo tài chính. Mục tiêu và căn cứ tiến hành hoạt động kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệm vụ cụ thể trong đơn vị từ chu kỳ hàng tồn kho, chi phí và giá thành, chu kỳ tiền, chu kỳ vốn vay đến các chu kỳ kiểm toán khác

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các bước của hoạt động kiểm toán BCTC, các khảo sát về KSNB và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ trong đơn vị được kiểm toán.

2. Mục tiêu của học phần

***2.1. Về kiến thức*:**

Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về: Khái niệm kiểm toán báo cáo tài chính, mục tiêu cơ bản cũng như mục tiêu cụ thể của hoạt động kiểm toán; các nguyên tắc cơ bản và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; các bước công việc của từng chu kỳ trong doanh nghiệp để có từ đó áp dụng các nghiệp vụ khảo sát và thực hiện các thử nghiệm cơ bản; mối quan hệ của từng chu kỳ nghiệp vụ đối với toàn bộ các khoản mục trên báo cáo tài chính; đưa ra được các kiến nghị điều chỉnh thích hợp đối với các nhà quản lý của doanh nghiệp để có thể giúp doanh nghiệp cung cấp một báo cáo tài chính trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí (4LT:6TL)

1.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.1.1. Mục tiêu kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.1.2. Căn cứ kiểm toán kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.2.1. Chức năng kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

1.4.1. Thủ tục phân tích và xét đoán

1.4.2. Kiểm toán các nghiệp vụ hàng tồn kho, chi phí, giá thành

1.4.3. Kiểm toán số dư hàng tồn kho

1.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

Chương 2: Kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền (4LT:6TL)

2.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền

2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với tiền và các khoản tương đương tiền

2.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền

2.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

2.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền

Chương 3: Kiểm toán vốn vay và vốn chủ sở hữu (5LT:6TL)

3.1. Kiểm toán vốn vay

3.1.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán vốn vay

3.1.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với vốn vay

3.1.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán vốn vay

3.1.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

3.1.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán vốn vay

3.2. Kiểm toán vốn chủ sở hữu

3.2.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán vốn chủ sở hữu

3.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với vốn chủ sở hữu

3.2.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán vốn chủ sở hữu

3.2.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

3.2.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán vốn chủ sở hữu

Chương 4: Kiểm toán các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác (5LT:6TL)

4.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác

4.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác

4.3. Những sai phạm thường gặp trong kiểm toán các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác

4.4. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

4.5. Tổng hợp kết quả kiểm toán vốn các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2014), Kiểm toán tài chính, ĐHKTQD.

2. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu; Kiểm toán Báo cáo tài chính, NXB Tài chính; 2011.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Đậu Ngọc Châu, Vũ Thùy Linh; Bài tập kiểm toán BCTC, NXB Tài chính, 2010.

9.38. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Mã số học phần: 153067

Số tín chỉ: 2 (18, 24)

Điều kiện tiên quyết**:** Kiểm toán căn bản

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Khái quát chung về kiểm toán nội bộ và quản trị doanh nghiệp. Kiểm toán nội bộ giúp các nhà quản lý doanh nghiệp hiểu rõ vai trò của kiểm toán nội bộ, tổ chức các bộ phận kiểm toán nội bộ, thực hiện kiểm toán nội bộ; các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ.

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các bước trong quá trình kiểm toán nội bộ tại các đơn vị trong thực tiễn.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Người học cần nắm vững những kiến thức cơ bản về: kiểm soát và kiểm toán nội bộ hiệu quả, tổ chức bộ máy kiểm toán và thiết lập chức năng quản lý kiểm toán nội bộ, thực hiện kiểm toán, từ đó biết cách thu thập bằng chứng và lập báo cáo kiểm toán nội bộ.

2.2. Về kỹ năng: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thu thập bằng chứng, lập quy trình kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán nội bộ, đồng thời có kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan theo sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Nội dung chi tiết của học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ (3LT:4TL)

1.1 Kiểm toán nội bộ

1.1.1 Khái niệm kiểm toán nội bộ

1.1.2 Mục đích, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm toán nội bộ

1.1.3 Các nguyên tắc cơ bản của kiếm toán nội bộ

1.1.4 Nội dung và phạm vi của kiểm toán nội bộ

1.1.5 Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ

1.2. Tổ chức kiểm toán nội bộ

1.2.1. Khái quát về tổ chức kiểm toán nội bộ

1.2.2. Kiểm toán nội bộ với các bộ phận khác trong đơn vị

CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ (3LT:5TL)

2.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

2.2. Sự phát triển của kiểm soát nội bộ

2.3.Cơ cấu của hệ thống kiểm soát nội bộ

2.4. Những hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ

2.5. Một số thủ tục kiểm soát nội bộ chủ yếu

2.6. Đánh giá HTKSNB từ KTV bên ngoài

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN VÀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP (3LT:5TL)

3.1 Phương pháp kiểm toán tuân thủ và phương pháp kiểm toán nội bộ

3.2 Phương pháp kiểm toán chứng từ và ngoài chứng từ

3.3 Các phương pháp kiểm toán cụ thể khác

3.4. Quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp

Chương 4: KIỂM TOÁN MỤC TIÊU, KIỂM TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU, KIỂM TOÁN QUÁ TRÌNH THANH TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP (3LT:5TL)

4.1. Kiểm toán tiền mặt
4.2. Kiểm toán các khoản phải thu
4.3. Kiểm toán quá trình thanh toán

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ (3LT:5TL)

5.1 Bản chất của báo cáo kiểm toán nội bộ

5.2 Mục đích của báo cáo kiểm toán nội bộ
5.3 Các loại báo cáo kiểm toán nội bộ
5.4 Các phương pháp tiếp cận các báo cáo viết
5.5 Nội dung của báo cáo kiểm toán nội bộ

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1 và 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Phan Trung Kiên. Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, NXB Tài chính; năm 2015

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Phú Giang, Nguyễn Trúc Lê, Kiểm toán nội bộ, NXB Tài chính, năm 2015

9.39A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KẾ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

- Mã học phần: 153015
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán quản trị

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về Tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu ngân sách xã, chi ngân sách xã, kế toán thanh toán, các quỹ công chuyên dùng của xã phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán.

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được công tác kế toán tại xã, phường, thị trấn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán Ngân sách xã; có khả năng vận dụng và thực hành những kiến thức cơ bản về kế toán Ngân sách xã và nghiệp vụ kế toán Ngân sách xã như: kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu ngân sách xã, chi ngân sách xã, kế toán thanh toán, các quỹ công chuyên dùng của xã phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng thu thập thông tin thông qua việc lập chứng từ kế toán; Kỹ năng hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán thông qua việc vận dụng phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá để sử dụng hệ thống tài khoản và ghi sổ kế toán; Kỹ năng lập báo cáo tài chính. Hình thành củng cố phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan trong học tập và trong thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 - ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ (5LT:7TL)

1.1. Đối tượng và đặc điểm của kế toán Ngân sách xã.
1.2. Nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán Ngân sách xã.
1.3. Tổ chức công tác kế toán Ngân sách xã.

CHƯƠNG 2 - KẾ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ (6LT:7TL)

2.1. Kế toán thu NS Xã
2.2. Kế toán chi ngân sách xã
2.3. Kế toán kết dư ngân sách xã

CHƯƠNG 3 - KẾ TOÁN TIỀN, VẬT TƯ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (6LT:7TL)

3.1. Kế toán vốn bằng tiền tại xã.
3.2. Kế toán vật liệu tại xã.
3.3. Kế toán TSCĐ tại xã.

CHƯƠNG 4 - KẾ TOÁN THANH TOÁN VÀ CÁC QUỸ (5LT:8TL)

4.1. Kế toán thanh toán tại xã.
4.2. Kế toán nguồn kinh phí và các quỹ tại xã.

CHƯƠNG 5 - BÁO CÁO KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ (5LT:7TL)

5.1. Hệ thống báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán ngân sách xã
5.2. Nội dung và phương pháp lập Báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán ngân sách xã

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành, tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: Bảng, máy tính, máy chiếu để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài iệu tham khảo chính

9.1 Giáo trình chính

1. Nguyễn Văn Du (2015), Kế toán ngân sách và tài chính xã, Nxb Tài chính.

- Bộ tài chính (2006) Chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã, NXB Tài chính.

9.2 Tài liệu tham khảo

2. Trần Phương Nga (2000), Kế toán Ngân sách xã, Nxb Tài chính.

3. Luật ngân sách nhà nước Sô 83/2015/QH13.

9.39B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

- Mã học phần: 153.135
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán Quản trị

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về: Nội dung của tổ chức công tác kế toán; Tổ chức thu nhận và kiểm tra thông tin; Tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán; Tổ chức cung cấp thông tin và Tổ chức bộ máy kế toán.

- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được tổ chức bộ máy kế toán, lập được chứng từ kế toán đối với từng loiaj nghiệp vụ, tổ chức luân chuyển chứng từ và lập các hệ thống sổ kế toán, báo cáo tài chính theo quy định.

2. Mục tiêu của học phần

***2.1. Về kiến thức*:**

Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về tổ chức công tác kế toán; có kỹ năng tổ chức được bộ máy kế toán phù hợp với loại hình doanh nghiệp, biết cách phân công, hướng dẫn, kiểm tra tất cả các công việc của từng nhân viên kế toán. Lập được chứng từ kế toán phù hợp với từng loại nghiệp vụ. Tổ chức luân chuyển chứng từ đến từng bộ phận, có khả năng ghi chép và phản ánh thông tin kế toán vào hệ thống sổ kế toán, có khả năng lập các báo cáo kế toán cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thu nhận và kiểm tra thông tin; về hệ thống hóa thông tin, xử lý thông tin kế toán; Có kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu để cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng theo sự hướng dẫn của giáo viên và năng lực tự học của người học. Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông

tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN (3LT:4TL)

1.1. Nội dung công việc kế toán và phân loại công tác kế toán

1.2. Yêu cầu của thông tin kế toán, các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc kế toán

1.2.1. Yêu cầu của thông tin kế toán

1.2.2. Các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc kế toán

1.3. Nhiệm vụ và nội dung tổ chức công tác kế toán

1.3.1. Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán

1.3.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán.

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC THU NHẬN VÀ KIỂM TRA THÔNG TIN KẾ TOÁN (4LT:5L)

2.1. Yêu cầu của việc thu nhận thông tin kế toán

2.2. Tổ chức thu nhận thông tin, phản ánh vào chứng từ kế toán

2.2.1. Tổ chức hạch toán ban đầu.

2.2.2.Các nghiệp vụ nội sinh

2.3. Tổ chức kiểm tra thông tin trong chứng từ kế toán

2.4. Tổ chức luân chuyển chứng từ kế toán

2.4.1. Tổ chức lập chứng từ kế toán

2.4.2. Tổ chức kiểm tra chứng từ toán trước khi ghi sổ kế toán.

2.4.3. Tổ chức sử dụng chứng từ kế toán để ghi sổ kế toán .

2.4.4. Tổ chức bảo quản, lưu trữ chứng từ kế toán.

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HỆ THỐNG HOÁ VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN KẾ TOÁN (4LT:5L)

3.1. Yêu cầu của việc hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán

3.2. Tổ chức sử dụng hệ thống tài khoản kế toán

3.3. Vận dụng phương pháp tính giá để xử lý thông tin kế toán

3.4. Tổ chức vận dụng chế độ sổ kế toán để hệ thống hoá thông tin kế toán

3.4.1. Yêu cầu của việc tổ chức vận dụng chế độ sổ kế toán

3.4.2. Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hóa thông tin theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

3.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hóa thông tin theo hình thức sổ kế toán Chứng từ - ghi sổ

3.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hóa thông tin theo hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ.

3.4.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hóa thông tin theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

3.4.6. Tổ chức hệ thống hóa thông tin trong điều kiện máy vi tính

3.4.7. Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống thống hoá thông tin một số phần hành kế toán chủ yếu

3.4.7.1. Kế toán Vốn bằng tiền

3.4.7.2. Kế toán Mua hàng

3.4.7.3. Kế toán Tiền lương

3.4.7.4. Kế toán TSCĐ

3.4.7.5. Kế toán Bán hàng

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC CUNG CẤP THÔNG TIN KẾ TOÁN (4LT:5L)

4.1. Đối tượng cần sử dụng thông tin kế toán và yêu cầu của thông tin kế toán cần sử dụng
4.2. Tổ chức lập các báo cáo kế toán để lập các thông tin kế toán
4.2.1. Phân loại báo cáo kế toán
4.2.2. Yêu cầu về chất lượng thông tin báo cáo và các việc cần làm của kế toán trước khi lập báo cáo kế toán định kỳ.
4.2.3. Nội dung và kết cấu các báo cáo kế toán định kỳ bắt buộc
4.2.3.1. Bảng cân đối kế toán
4.2.3.2. Báo cáo kết quả hoat động kinh doanh
4.2.3.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4.2.3.4.. Thuyết minh báo cáo tài chính
4.2.4. Nội dung và kết cấu báo cáo kế toán nội bộ
4.2.4.1. Các báo cáo kế toán nội bộ phục vụ yêu cầu quản lý tài sản của doanh nghiệp
4.2.4.2. Báo cáo kế toán nội bộ phục vụ yêu cầu phân cấp quản lý kinh tế tài chính nội bộ.
4.2.4.3. Báo cáo kế toán nội bộ phục vụ yêu cầu quản trị kinh doanh.
CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN (3LT:5L)
5.1. Những căn cứ để xây dựng mô hình bộ máy kế toán ở đơn vị
5.2. Các hình thức tổ chức bộ máy kế toán
5.2.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung.
5.2.2. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán.
5.2.3. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung, vừa phân tán
5.3. Mô hình tổ chức kế toán tài chính và kế toán quản trị ở các doanh nghiệp
Phương án 1: Tổ chức thực hiện kế toán tài chính kết hợp với kế toán quản trị.
Phương án 2: Tổ chức thực hiện kế toán quản trị riêng, tách biệt với kế toán tài chính.
5.4. Mô hình bộ máy kế toán ở doanh nghiệp sản xuất lớn và chức trách nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy kế toán.
4. Yêu cầu của học phần
- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tâp, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính
9.1. Giáo trình chính:

1. Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng, Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2011.

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Hồ Mỹ Hạnh, Tổ chức hạch toán kế toán doanh nghiệp, NXB Thống kê, 2011.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành

9.40A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Mã học phần: 153028
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Học phần Kiểm toán căn bản
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ.
- Năng lực đạt được: Người học đủ xem xét được toàn bộ quy trình kiểm soát hoạt động tại đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu học phần kiểm toán đặc thù.

2. Mục tiêu học phần

* Về kiến thức: Người học cần nắm vững những khái niệm cơ bản về kiểm soát nội bộ, gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận, hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO, kiểm soát các chu trình cơ bản trong doanh nghiệp.`
* Về kỹ năng: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền, chu trình bán hàng – thu tiền, chu trình tiền lương, thu, chi và tồn quỹ, tài sản cố định hữu hình.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ (2LT:3TL)

1.1. Định nghĩa về kiểm soát
1.2. Lịch sử phát triển kiểm soát nội bộ
1.3. Vai trò và trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ

Chương 2: GIAN LẬN VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA GIAN LẬN (3LT:3TL)

2.1. Định nghĩa về gian lận và sai sót
2.2. Các công trình nghiên cứu về gian lận
2.3. Kết quả nghiên cứu về gian lận theo công trình nghiên cứu của ACFE
2.4. Những phương pháp gian lận phổ biến trên báo cáo tài chính

Chương 3: CÁC HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ (3LT:3TL)

3.1. Hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO
3.2. Hệ thống kiểm soát nội bộ theo COCO
3.3. Các hệ thống kiểm soát nội bộ khác

Chương 4: KIỂM SOÁT CHU TRÌNH MUA HÀNG, TỒN TRỮ VÀ TRẢ TIỀN (2LT:3TL)

4.1. Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát
4.2. Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền

Chương 5: KIỂM SOÁT CHU TRÌNH BÁN HÀNG – THU TIỀN (2LT:3TL)

5.1. Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát
5.2. Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình bán hàng – thu tiền

Chương 6: KIỂM SOÁT CHU TRÌNH TIỀN LƯƠNG (2LT:3TL)

6.1. Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát
6.2. Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình tiền lương

Chương 7: KIỂM SOÁT TIỀN (2LT:3TL)

7.1. Đặc điểm và mục tiêu kiểm soát
7.2. Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với thu, chi và tồn quỹ
7.3. Một số gian lận thường gặp đối với tiền và và các biện pháp kiểm soát thích hợp
Chương 8: KIỂM SOÁT TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (2LT:3TL)
8.1. Đặc điểm và mục tiêu kiểm soát
8.2. Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với tài sản cố định hữu hình

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1 và 2) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2012), Kiểm soát nội bộ, NXb ĐHKTTPHCM.

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), Kiểm soát nội bộ, Nxb Tài chính.

9.40B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIỂM SOÁT QUẢN LÝ

- Mã học phần: 153029
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức và kỹ năng cần thiết về các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý.

- Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần học viên có kiến thức và kỹ năng cần thiết về các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý.

2. Mục tiêu học phần

* Kiến thức: Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về kiểm soát quản lý từ việc thiết kế các trung tâm trách nhiệm, kiểm soát giá chuyển giao, đến việc lập dự toán hoạt động, phân tích, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý.
* Kỹ năng:
- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thông tin, vận dụng các kiến thức về kiểm soát quản lý để giải quyết các tình huống trong thực tế có thể phát sinh tại các đơn vị.
- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu, xét đoán, tư duy phản biện và làm việc theo nhóm.
* Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (2LT:3TL)

1.1 Kiểm soát và các loại kiểm soát.
1.2 Các hoạt động kiểm soát quản lý.
1.3 So sánh kiểm soát quản lý và kiểm soát tác nghiệp.
1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến thiết ké hệ thống kiểm soát quản lý.

CHƯƠNG 2: HÀNH VI TRONG TỔ CHỨC (3LT:3TL)

2.1 Mục tiêu của doanh nghiệp.
2.2 Thống nhất các mục tiêu trong tổ chức và các nhân tố ảnh hưởng.
2.3 Các mô hình tổ chức doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3: TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM (3LT:3TL)

3.1 Khái quát về trung tâm trách nhiệm
3.2 Các loại hình trung tâm trách nhiệm
3.3 Lợi ích thiết kế các trung tâm trách nhiệm
3.4 Đo lường và đãi ngộ hoạt động của nhà quản lý trung tâm trách nhiệm.

CHƯƠNG 4: KIỂM SOÁT TÍNH GIÁ CHUYỂN GIAO (2LT:3TL)

4.1 Mục tiêu tính giá chuyển giao.
4.2 Các phương pháp tính giá chuyển giao
4.3 Kiểm soát tính giá chuyển giao

CHƯƠNG 5: LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TRONG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (2LT:3TL)

5.1 Bản chất, vai trò lập kế hoạch trong kiểm soát quản lý.
5.2 Phân tích chương trình dự án sản xuất kinh doanh mới
5.3 Phân tích, đánh giá các chương trình, dự án đang thực hiện.
5.4Quá trình lập kế hoạch.

CHƯƠNG 6: LẬP DỰ TOÁN HOẠT ĐỘNG (2LT:3TL)

6.1 Khái quát về dự toán hoạt động
6.2 Quy trình lập dự toán hoạt động
6.3 Môt số cách phân loại dư toán.

CHƯƠNG 7: PHÂN TÍCH BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TRONG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (2LT:3TL)

7.1 Mục đích, vai trò của xác định chênh lệch giữa thực tế hoạt động và dự toán.
7.2 Tính toán chênh lệch
7.3 Xác định nguyên nhân và báo cáo chênh lệch
7.4 Hạn chế của phân tích chênh lệch trong báo cáo hoạt động.

CHƯƠNG 8: ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (2LT:3TL)

8.1 Hệ thống các phương pháp đo lượng đánh giá hoạt động.
8.2 Các phương pháp đo lường, đánh giá hoạt động
8.3 Các cấp độ của kiểm soát.

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Phương Hoa (2011), Giáo trình kiểm soát quản lý, NXB đại học kinh tế quốc dân.

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Phạm Văn Dược (2010), Kế toán quản trị lý thuyết & bài tập, NXB Thống kê.

9.41A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔ CHỨC QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN

- Mã học phần: 153031
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Tiếp nhận khách hàng và ký hợp đồng kiểm toán; Lập kế hoạch kiểm toán; Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính; và tổng hợp lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý về kiểm toán báo cáo tài chính..
- Năng lực đạt được: Người học có thể vận dụng những kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn công tác kiểm toán đối với từng chu kỳ kiểm toán, thực hiện được quy trình tổ chức kiểm toán, tổng hợp kết quả để lập báo cáo kiểm toán.

2. Mục tiêu học phần

* Kiến thức: Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui trình tổ chức cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính nói chung, về qui trình, phương pháp tổ chức kiểm toán từng chu kỳ trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, khi bắt đầu để có được cuộc kiểm toán, thực hành kiểm toán, kết thức phải làm những gì để có báo cáo kiểm toán và thư quản lý được phát hành. Qua đó giúp cho sinh viên nắm được cả lý luận và thực hành qui trình tổng hợp kết quả kiểm toán để lập Báo cáo kiểm toán.

* Kỹ năng:

+ Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp kiểm toán và có thể phát triển được

+ Có kỹ năng phối hợp giải quyết công việc với kiểm toán viên và người khác;

+ Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong kiểm toán;

+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức kiểm toán để dùng vào những mục đích riêng biệt; Có các kỹ năng tự phát triển chuyên môn nghề nghiệp kiểm toán;

+ Đánh giá được cách dạy và học về kiểm toán;

* Thái độ

+ Yêu thích môn học, ngành học kiểm toán;

+ Kính trọng, yêu quí, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên, đang giảng dạy môn học kiểm toán;

+ Có sự tự tin và chuẩn mực sống trong xã hội;

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TIẾP NHẬN KHÁCH HÀNG VÀ KÝ HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN (4LT:6TL)

1.1. Giới thiệu và quảng bá doanh nghiệp kiểm toán

1.2. Tiếp xúc, tìm hiểu khách hàng kiểm toán, đánh giá rủi ro và ký hợp đồng kiểm toán

1.3. Duy trì hoặc chấp nhận khách hàng kiểm toán

CHƯƠNG 2: LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (4LT:6TL)

2.1. Lập kế hoạch kiểm toán

2.2. Thảo luận với khách hàng và hoàn chỉnh kế hoạch kiểm toán

CHƯƠNG 3: THỰC HÀNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (5LT:6TL)

3.1 Tổ chức nhân sự cho cuộc kiểm toán

3.2 Nội dung công việc trong giai đoạn thực hành kiểm toán báo cáo tài chính.

3.3 Tổ chức thực hành kiểm toán các chu kỳ và các thông tin tài chính.

CHƯƠNG 4: TỔNG HỢP LẬP BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ THƯ QUẢN LÝ VỀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (5LT:6TL)

4.1. Các thủ tục kiểm toán đặc thù và công việc chuẩn bị cho việc lập báo cáo kiểm toán.

4.2. Tổng hợp kết quả kiểm toán và trao đổi với khách hàng kiểm toán.

4.3. Lập dự thảo báo cáo kiểm toán và thư quản lý

4.4. Soát xét, hoàn thiện báo cáo kiểm toán và hồ sơ kiểm toán

4.5. Thống nhất với khách hàng và phát hành báo cáo kiểm toán

4.6. Soạn thảo thư quản lý.

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Giang Thị Xuyến, Thịnh Văn Vinh, Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, Học viện tài chính, 2012.

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, Bộ tài chính.
3. Luật kiểm toán nhà nước.

9.41B. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

-Mã học phần: 153032

-Số tín chỉ: 02 (18, 24)

-Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản

-Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán ngân sách nhà nước. Các vấn đề về kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của các cơ quan, tổ chức nhà nước, các đơn vị có sử dụng NSNN, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) có sử dụng vốn của nhà nước.
- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các quy định liên quan đến kiểm toán tại các đơn vị có sử dụng NSNN, các doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Mục tiêu học phần

* Kiến thức: Người học nắm được các kiến thức cơ bản và nâng cao về đặc điểm, trình tự lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; báo cáo quyết toán thu chi ngân sách, tính hợp pháp, đúng đắn báo cáo quyết toán ngân sách; cách thức kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; kiểm toán báo cáo quyết toán thu chi ngân sách.
* Kỹ năng:
- Có kỹ năng trong việc nắm bắt, xử lý các sai phạm liên quan đến lập, trình bày, nội dung, tính hợp pháp hợp lệ của báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; báo cáo quyết toán thu chi ngân sách.
- Giúp người học có kỹ năng vận dụng linh hoạt các trình tự, các quy định của pháp luật liên quan đến kiểm toán thanh quyết toán các vấn đề liên quan đến nguồn ngân sách nhà nước.

* Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (6LT:8TL)

1.1 Hệ thống Ngân sách Nhà nước và Luật Ngân sách Nhà nước

2 Chu trình Ngân sach Nhà nước và các nội dung cơ bản của hoạt động Ngân sách Nhà nước.

2.1 Đối tượng kiểm toán Ngân sách Nhà nước và Luật kiểm toán Nhà nước

2.2 Quy trình kiểm toán Ngân sách Nhà nước

2.3 Báo cáo kiểm toán Ngân sách Nhà nước

CHƯƠNG 2: KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH (6LT:8TL)

2.1 Đặc điểm của dự án đầu tư với vấn đề kiểm toán

2.2 Đặc điểm Báo cáo quyết toán vốn đầu tư và mục tiêu kiểm toán

2.3 Nội dung và trình tự kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

CHƯƠNG 3: KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH (6LT:8TL)

3.1 Trình tự lập báo cáo quyết toán ngân sách với vấn đề kiểm toán ngân sách

3.2 Đối tượng kiểm toán ngân sách nhà nước

3.3 Kiểm toán báo cáo quyết toán thu ngân sách

3.4 Kiểm toán báo cáo quyết toán chi ngân sách

3.5 Kiểm toán tính đúng đắn, hợp pháp báo cáo quyết toán ngân sách.

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

1. Kiểm toán nhà nước, QĐ 02/2018/QĐ-KTNN, QĐ ban hành quy trình kiểm toán báo cáo quyết toán 2018.

2. Kiểm toán nhà nước, QĐ 02/2018/QĐ-KTNN, QĐ ban hành quy trình kiểm toán báo cáo quyết toán, 2017.

3. Bộ tài chính, Hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN 2020

4. Bộ tài chính, Chế độ kế toán NSNN (QĐ về kiểm soát các khoản chi NS và quản lý thu chi bằng tiền mặt qua NSNN) 2019.

5. Luật ngân sách nhà nước Sô 83/2015/QH13.

9.42A. ĐỀ CƯƠNG PHẦN KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG

Mã học phần: 153021

Số tín chỉ: 02 (18, 24)

Điều kiện tiên quyết: Học phần Kiểm toán căn bản

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về kiểm toán hoạt động.
- Năng lực đạt được: Người học đủ khả năng xem xét toàn bộ quy trình kiểm toán hoạt động tại đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu học phần kiểm toán đặc thù.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Người học cần nắm vững những khái niệm cơ bản về kiểm toán hoạt động, chuẩn mực và tiêu chuẩn trong kiểm toán hoạt động, tổ chức kiểm toán hoạt động, kiểm toán một số hoạt động cơ bản trong đơn vị.`

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về kiểm toán một số hoạt động cơ bản trong các doanh nghiệp cũng như các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước .

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN (1LT:2TL)

1.1. Khái niệm về kiểm toán hoạt động

1.2. Đặc điểm của chức năng kiểm toán và ứng dụng phương pháp kiểm toán trong kiểm toán hoạt động

1.3. Mục tiêu của kiểm toán hoạt động

1.4. Quan hệ giữa Kiểm toán hoạt động với kiểm toán tài chính

Chương 2: CHUẨN MỰC VÀ TIÊU CHUẨN TRONG KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG (2LT:2TL)

2.1. Tổng quan về chuẩn mực và tiêu chuẩn trong kiểm toán hoạt động

2.2. Chuẩn mực kiểm toán hoạt động

2.3. Tiêu chuẩn để đánh giá hoạt động được kiểm toán

Chương 3: TỔ CHỨC KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG (2LT:2TL)

3.1. Đặc điểm chung của tổ chức kiểm toán hoạt động

3.2. Đặc điểm của qui trình kiểm toán hoạt động

Chương 4: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÂN LỰC (2LT:2TL)

4.1. Hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực với kiểm toán

4.2. Tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực

4.3. Các kỹ thuật thu thập và các phương pháp phân tích dữ liệu

4.4. Quy trình kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực

4.5. Một số ví dụ minh họa về phát hiện và khuyến nghị kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực

Chương 5: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG (2LT:2TL)

5.1. Đặc điểm chung của hoạt động cung ứng với kiểm toán hoạt động

5.2. Đánh giá quản trị nội bộ hoạt động cung ứng trong quan hệ với đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu năng quản lý
5.3. Đánh giá hiệu quả và hiệu quả và hiệu năng quản lý hoạt động cung ứng
Chương 6: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT (2LT:2TL)
6.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất ảnh hưởng tới kiểm toán
6.2. Nội dung kiểm toán hoạt động sản xuất
Chương 7: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG MARKETING (2LT:2TL)
7.1. Tầm quan trọng, mục tiêu và đặc điểm chung của một cuộc kiểm toán hoạt động Marketing
7.2. Bản chất và chức năng của hoạt động Marketing ảnh hưởng tới kiểm toán
7.3 Quy trình và nội dung kiểm toán hoạt động Marketing
7.4. Chỉ dẫn kiểm toán hoạt động Marketing
Chương 8: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG THU VÀ THANH TOÁN (1LT:2TL)
8.1. Kiểm toán hoạt động thu - chi tiền mặt
8.2. Kiểm toán hoạt động thanh toán
8.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động thu – chi và thanh toán
Chương 9: KIỂM TOÁN HỆ THỐNG THÔNG TIN (1LT:2TL)
9.1. Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và ảnh hưởng đến kiểm toán hoạt động
9.2. Tiêu chí đánh giá hệ thống thông tin
9.3. Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán
9.4. Quy trình kiểm toán hệ thống thông tin
Chương 10: ĐẶC ĐIỂM KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (1LT:2TL)
10.1. Đặc điểm chung của hoạt động thu ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động
10.2. Đặc điểm quản lý hoạt động và tổ chức bộ máy thu với kiểm toán hoạt động
10.3. Đặc điểm tổ chức kiểm toán hoạt động với (hoạt động) thu thuế
Chương 11: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (1LT:2TL)
11.1. Đặc điểm chung của tổ chức quản lý chi ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động
11.2. Đặc điểm của qui trình kiểm toán hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước
11.3. Định hướng và trình tự xây dựng tiêu chuẩn đo lường và tiêu chí đánh giá hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước
Chương 12: KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (1LT:2TL)
12.1. Đặc điểm của chương trình ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động
12.2. Đặc điểm xây dựng tiêu chí đánh giá và trình tự kiểm toán chương trình ngân sách nhà nước
4. Yêu cầu của học phần
+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1 và 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Quang Quynh (2009), Kiểm toán hoạt động – NXB ĐH KTQD.

9.2. Tài liệu tham khảo:

9.42B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIỂM TOÁN TUÂN THỦ

Mã số học phần: 153022

Số tín chỉ: 2 (18, 24)

Điều kiện tiên quyết**:** Kiểm toán căn bản

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Khái quát chung về kiểm toán tuân thủ tại các bộ phận, chuẩn mực, căn cứ trong kiểm toán tuân thủ, tiêu chuẩn đánh giá trong kiểm toán tuân thủ**;** quy trình kiểm toán tuân thủ; các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán tuân thủ, kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán hoạt động.
- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các bước công việc của kiểm toán tuân thủ tại các bộ phận, đơn vị được kiểm toán.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Người học cần nắm vững những kiến thức cơ bản về:Đối tượng, mục đích và chức năng của kiểm toán tuân thủ; các chuẩn mực, căn cứ , tiêu chuẩn đánh giá kiểm toán, quy trình kiểm toán tuân thủ, từ đó biết cách thu thập bằng chứng trong kiểm toán kể cả kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động.

2.2. Về kỹ năng: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thu thập bằng chứng, lập quy trình kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán tuân thủ, đồng thời có kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan theo sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Nội dung chi tiết của học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KIỂM TOÁN TUÂN THỦ (3LT2TL)

1.1 Khái niệm về kiểm toán tuân thủ.

1.2 Đối tượng, mục đích và chức năng của kiểm toán tuân thủ.

1.2.1 Đối tượng của kiểm toán tuân thủ

1.2.2 Mục đích của kiểm toán tuân thủ

1.2.3 Chức năng của kiểm toán tuân thủ

1.3 Nội dung và phạm vi của kiểm toán tuân thủ.

1.3.1 Nội dung của kiểm toán tuân thủ

1.3.2 Phạm vi của kiểm toán tuân thủ

1.4 Ý nghĩa của kiểm toán tuân thủ.

CHƯƠNG 2: CHUẨN MỰC, CĂN CỨ KIỂM TOÁN VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRONG KIỂM TOÁN (4LT:6TL)

2.1 Chuẩn mực trong kiểm toán tuân thủ

2.2 Căn cứ trong kiểm toán tuân thủ

2.3 Tiêu chuẩn đánh giá trong kiểm toán tuân thủ.

CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH KIỂM TOÁN VÀ CÁC KỸ THUẬT THU THẬP BẰNG CHỨNG KIỂM TOÁN TRONG KIỂM TOÁN TUÂN THỦ (6LT:6TL)

3.1 Quy trình kiểm toán tuân thủ.

3.1.1 Lập kế hoạch trong kiểm toán tuân thủ

3.1.2 Thực hiện kiểm toán tuân thủ

3.1.3 Kết thúc kiểm toán tuân thủ

3.1.4 Kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

3.2 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán tuân thủ

3.2.1 Kỹ thuật quan sát.

3.2.2 Kỹ thuật kiểm tra, đối chiếu

3.2.3 Kỹ thuật xác nhận từ bên ngoài

3.2.4 Kỹ thuật tính toán lại

3.2.5 Kỹ thuật điều tra

3.2.6 Kỹ thuật phỏng vấn

3.2.7 Thủ tục phân tích

3.2.8 Thực hiện lại.

CHƯƠNG 4: KIỂM TOÁN TUÂN THỦ TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (3LT:6TL)

4.1 Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

4.1.1 Mục tiêu kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

4.1.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

4.1.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính

4.2Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4.2.1 Mục tiêu kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp

4.2.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính.

4.2.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4.3. Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

4.3.1 Mục tiêu kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

4.3.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong kiểm toán báo cáoquyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

4.3.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

4.4. Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại.

4.4.1 Mục tiêu kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại.

4.4.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại.

4.4.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại.

4.5 Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm.

4.5.1 Mục tiêu kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm.

4.5.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chínhcủa doanh nghiệp bảo hiểm.

4.5.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chínhcủa doanh nghiệp bảo hiểm..

CHƯƠNG 5: KIỂM TOÁN TUÂN THỦ TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG. (2LT:4TL)

5.1 Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực

5.1.1 Mục tiêu của kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực

5.1.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực.

5.1.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực.

5.2 Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động cung ứng

5.2.1 Mục tiêu của kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động cung ứng

5.2.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong kiểm toán hoạt động cung ứng.

5.2.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động cung ứng.

5.3 Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động sản xuất

5.3.1 Mục tiêu của kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động sản xuất

5.3.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong kiểm toán hoạt động sản xuất.

5.3.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động sản xuất.

5.4 Kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động Marketing

5.4.1 Mục tiêu của kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động Marketing

5.4.2 Các tiêu chuẩn đánh giá tính tuân thủ trong kiểm toán hoạt động Marketing.

5.4.3 Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động Marketing.

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1 và 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính:
9.1. Giáo trình chính:
1. Vũ Thị Phương Liên, Đậu Ngọc Châu, Kiểm toán tuân thủ, NXB Thống kê; năm 2016
9.2. Tài liệu tham khảo:

9.43A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THUẾ
- Số tín chỉ học tập: 2(18, 24)
- Mã học phần: 152055
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính - Thống Kê
- Các học phần tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

1. Mô tả tóm tắt của học phần
- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản cơ bản có tính hệ thống về Thuế, Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân.
- Năng lực đạt được: Người học hiểu bản chất của Thuế. Hiểu được những nội dung cơ bản của một số sắc thuế quan trọng, xác định được các khoản thuế phải nộp cho nhà nước.

2. Mục tiêu học phần
2.1 Mục tiêu về kiến thức
- Trình bày được những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về Thuế, giúp người học xác định rõ bản chất bản chất của Thuế.
- Hiểu được những nội dung cơ bản của một số sắc thuế quan trọng như Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân.

2.2 Mục tiêu về kỹ năng
- Vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về Thuế nói chung và các sắc Thuế cụ thể nói riêng vào những vấn đề thực tế liên quan.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết vào quá trình thực hiện các khâu của quá trình quản lý thuế đối với từng sắc thuê từ việc kê khai, tính toán số thuế phải nộp đến việc nộp thuế cũng như thực hiện các quy định về miễn, giảm, hoàn thuế.

2.3 Mục tiêu về thái độ
Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên.

3. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ (2LT:3TL)

1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế

1.1.1. Khái niệm

1.2.1. Đặc điểm của thuế

1.2. Vai trò của thuế

1.2.1. Huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước

1.2.2. Điều tiết kinh tế vĩ mô

1.3. Hệ thống thuế Việt nam

1.3.1. Khái niệm

1.3.2. Phân loại thuế

1.3.3. Các tiêu chuẩn xây dựng hệ thống thuế

1.4. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế

1.4.1. Tên gọi của sắc thuế

1.4.2. Đối tượng nộp thuế

1.4.3. Đối tượng chịu thuế

1.4.4. Cơ sở tính thuế

1.4.5. Mức thuế

1.4.6. Miễn thuế, giảm thuế

Chương 2: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (4LT:5TL)

2.1. Những vấn đề chung về thuế giá trị gia tăng

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.2. Nội dung cơ bản của luật thuế GTGT hiện hành ở việt nam

2.2.1. Phạm vi áp dụng

2.2.2. Căn cứ tính thuế

2.2.3. Phương pháp tính thuế GTGT

2.2.4. Quy định về hoá đơn, chứng từ mua bán hàng hoá, dịch vụ

2.2.5. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế

2.2.6. Hoàn thuế GTGT

Chương 3: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (3LT:4TL)

3.1. Những vấn đề chung về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Đặc điểm

3.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế TTĐB ở việt nam

3.2.1. Phạm vi áp dụng

3.2.2. Căn cứ tính thuế

3.2.3. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế

3.2.4. Miễn, giảm, hoàn thuế TTĐB

Chương 4: THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU (3LT:4TL)

4.1. Giới thiệu chung về thuế xuất khẩu, nhập khẩu

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Đặc điểm thuế xuất khẩu, nhập khẩu

4.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu ở việt nam

4.2.1. Phạm vi áp dụng

4.2.2. Căn cứ tính thuế

4.2.3. Miễn thuế, xét miễn thuế giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế XK, NK.

4.2.4. Đăng ký, kê khai, nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu

Chương 5: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (4LT:5TL)

5.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)
5.1.1. Khái niệm
5.1.2. Đặc điểm của thuế TNDN
5.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế TNDN hiện hành ở việt nam
5.2.1. Phạm vị áp dụng
5.2.2. Căn cứ tính thuế
5.2.3. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNDN
5.2.4. Miễn, giảm thuế TNDN
Chương 6: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (2LT:3TL)
6.1. Những vấn đề chung về thuế Thu nhập cá nhân
6.1.1. Khái niệm
6.1.2. Đặc điểm
6.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế TNCN hiện hành ở việt nam
6.2.1. Đối tượng nộp thuế
6.2.2. Thu nhập chịu thuế
6.2.3. Thu nhập không chịu thuế
6.2.4. Biểu thuế và phương pháp tính thuế
6.2.5. Đăng ký thuế, kê khai nộp thuế và quyết toán thuế
6.2.6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu nộp thuế

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu – Thuế, NXB Tài chính, 2012
2. Luật quản lý thuế, các luật thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCD và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành các luật trên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Trang web của Tổng cục thuế www.gdt.gov.vn
4. Trang web của Bộ tài chính www.mof.gov.vn

9.43B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- Mã học phần: 152065

- Số tín chỉ học tập: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tài chính - Thống Kê; Khoa KT-QTKD
- Các học phần tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Tài chính- Tiền tệ

1. Mô tả tóm tắt của học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán như: Khái niệm, chức năng của thị trường chứng khoán, cơ cấu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán. Chứng khoán và các giao dịch chứng khoán trên thị trường sơ cấp, thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán.
- Năng lực đạt được: Người học nắm vững các kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, vận dụng được trong các tình huống thực tiễn liên quan đến chứng khoán tại các đơn vị.

2. Mục tiêu học phần

2.1 Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán, giúp người học xác định bản chất của chứng khoán, hoạt động của thị trường chứng khoán: phương thức phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán sơ cấp; tổ chức thị trường và hoạt động cơ bản trên thị trường chứng khoán thứ cấp. Bên cạnh đó, học viên vận dụng được kiến thức cơ bản để phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán;
- Phân tích được hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Nắm được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.

2.2 Mục tiêu về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các học phần liên quan để phân tích, đánh giá hiệu quả các hoạt động của thị trường chứng khoán: Huy động vốn trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp, đầu tư chứng khoán của các nhà đầu tư.

2.3 Mục tiêu về thái độ

Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên.

3. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (2LT:3TL)

1.1. Khái niệm và chức năng của thị trường chứng khoán

1.1.1. Sự hình thành thị trường chứng khoán

1.1.2. Khái niệm về thị trường chứng khoán

1.1.3. Chức năng của TTCK

1.2. Cơ cấu, mục tiêu và các nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán

1.2.1. Cơ cấu của thị trường chứng khoán

1.2.2. Mục tiêu quản lý và điều hành thị trường chứng khoán

1.2.3. Các nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán

1.3. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán

1.4. Cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán

1.5. Xu thế phát triển của các thị trường chứng khoán trên thế giới và những điều kiện cơ bản để phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam

Chương 2: CHỨNG KHOÁN (4LT:6TL)

2.1. Khái niệm và đặc trưng của chứng khoán

2.1.1. Khái niệm về chứng khoán
2.1.2. Đặc trưng của chứng khoán
2.2. Phân loại chứng khoán
2.2.1. Căn cứ vào chủ thể phát hành
2.2.2. Căn cứ vào tính chất huy động vốn
2.2.3. Căn cứ vào lợi tức của chứng khoán
2.2.4. Căn cứ vào hình thức chứng khoán
2.2.5. Căn cứ vào thị trường nơi chứng kháon được giao dịch
2.3. Một số loại chứng khoán cơ bản
Chương 3: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN SƠ CẤP (4LT:5TL)
3.1. Đặc điểm của thị trường chứng khoán
3.2. Các chủ thể phát hành chứng khoán
3.2.1. Chính phủ
3.2.2. Doanh nghiệp
3.2.3. Quỹ đầu tư
3.3. Các phương thức phát hành chứng khoán và quản lý nhà nước đối với việc phát hành chứng khoán
3.3.1. Các phương thức phát hành chứng khoán
3.3.2. Quản lý nhà nước đối với phát hành chứng khoán
3.4. Chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng
3.4.1. Điều kiện cháo bán chứng khoán ra công chúng
3.4.2. Thủ tục chủ yếu chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng
3.4.3. Các phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng
Chương 4: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THỨ CẤP (4LT:5TL)
4.1. Đặc điểm và cơ cấu của thị trường chứng khoán thứ cấp
4.1.1. Đặc điểm của thị trường thứ cấp
4.1.2. Cấu trúc của thị trường thứ cấp
4.2. Sở giao dịch chứng khoán
4.2.1. Khái niệm và chức năng của sở giao dịch chứng khoán
4.2.2. Hình thức sở hữu và cơ cấu tổ chức sở giao dịch chứng khoán
4.2.3. Thành viên giao dịch của SGD chứng khoán
4.2.4. Niêm yết chứng khoán
4.2.5. Giao dịch chứng khoán ở SGD chứng khoán
4.2.6. Hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ
4.2.7. Hệ thống công khai thông tin
4.3. Thị trường chứng khoán phi tập trung
4.3.1. Tổng quan về sự hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC)
4.3.2. Đặc điểm của thị trường chứng khoán phi tập trung
4.3.3. Phương thức giao dịch trên thị trường chứng khoán phi tập trung
Chương 5: PHÂN TÍCH CHỨNG KHOÁN VÀ ĐẦU TƯ CHƯNG KHOÁN (4LT:5TL)
5.1. Lãi suất và các vấn đề liên quan đến lãi suất
5.1.1. Lãi đơn, lãi kép và giá trị tương lai
5.1.2. Kỳ hạn tính lãi và giá trị kép
5.1.3. Giá trị hiện tại
5.2. Phân tích trái phiếu
5.2.1. Ước định giá trái phiếu

5.2.2. Các đại lượng chủ yếu đo lường mức sinh lời của trái phiếu
5.2.3. Mối quan hệ giữa lãi suất thị trường, giá trái phiếu và các lãi suất của trái phiếu đang lưu hành
5.2.4. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến giá trị thị trường
5.3. Phân tích cổ phiếu
5.3.1. Tiếp cận các phương pháp chủ yếu phân tích cổ phiếu
5.3.2. Ước định giá cổ phiếu
5.3.3. Đánh giá hiệu quả đầu tư vào cổ phiếu
5.3.4. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới giá cổ phiếu trên thị trường
5.4. Các chỉ số của thị trường chứng khoán
5.4.1. Chỉ số giá
5.4.2. Tổng giá trị thị trường và khối lượng, giá trị giao dịch
5.5. Quỹ đầu tư chứng khoán
5.5.1. Quỹ đầu tư và các chủ thể tham gia quỹ đầu tư
5.5.2. Vai trò của quỹ đầu tư chứng khoán.
4. Yêu cầu của môn học:
Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. Phương pháp đánh giá môn học
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10
9. Tài liệu tham khảo chính:
9.1. Học liệu bắt buộc:
1. Lê Hoàng Nga (2015), Thị trường chứng khoán - NXB Tài chính.
2. Hoàng Văn Quỳnh (2008), Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán – Nxb tài chính.

9.2. Tài liệu tham khảo:
3. Nguyễn Văn Nam và Vương Trọng Nghĩa (2005), Giáo trình thị trường chứng khoán, ĐH KTQD HN, Nxb Tài chính.

9.43C. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÀI CHÍNH CÔNG
- Mã học phần: 152095
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính ngân hàng

1. Mô tả học phần:
- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản cơ bản có tính hệ thống về quản lý tài chính công như: cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công. Quản

lý chu trình ngân sách Nhà nước ở ba khâu: lập dự toán NSNN, chấp hành dự toán NSNN và quyết toán NSNN; quản lý thu thuế và quản lý thu phí, lệ phí thuộc NSNN; quản lý chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên của NSNN; lý luận cơ bản và việc tổ chức cân đối NSNN; quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách Nhà nước như quỹ dự trữ quốc gia, quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam và quỹ bảo hiểm xã hội.

- Năng lực đạt được: Người học nắm vững các kiến thức cơ bản về quản lý tài chính công, vận dụng được quản lý chu trình NSNN.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức: Sau khi học xong môn học, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về tài chính công, quản lý tài chính công và có thể thực hiện được các công việc cụ thể như:

+ Nắm vững quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước, từ đó có thể lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

+ Áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.

+ Lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Phân loại chi NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc chi NSNN ở các cơ quan, đơn vị.

+ Phân loại thu NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc thu NSNN ở các cơ quan, đơn vị.

+ Quản lý thu phí, lệ phí ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập một cách hiệu quả.

+ Thực hiện một số quy trình quản lý thu thuế tại các cơ quan thuế, hải quan.

+ Quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính.

+ Quản lý tài chính ở các đơn vị sự nghiệp công lập về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính.

+ Lập kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn NSNN

+ Tính toán số vốn cấp phát tạm ứng theo tỷ lệ, thu hồi tạm ứng và số thanh toán cho công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Xây dựng bảng tổng hợp giá trị dự toán xây lắp cho công trình xây dựng cơ bản.

+ Tính toán mức chi thường xuyên của NSNN cho các cơ quan nhà nước theo chế độ, định mức.

+ Tính toán mức chi thường xuyên của NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ, định mức quy định. Xác định mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Đề xuất các biện pháp tăng mức độ tự chủ tài chính, sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Phân loại được các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng sau:

+ Kỹ năng vận dụng kiến thức vào phân tích, đánh giá hiệu quả của tài chính công như thu chi ngân sách, cân đối ngân sách.

+ Kỹ năng lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Kỹ năng lập các báo cáo quyết toán NSNN ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập.
+ Kỹ năng tính toán số vốn cấp phát tạm ứng theo tỷ lệ, thu hồi tạm ứng và số thanh toán cho công trình đầu tư xây dựng cơ bản.
+ Kỹ năng xây dựng bảng tổng hợp giá trị dự toán xây lắp cho công trình xây dựng cơ bản.
+ Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm để hoàn thành các công việc theo chuyên môn.
+ Kỹ năng lập luận, thuyết trình trước đám đông để giải quyết công việc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Những vấn đề cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công (2LT:3TL)

1.1. Những vấn đề cơ bản về tài chính công

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tài chính công
1.1.2. Chức năng của tài chính công
1.1.3. Các bộ phận cấu thành của tài chính công
1.1.4. Vai trò của tài chính công

1.2. Những vấn đề cơ bản về quản lý tài chính công

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quản lý tài chính công
1.2.2. Nội dung cơ bản của quản lý tài chính công
1.2.3. Nhiệm vụ và bộ máy quản lý tài chính công

Nội dung 2: Ngân sách Nhà nước và chu trình ngân sách Nhà nước (3LT:3TL)

2.1. Ngân sách Nhà nước (NSNN)

2.1.1. Khái niệm NSNN
2.1.2. Phân loại thu, chi NSNN
2.1.3. Mục lục NSNN

2.2. Quản lý chu trình Ngân sách Nhà nước

2.2.1. Nguyên tắc quản lý NSNN
2.2.2. Phân cấp quản lý NSNN
2.2.3. Quản lý chu trình NSNN

Nội dung 3: Quản lý thu Ngân sách Nhà nước (3LT:4TL)

3.1. Quản lý thu thuế

3.1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế
3.1.2. Hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam
3.2.3. Quản lý thu thuế

3.2. Quản lý thu phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước

3.2.1. Một số vấn đề cơ bản về phí và lệ phí thuộc NSNN
3.2.2. Quản lý thu phí, lệ phí thuộc NSNN

Nội dung 4: Quản lý chi đầu tư phát triển của Ngân sách Nhà nước (3LT:4TL)

4.1. Khái niệm, nội dung và đặc điểm chi đầu tư phát triển của NSNN

4.1.1. Khái niệm chi đầu tư phát triển của NSNN
4.1.2. Nội dung chi đầu tư phát triển của NSNN
4.1.3. Đặc điểm chi đầu tư phát triển của NSNN

4.2. Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN

4.2.1. Những vấn đề chung về quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản của NSNN
4.2.2. Lập và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của NSNN
4.2.3. Cấp phát thanh toán vốn đầu tư đối với các công trình thuộc dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN
4.2.4. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nội dung 5: Quản lý chi thường xuyên của NSNN (3LT:4TL)

5.1. Khái niệm, nội dung và đặc điểm chi thường xuyên của NSNN

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Nội dung

5.1.3. Đặc điểm

5.2. Các nguyên tắc quản lý chi thường xuyên của NSNN

5.2.1. Nguyên tắc quản lý theo dự toán

5.2.2. Nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả

5.2.3. Nguyên tắc chi trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước

5.3. Tổ chức quản lý chi thường xuyên của NSNN

5.3.1. Xây dựng định mức chi

5.3.2. Lập dự toán chi thường xuyên

5.3.3. Chấp hành dự toán chi thường xuyên

5.3.4. Quyết toán và kiểm toán các khoản chi thường xuyên của NSNN

Nội dung 6: Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (3LT:4TL)

6.1. Quản lý tài chính ở các cơ quan quản lý Nhà nước

6.1.1. Hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước

6.1.2. Kinh phí hoạt động của các cơ quan Nhà nước

6.1.3. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước

6.2. Quản lý tài chính đơn vị sự nghiệp công lập

6.2.1. Đơn vị sự nghiệp công lập

6.2.2. Cơ chế huy động vốn và vay vốn tín dụng

6.2.3. Quy định về quản lý tài sản Nhà nước

6.2.4. Quy định về hoạt động liên doanh, liên kết

6.2.5. Tài khoản giao dịch

6.2.6. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

6.2.7. Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động.

6.2.8. Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp do Ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động

Nội dung 7: Tổ chức cân đối NSNN (2LT:3TL)

7.1. Lý luận cơ bản về cân đối NSNN

7.1.1. Khái niệm cân đối NSNN

7.1.2. Một số học thuyết về cân đối NSNN

7.2. Bội chi NSNN

7.2.1. Khái niệm và cách tính bội chi NSNN

7.2.2. Nguyên nhân bội chi NSNN và nguồn bù đắp

7.3. Tổ chức cân đối NSNN ở nước ta

7.3.1. Cách tính bội chi NSNN và nguyên tắc thực hiện cân đối NSNN ở nước ta

7.3.2. Biện pháp quản lý NSNN để cân đối NSNN

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Dương Đăng Chinh, TS Phạm Văn Khoan - Giáo trình quản lý tài chính công - NXB Tài chính – Năm 2009.
2. Phạm Văn Khoan - Giáo trình quản lý tài chính công (Dành cho các lớp không thuộc chuyên ngành quản lý tài chính công) - NXB Tài chính - Năm 2007.

9*.2. Học liệu tham khảo:*

3. Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài - Tài chính công và phân tích chính sách thuế - NXB Lao động xã hội - Năm 2009.
4. Luật ngân sách nhà nước Sô 83/2015/QH13.

9.44A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

- Mã học phần: 152.020
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính ngân hàng

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Hệ thống các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại.
- Năng lực đạt được: Người học tìm hiểu được nguồn vốn mà ngân hàng đã huy động để hoạt động là những nguồn nào, đặc thù của ngân hàng được thể hiện trong việc huy động vốn là gì, xem xét ngân hàng đã sử dụng nguồn vốn đấy như thế nào, được cụ thể thông qua các nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ... Trên cơ sở những kiến thức cơ bản, vận dụng vào tính toán số tiền lãi khách hàng thu được khi gửi tiền, chi phí thực tế mà khách hàng phải trả khi sử dụng một khoản tiền của ngân hàng. Bên cạnh đó cũng thấy được ý nghĩa, vai trò hay tác động của các nghiệp vụ đó đối với nền kinh tế, đối với các doanh nghiệp hay dân cư.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức: Sau khi học xong môn học, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nghiệp vụ của ngân hàng thương mại và có thể thực hiện được các công việc cụ thể như:

+ Nắm vững kết cấu nguồn vốn của NHTM từ đó có thể quản lý nguồn vốn cũng như có những cách thức huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của NHTM.

+ Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận theo qui định hiện hành.

+ Xây dựng được chính sách huy động vốn: các sản phẩm tiền gửi, lãi suất, kỳ hạn, chính sách thu hút khách hàng,...

+ Xây dựng được các sản phẩm cho vay theo các tiêu chí cụ thể như: khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp; cho vay kinh doanh , cho vay tiêu dùng; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; cho vay bổ sung vốn lưu động, cho vay theo dự án đầu tư; cho vay từng lần, cho vay theo hạn mức tín dụng,...

+ Thẩm định khách hàng vay vốn trên các khía cạnh: thẩm định hồ sơ, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định tài chính khách hàng, thẩm định phi tài chính; Thẩm định tài sản thế chấp; thẩm định khả năng trả nợ.

+ Lập hồ sơ thẩm định khách hàng vay vốn, tham mưu hoặc thực hiện việc ký kết hợp đồng tín dụng với khách hàng.

+ Tính lãi phải trả, phải thu cho khách hàng theo các phương pháp thích hợp.

+ Thực hiện việc giám sát khách hàng vay vốn, đôn đốc, nhắc nhở thu hồi nợ đúng thời hạn; phát hiện những sai phạm trong quá trình sử dụng vốn vay.

+ Xử lý các khoản nợ có vấn đề như: ra hạn nợ, cơ cấu lại các khoản nợ; phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, thu hồi nợ kịp thời khi khách hàng có nguồn thu nhập khác để trả nợ.

+ Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, dự phòng chung.

+ Thực hiện nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá, cho vay trên bộ chứng từ hàng xuất, bao thanh toán cho khách hàng.

+ Thực hiện nghiệp vụ cho thuê tài chính.

+ Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng cho khách hàng như: Séc, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

+ Thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ thanh toán: thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ ATM.

+ Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và các dịch vụ ngân hàng khác.

2.2. Về kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ ngân hàng thương mại để có hình thành các kỹ năng cơ bản sau:

+ Kỹ năng phân tích thị trường, phân tích đặc điểm của từng loại tiền gửi, từng đối tượng khách hàng để tìm ra phương thức huy động vốn phù hợp cho ngân hàng.

+ Kỹ năng tư vấn cho khách hàng lựa chọn được phương thức đầu tư, phương thức tài trợ thích hợp.

+ Kỹ năng thẩm định các dự án đầu tư.

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm khi thực hiện các nghiệp vụ tín dụng, thanh toán, huy động vốn,...

+ Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp.

+ Kỹ năng thương lượng, đàm phán với khách hàng.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NGUỒN VỐN VÀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN CỦA NHTMM (3LT:4TL)

1.1. Nguồn vốn của NHTM

1.1.1. Vốn chủ sở hữu

1.1.2. Vốn huy động

1.1.3. Vốn đi vay

1.1.4. Nguồn vốn khác

1.2. Quản lý nguồn vốn của NHTM
1.2.1. Mục tiêu quản lý nguồn vốn của NHTM
1.2.2. Nội dung quản lý nguồn vốn của NHTM
1.2.3. Quy trình quản lý nguồn vốn của NHTM

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG TRONG CHO VAY (3LT:4TL)

2.1. Khái quát hoạt động cho vay của NHTM
2.1.1. Khái niệm về cho vay
2.1.2. Phân loại cho vay của NHTM
2.2.3. Quy định pháp ý lý về cho vay
2.2. Thời hạn cho vay
2.2.1. Căn cứ để xác định thời hạn cho vay
2.2.2. Thời hạn cho vay và thời hạn cho vay trung bình
2.3. Phương pháp cho vay
2.3.1. Phương pháp cho vay từng lần
2.3.2. Phương pháp cho vay theo hạn mức tín dụng
2.4. Lãi suất và phí suất tín dụng
2.4.1. Lãi suất tín dụng
2.4.2. Phí suất tín dụng
2.5. Quy trình cho vay

CHƯƠNG 3: NGHIỆP VỤ CHO VAY NGẮN HẠN CỦA NHTM (3LT:4TL)

3.1. Cho vay kinh doanh
3.1.1.Cho vay bổ sung vốn lưu động
3.1.2.Cho vay trên tài sản
3.1.3.Các hình thức cho vay khác
3.2. Cho vay tiêu dùng
3.2.1. Đặc điểm
3.2.2. Các loại cho vay tiêu dùng

CHƯƠNG 4: NGHIỆP VỤ CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA NHTM (3LT:4TL)

4.1. Cho vay theo dự án đầu tư
4.1.1. Một số vấn đề cơ bản về dự án đầu tư
4.1.2. Thẩm định dự án đầu tư
4.1.3. Quy trình thẩm định dự án đầu tư
4.2. Cho thuê tài chính
4.2.1. Một số vấn đề cơ bản về cho thuê tài chính
4.2.2. Phương pháp tính tiền thuê trong cho thuê tài chính
4.2.3. Quy trnh cho thuê tài chính
4.3. Cho vay tiêu dùng
4.4. Cho vay hợp vốn

CHƯƠNG 5: DỊCH VỤ THANH TOÁN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI (3LT:4TL)

5.1. Thanh toán bằng tiền mặt
5.1.1 Thanh toán bằng tiền mặt tại các chi nhánh ngân hàng
5.1.2. Thanh toán bằng tiền mặt trong hệ thống ngân hàng
5.2. Thanh toán không dùng tiền mặt của NHTM
5.2.1. Những vấn đề cơ bản về thanh toán không dùng tiền mặt
5.2.2. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt
5.2.3. Các dịch vụ thanh toán hiện đại khác

5.3. Thanh toán giữa các ngân hàng

CHƯƠNG 6: NGHIỆP VỤ KINH DOANH KHÁC CỦA NHTM (3LT:4TL)

6.1. Nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ

6.1.1. Tỷ giá hối đoái

6.1.2. Trạng thái ngoại tệ

6.1.3. Các phương thức giao dịch ngoại tệ

6.1.4. Các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ

6.2. Nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Đặc điểm

6.2.3. Các loại bảo lãnh ngân hàng

6.3. Dịch vụ kinh doanh chứng khoán

6.4. Dịch vụ thông tin tư vấn

6.5. Dịch vụ uỷ thác

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1 và 2) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Mùi, Giáo trình quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, 2008.

9.2. Tham khảo:

2. Nguyễn Văn Tiến, Giáo trình ngân hàng thương mại, NXB Thống kê, 2009

3. Tô Ngọc Hưng, nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng, NXB Thống kê, 2008

9.44B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

- Mã học phần: 152070
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Thống kê -Toán kinh tế

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của các đơn vị có tổ chức hoạt động sản

xuất, kinh doanh trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Nội dung thông tin cần thu thập gồm toàn bộ các yếu tố nguồn lực và chi phí để tái sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; thị trường đầu vào và đầu ra của đơn vị. Xây dựng phương pháp tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng phát triển và xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh của các đơn vị.

- Năng lực đạt được: Người học có thể vận dụng kiến thức đã học trong một số môn học khác và thực tế về thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. ***Về kiến thức:***

Sau khi học xong môn học, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động thống kê trong doanh nghiệp như thống kê giá thành, thống kê chi phí, kết quả, hiệu quả kinh doanh của DN. Từ đó sinh viên có thể thực hiện được các công việc cụ thể như:

+ Có kiến thức về hoạt động thu thập, tìm kiếm số liệu về thị trường, đối thủ cạnh tranh qua đó xây dựng các chương trình về marketing cho doanh nghiệp

+ Xác định được các yếu tố tạo ra giá trị sản xuất, giá trị gia tăng, giá trị gia tăng thuần, doanh thu, lợi nhuận từ đó tạo ra giá trị sản xuất, gia tăng giá trị gia tăng, tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp

+ Phân loại được các khoản mục chi phí nhằm xây dựng kế hoạch chi tiêu hợp lý cho doanh nghiệp

+Tham mưu, phối hợp với ban lãnh đạo doanh nghiệp để xây dựng phương án giá bán cho từng mặt hàng trong doanh nghiệp.

+ Xác định được các yếu tố tác động đến giá thành, năng suất lao động, doanh thu, chi phí... trong doanh nghiệp.

+ Xây dựng phương pháp đánh giá các nhân tố tác động đến sự biến động của giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, doanh thu, chi phí từ đó tham mưu giúp doanh nghiệp hạ giá thành sản phẩm, giảm chi phí, tăng năng suất lao động và doanh thu.

+ Đánh giá tài sản cố định trong doanh nghiệp, trích khấu hao TSCĐ từng kỳ cho doanh nghiệp

+ Đề xuất chính sách phù hợp trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản của doanh nghiệp.

+ Tư vấn phương án về nguồn nhân lực và sử dụng nguồn nhân lực phù hợp cho doanh nghiệp

***2.2. Về kỹ năng*:** Vận dụng những kiến thức trên sinh viên có thể thực hiện các kỹ năng như:

+ Kỹ năng xây dựng phương án điều tra, tìm kiếm thông tin về thị trường,đối thủ cạnh tranh của doanh nghiệp

+ Kỹ năng tính toán các chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

+ Kỹ năng tính toán giá thành đơn vị sản phẩm của doanh nghiệp, trên cơ sở đó xây dựng phương án giá hợp lý cho từng mặt hàng để đảm bảo doanh nghiệp hoạt động có lãi

+ Kỹ năng lập bảng cân đối lao động cho doanh nghiệp

+ Kỹ năng lập bảng cân đối tài sản cho doanh nghiệp

+ Kỹ năng tính toán các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp
+ Kỹ năng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của một số chỉ tiêu như: giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, tổng doanh thu, tổng chi phí...trong doanh nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP (3LT:4TL)

1.1 Đối tượng môn học

1.2 Vai trò của thông tin thống kê đối với quản lý doanh nghiệp

1.2.1 Thông tin xác định phương hướng sản xuất kinh doanh
1.2.2 Thông tin đảm bảo lợi thế cạnh tranh
1.2.3 Thông tin về kinh tế vĩ mô
1.2.4 Thông tin phục vụ tối ưu hoá sản xuất

1.3 Nguồn thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp

1.3.1 Nguồn thông tin do đơn vị tự tổ chức thu thập
1.3.2 Nguồn thông tin sẵn có
1.3.3 Nguồn thông tin do đơn vị mua từ các công ty tư vấn

1.4 Nhiệm vụ của công tác thông tin thống kê doanh nghiệp

CHƯƠNG II:THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (4LT:5TL)

2.1 Một số khái niệm cơ bản về kết quả sản xuất kinh doanh

2.1.1 Hoạt động sản xuất và hoạt động sản xuất kinh doanh
2.1.2 Các dạng biểu hiện kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
2.1.3 Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
2.1.4 Đơn vị đo lường kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

2.2 Hệ thống chỉ tiêu đo lường kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

2.2.1 Giá trị sản xuất
2.2.2 Giá trị gia tăng
2.2.3 Chi phí trung gian
2.2.4 Giá trị gia tăng thuần
2.2.5 Lợi nhuận kinh doanh
2.2.6 Doanh thu bán hàng
2.2.7 Doanh thu thuần

CHƯƠNG III: THỐNG KÊ GIÁ THÀNH SẢN XUẤT VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (4LT:5TL)

3.1 Khái niệm, ý nghĩa của các loại chỉ tiêu giá thành đối với công tác quản lý doanh nghiệp

3.1.1 Khái niệm chỉ tiêu giá thành tổng hợp
3.1.2 Các loại chỉ tiêu giá thành và ý nghĩa của nó đối với công tác quản lý DN

3.2 Nội dung kinh tế của chỉ tiêu giá thành

3.2.1 Xét theo nội dung kinh tế của chỉ tiêu giá thành
3.2.2 Xét theo khoản mục chi phí
3.2.3 Xét về cấu trúc giá trị
3.2.4 Xét về tính chất của chi phí

3.3 Phương pháp phân tích tài liệu thống kê giá thành của doanh nghiệp

3.3.1 Phân tích cấu thành của chỉ tiêu giá thành

3.3.2 Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến giá thành bình quân
3.3.3 Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến tổng chi phí sản xuất
3.3.4 Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến tổng lợi nhuận

3.4 Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

3.4.1 Khái niệm, ý nghĩa của chỉ tiêu hiệu quả kinh tế
3.4.2 Phân loại chỉ tiêu hiệu quả
3.4.3 Phương pháp tính chỉ tiêu hiệu quả

CHƯƠNG IV:THỐNG KÊ LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (4LT:5TL)

4.1 Thống kê số lượng và sự biến động lao động của doanh nghiệp

4.1.1 Thống kê số lượng lao động của doanh nghiệp.
4.1.2 Thống kê chất lượng lao động của doanh nghiệp
4.1.3 Thống kê biến động số lượng lao động trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp

4.2 Thống kê tình hình sử dụng số lượng và thời gian lao động của doanh nghiệp

4.2.1 Thống kê tình hình sử dụng số lượng lao động
4.2.2 Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động

4.3 Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp

4.3.1 Khái niệm và phương pháp tính năng suất lao động
4.3.2 Phân tích tài liệu thống kê lao động và năng suất lao động

CHƯƠNG V:THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG CỦA DN (3LT:5TL)

5.1 Khái niệm, phân loại và cách đánh giá tài sản cố định của doanh nghiệp

5.1.1 Khái niệm tài sản cố định
5.1.2 Phân loại tài sản cố định
5.1.3 Đánh giá tài sản cố định

5.2 Thống kê số lượng và sự biến động tài sản cố định của doanh nghiệp

5.2.1 Thống kê số lượng tài sản cố định
5.2.2 Nghiên cứu biến động tài sản cố định trong kỳ nghiên cứu - Bảng cân đối tài sản cố định

5.3 Thống kê khấu hao tài sản cố định

5.3.1 Một số khái niệm cơ bản có liên quan đến thống kê khấu hao tài sản cố định
5.3.2 Phương pháp thống kê khấu hao tài sản cố định

5.4 Đánh giá tình hình trang bị và sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp

5.4.1 Đánh giá tình hình trang bị tài sản cố định cho lao động
5.4.2 Đánh giá tình hình sử dụng tài sản cố định

5.5 Tài sản lưu động (TSLĐ) và vốn lưu động của doanh nghiệp

5.5.1 Khái niệm TSLĐ và vốn lưu động
5.5.2 Các chỉ tiêu đánh giá tình hình trang bị, sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Bắt buộc:

1. Phạm Ngọc Kiểm - Nguyễn Công Nhự, Thống kê kinh doanh, NXB Thống kê, 2004.

9.2. Tham khảo:

2. Trần Ngọc Phác - Trần Thị Kim Thu, Lý thuyết thống kê, NXB Thống kê, 2006.
3. Từ Điển, Phạm Ngọc Kiểm, Trần Minh Tuấn, 2009, Giáo trình thống kê doanh nghiệp, NXB Lao động – xã hội.

9.44C. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN BẢO HIỂM

- Mã học phần: 152000
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ
- Bộ môn phụ trách học phần: Tài chính ngân hàng

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: các khái niệm, nội dung, các nguyên tắc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm và của một số nghiệp vụ cơ bản về bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm con người; các phương pháp xử lý rủi ro của một số nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm dân sự khi có các sự kiện bảo hiểm xảy ra; các nguyên tắc và mục đích của một số loại hình bảo hiểm nhân thọ cơ bản.

- Năng lực đạt được: Người học vận dụng kiến thức đã học để thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản về bảo hiểm, xử lý được rủi ro, lựa chọn được các dịch vụ bảo hiểm phù hợp trong thực tiễn.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

Sau khi học xong môn học, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về lĩnh vực bảo hiểm thương mại, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội. Từ đó sinh viên có thể thực hiện được các công việc cụ thể như:

+ Nắm vững được những quy định trong hợp đồng bảo hiểm thương mại từ đó có thể thực hiện chính xác và đầy đủ các nội dung trong hợp đồng bảo hiểm khi thiết lập;

+ Chào bán các sản phẩm bảo hiểm;

+ Tư vấn, giới thiệu những sản phẩm bảo hiểm tới khách hàng;

+ Thu phí bảo hiểm theo quy định đồng thời sát sao và có trách nhiệm đối với các hợp đồng do mình đã ký kết với khách hàng;

+ Tiến hành trích lập dự phòng phí bảo hiểm theo nghiệp vụ và quy định của luật kinh doanh bảo hiểm;

+ Phối hợp với khách hàng và các ban ngành chức năng tiến hành giám định khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

+ Xác minh, điều tra đối với các rủi ro bất thường xảy ra trong thời hạn hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm thương mại;

+ Thông báo cho khách hàng những rủi ro loại trừ; đối với những rủi ro thuộc phạm vi bảo hiểm sẽ hoàn tất hồ sơ yêu cầu bồi thường và bồi thường cho khách hàng;

+ Phát hiện và xử lý những trường hợp, hành vi vi phạm hợp đồng, trục lợi bảo hiểm;

+ Thanh toán và chi trả số tiền bảo hiểm đối với các hợp đồng và sự kiện trong bảo hiểm nhân thọ;

+ Trích nộp và đóng BHYT, BHXH theo quy định của luật BHYT, BHXH;

+ Cấp phát thẻ BHYT cho người tham gia nhanh chóng và kịp thời đúng đối tượng, đủ số thẻ theo quy định;

+ Thực hiện các thủ tục nhanh chóng và gọn nhẹ khi chi trả các chế độ của BHXH cho người lao động;

+ Theo dõi, đôn đốc thường xuyên việc đóng BHYT, BHXH của các cơ quan , tổ chức

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế có đăng ký khám chữa bệnh BHYT;

+ Thanh toán các chi phí khám chữa bệnh đối với các cơ sở khám chữa bệnh BHYT cho người tham gia BHYT trên cơ sở thực tế số lượt khám-chữa bệnh, số giường bệnh;

+ Lập báo cáo thống kê định kỳ đảm bảo cân đối thu chi của quỹ BHYT, BHXH.

2.2. Về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng những kiến thức cơ bản để hình thành các kỹ năng:

+ Kỹ năng chào bán, giới thiệu và ký kết các hợp đồng bảo hiểm thương mại;'

+ Kỹ năng quan sát, phân tích và nhận biết các rủi ro, tổn thất đối với đối tượng được bảo hiểm tránh bỏ sót, bồi thường hay chi trả nhầm, không chính xác hoặc không đủ;

+ Kỹ năng tính phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm;

+ Kỹ năng tính toán giá trị bồi thường cho khách hàng;

+ Kỹ năng quản lý các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;

+ Kỹ năng tư vấn, thông tin cho khách hàng trước, trong và sau khi mua sản phẩrom bảo hiểm;

+ Kỹ năng giám sát quá trình trích, nộp, đóng BHXH, BHYT cũng như quy trình thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức;

+ Kỹ năng đàm phán với khách hàng gặp rủi ro.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ BẢO HIỂM (3LT:4TL)

1.1 Sự cần thiết khách quan và vai trò kinh tế - xã hội của bảo hiểm

1.1.1 Sự cần thiết khách quan của bảo hiểm.

1.1.2 Vai trò kinh tế - xã hội của bảo hiểm.

1.2 Sự ra đời và phát triển của bảo hiểm

1.3 Phân loại bảo hiểm

1.4 Bản chất của bảo hiểm

1.4.1 Định nghĩa về bảo hiểm.

1.4.2 Bản chất của bảo hiểm.

1.5 Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1.5.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm.

1.5.2 Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
1.6 Hợp đồng bảo hiểm
1.6.1 Khái quát chung về hợp đồng bảo hiểm.
1.6.2 Tính chất của hợp đồng bảo hiểm
1.6.3 Thiết lập, thực hiện và huỷ bỏ hợp đồng
1.6.4 Sửa đổi hợp đồng bảo hiểm
1.6.5Hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm
1.6.6 Tái tục hợp đồng bảo hiểm

CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM XÃ HỘI (3LT:4TL)

2.1 Bản chất và chức năng của bảo hiểm xã hội
2.1.1 Bản chất của bảo hiểm xã hội
2.1.2 Chức năng của bảo hiểm xã hội
2.2 Đối tượng, nguyên tắc và tính chất của bảo hiểm xã hội
2.2.1 Đối tượng tham gia của bảo hiểm xã hội
2.2.2 Nguyên tắc của bảo hiểm xã hội
2.2.3 Tính chất của bảo hiểm xã hội
2.3 Những quan điểm cơ bản về bảo hiểm xã hội
2.4 Nguồn quỹ bảo hiểm xã hội và mục đích sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội
2.4.1 Quỹ bảo hiểm xã hội
2.4.2 Mục đích sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội
2.5 Bảo hiểm xã hội tại Việt Nam

CHƯƠNG 3: BẢO HIỂM YTẾ (3LT:4TL)

3.1 Sự cần thiết khách quan của bảo hiểm ytế
3.2 Đối tượng và phạm vi của bảo hiểm ytế
3.2.1 Đối tượng của bảo hiểm ytế
3.2.2 Phạm vi của bảo hiểm ytế
3.3 Nguồn hình thành quỹ và mục đích sử dụng quỹ bảo hiểm ytế
3.3.1 Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm ytế
3.3.2 Mục đích sử dụng quỹ bảo hiểm ytế
3.4 Một vài nét về bảo hiểm ytế ở Việt Nam
3.4.1 Đối tượng tham gia của bảo hiểm ytế Việt Nam
3.4.2 Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm ytế Việt Nam
3.4.3 Trách nhiệm và quyền lợi của các bên trong bảo hiểm ytế Việt Nam

CHƯƠNG 4: BẢO HIỂM TÀI SẢN (3LT:4TL)

4.1. Khái quát về bảo hiểm tài sản
4.1.1 Đối tượng bảo hiểm của bảo hiểm tài sản
4.1.2 Đặc trưng của bảo hiểm tài sản
4.2 Nội dung cơ bản của một số nghiệp vụ bảo hiểm tài sản hiện hành
4.2.1 Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu bằng đường biển
4.2.1.3 Nội dung nghiệp vụ
4.2.2 BH vật chất xe cơ giới

CHƯƠNG 5: BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ (3LT:4TL)

5.1 Khái quát về bảo hiểm trách nhiệm dân sự
5.1.1 Khái niệm về trách nhiệm dân sự và bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
5.1.2 Đặc điểm của bảo hiểm trách nhiệm dân sự
5.2 Nội dung cơ bản một số nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm dân sự hiện hành
5.2.1 Bảo hiểm trách nhiệm của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba
5.2.2 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu

CHƯƠNG 6: BẢO HIỂM CON NGƯỜI (3LT:4TL)

6.1 Khái quát về bảo hiểm con người

6.1.1 Tác dụng của bảo hiểm con người

6.1.2 Đặc trưng của bảo hiểm con người

6.1.3 Phân loại bảo hiểm con người

6.2 Bảo hiểm nhân thọ

6.2.1 Khái niệm bảo hiểm nhân thọ

6.2.2 Những đặc điểm cơ bản của bảo hiểm nhân thọ

6.2.3 Các loại hình bảo hiểm nhân thọ cơ bản

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu bắt buộc (phải có tài liệu 1, 2 và 3) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Văn Định, Giáo trình bảo hiểm, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008.
2. Nguyễn Văn Định, Giáo trình quản trị kinh doanh bảo hiểm, NXB thống kê, 2004.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Trương Mộc Lâm – Lưu Nguyên Khánh, Một số điều cần biết về pháp lý trong kinh doanh bảo hiểm, NXB thống kê, 2001.
4. Trần Thị Hoà Bình – TS. Trần Văn Nam, Giáo trình Luật thương mại Quốc tế, NXB lao động – xã hội, 2005.

9.45A. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ

- Mã học phần: 151.065
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về đầu tư, đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hoá hoạt động đầu tư, kết quả và hiệu quả của hoạt động

đầu tư phát triển, những kiến thức cơ bản về môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

- Năng lực đạt được: Người học hiểu rõ về hoạt động đầu tư cũng như các công tác liên quan đến đầu tư của các cấp, các ngành, địa phương, phục vụ cho công việc của sinh viên sau khi ra trường.

2. Mục tiêu của học phần:

***2.1. Về kiến thức*:** Sinh viên hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp. Từ đó có thể vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tế.

2.2. *Về kỹ năng:* Từ các kiến thức đã học, sinh viên có thể vận dụng để tự lập cho mình một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, thẩm định về mặt tài chính của dự án. Sinh viên có thể đánh giá hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, đầu tư quốc tế và đầu tư công của địa phương và Việt Nam.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (4LT:6TL)

1.1.Khái niệm Đầu tư, Đầu tư phát triển

1.1.1. Khái niệm đầu tư

1.1.2. Khái niệm đầu tư phát triển

1.2. Bản chất của đầu tư phát triển

1.3. Đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển

1.4. Tác động của đầu tư phát triển đến tăng trưởng và phát triển

1.4.1. Trên góc độ vĩ mô

1.4.2. Trên góc độ vi mô

1.5. Nguồn vốn đầu tư

1.5.1. Khái niệm và bản chất của nguồn vốn đầu tư

1.5.2. Các nguồn huy động vốn đầu tư

1.5.3. Điều kiện huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

1.6. Quản lý nhà nước về đầu tư

1.6.1. Nguyên tắc quản lý đầu tư

1.6.2. Kế hoạch hóa hoạt động đầu tư phát triển

CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ (5LT:6TL)

2.1. Khái niệm, đặc điểm của môi trường đầu tư

2.1.1. Khái niệm của môi trường đầu tư

2.1.2. Đặc điểm của môi trường đầu tư

2.2. Phân loại các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư

2.3. Tác động của các yếu tố của môi trường đầu tư đến ý định và hành vi đầu tư

2.3.1. Môi trường tự nhiên

2.3.2. Môi trường chính trị

2.3.3. Môi trường pháp luật

2.3.4. Môi trường kinh tế

2.4. Chỉ số đánh giá môi trường đầu tư

2.4.1. Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh

2.4.2. Chỉ số xếp hạng rủi ro

2.4.3. Chỉ số nhận thức về tham nhũng

2.4.4. Xếp hạng kinh doanh

2.5. Mối quan hệ giữa môi trường đầu tư và chi phí đầu tư, rủi ro, rào cản cạnh tranh

2.5.1. Chi phí đầu tư

2.5.2. Rủi ro đầu tư

2.5.3. Rào cản cạnh tranh

2.6. Nhân tố ảnh hưởng đến quá trình cải thiện môi trường đầu tư và quan điểm cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam

2.6.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình cải thiện đầu tư

2.6.2. Quan điểm cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (5LT:6TL)

3.1. Kết quả của hoạt động đầu tư phát triển

3.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển

3.2.1. Hiệu quả về mặt tài chính

3.2.2. Hiệu quả về mặt kinh tế xã hội

CHƯƠNG 4: ĐẦU TƯ CÔNG

4.1. Khái niệm và mục tiêu của đầu tư công

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Mục tiêu của đầu tư công

4.2.Nguyên tắc và nội dung đầu tư công

4.2.1. Nguyên tắc đầu tư công

4.2.2. Nội dung đầu tư công

4.3. Các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư công

4.3.1. Chủ đầu tư

4.3.2. Đơn vị nhận ủy thác đầu tư công

4.3.3. Ban quản lý dự án đầu tư công

4.4. Giám sát và quản lý hoạt động đầu tư công

4.4.1. Giám sát hoạt động đầu tư công

4.4.2. Quản lý hoạt động đầu tư công

4.5. Môi quan hệ giữa đầu tư công và nợ công

4.5.1. Quy mô đầu tư công ảnh hưởng đến xu hướng nợ công

4.5.2. Đầu tư công kém hiệu quả làm tăng gánh nặng nợ công

4.5.3. Nợ công có ảnh hưởng đến đầu tư và đầu tư công

4.6. Đầu tư công tại Việt Nam

CHƯƠNG 5: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ (4LT:6TL)

5.1. Tổng quan về đầu tư quốc tế

5.1.1. Xu thế tất yếu của việc tăng cường quan hệ quốc tế trong đầu tư

5.1.2. Khái niệm và xu hướng đầu tư quốc tế

5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư quốc tế

5.2.1. Các nhân tố của nước nhận đầu tư

5.2.2. Các nhân tố của nước đi đầu tư

5.2.3. Các nhân tố trong khu vực và quốc tế

5.3. Vai trò của đầu tư quốc tế

5.3.1. Đối với nước đi đầu tư

5.3.2. Đối với nước nhận đầu tư

5.4. Quan hệ quốc tế trong đầu tư của Việt Nam

CHƯƠNG 6: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRONG DOANH NGHIỆP (4LT:6TL)

6.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại đầu tư phát triển trong doanh nghiệp

6.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp
6.1.2. Phân loại đầu tư phát triển trong doanh nghiệp

6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp

6.2.1. Lợi nhuận kỳ vọng
6.2.2. Lãi suất tiền vay
6.2.3. Tốc độ phát triển sản lượng
6.2.4. Đầu tư nhà nước
6.2.5. Chu kỳ kinh doanh

6.3. Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp

6.3.1. Nguồn vốn chủ sở hữu
6.3.2. Nguồn vốn nợ

6.4. Nội dung cơ bản của đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

6.4.1. Đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp
6.4.2. Đầu tư hàng tồn trữ trong doanh nghiệp
6.4.3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực
6.4.4. Đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ
6.4.5. Đầu tư cho hoạt động Marketing

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1, 2) và ĐỀ CƯƠNG học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảoluận và làm bài tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết thảo luận và bài tập. Làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Tài liệu chính

1. Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng, Kinh tế đầu tư, Nxb ĐHKTQD, năm 2013
2. Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Lập dự án đầu tư, Nxb ĐHKTQD, năm 2010.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Lập dự án đầu tư, NXB ĐHKTQD, năm 2008
4. Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

9.45B. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ QUỐC TẾ

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Mã học phần: 151040
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế - Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản có tính qui luật về sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các nước; Sự trao đổi hàng hoá và dịch vụ; sự di chuyển nguồn lực quốc tế; vấn đề nợ nước ngoài; cán cân thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Năng lực đạt được: Người học kiểm soát được quy trình và thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và hoạt động đầu tư quốc tế cơ bản, thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản trong thanh toán quốc tế.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên xây dựng được hệ thống kiến thức về:

- Tổng quan của nền kinh tế thế giới
- Nội dung các hoạt động thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái, hệ thống tiền tệ thế giới và vận dụng được vào thực tế
- Nguyên nhân, tác động của liên kết và hội nhập KTQT đối với mỗi quốc gia.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Học viên sau khi kết thúc học phần sẽ xây dựng được các kỹ năng thực hành sau:

- Trên cơ sở kiến thức về thương mại và đầu tư quốc tế, sinh viên vận dụng để kiểm soát được quy trình và thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và hoạt động đầu tư quốc tế cơ bản.
- Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản trong thanh toán quốc tế. Vận dụng những kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển nền kinh tế nói chung.

3. Nội dung học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔN KINH TẾ QUỐC TẾ (3LT:4TL)

1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học kinh tế quốc tế

1.1.1 Đối tượng và nhiệm vụ của môn học

1.1.2 Nội dung và phương pháp nghiên cứu của môn học

1.2. Những vấn đề chung về nền kinh tế thế giới

1.2.1. Khái niệm và các bộ phận cấu thành nền kinh tế thế giới

1.2.2. Cơ cấu của nền kinh tế thế giới

1.2.3. Các giai đoạn phát triển của nền kinh tế thế giới (tự học)

1.3. Những xu thế lớn trong sự vận động của nền kinh tế thế giới và dự báo tương lai của nền kinh tế thế giới

1.3.1. Những xu thế lớn trong sự vận động của nền kinh tế thế giới

1.3.2. Dự báo tương lai của nền kinh tế thế giới (tự học)

1.4. Những vấn đề có tính chất toàn cầu

1.4.1. Tính tất yếu khách quan của việc hình thành những vấn đề có tính chất toàn cầu

1.4.2. Khái quát về các vấn đề có tính chất toàn cầu

1.4.3. Ý nghĩa của các vấn đề có tính chất toàn cầu

1.5. Nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế

1.5.1. Cơ sở của việc hình thành và phát triển của các quan hệ kinh tế quốc tế

1.5.2. Nội dung của các quan hệ kinh tế quốc tế

1.5.3. Tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế

1.6. Những quan điểm của Đảng và Nhà nước VN về phát triển kinh tế đối ngoại.

1.7. Các nguồn lực và lợi thế của Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại.

1.7.1. Vị trí của nền kinh tế Việt Nam trong nền kinh tế thế giới

1.7.2. Các nguồn lực và lợi thế trong việc phát triển lĩnh vực KT đối ngoại ở VN

Chương 2: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (5LT:7TL)

2.1. Một số vấn đề chung
2.1.1. Khái niệm và nội dung thương mại quốc tế
2.1.2. Đặc điểm của thương mại quốc tế
2.1.3. Các phương thức giao dịch thương mại quốc tế
2.2. Lý thuyết về thương mại quốc tế
2.2.1. Quan điểm của phái trọng thương về thương mại quốc tế
2.2.2. Adam Smith với lợi thế tuyệt đối
2.2.3. David Dicardo với quy luật lợi thế so sánh
2.2.4. Một số lý thuyết mới về thương mại quốc tế (tự học)
2.3. Các nguyên tắc cơ bản trong thương mại quốc tế
2.3.1. Nguyên tắc tối huệ quốc
2.3.2. Nguyên tắc tương hỗ (có đi có lại)
2.3.3. Nguyên tắc đối xử quốc gia
2.3.4. Mở rộng tự do thương mại
2.3.5. Các nguyên tắc khác.
2.4. Chính sách thương mại quốc tế
2.4.1. Khái niệm chính sách thương mại quốc tế
2.4.2. Vai trò và nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế
2.5. Các công cụ của chính sách thương mại quốc tế
2.5.1. Thuế quan và những tác động của nó
2.5.2. Hàng rào phi thuế quan
2.6. Những xu hướng cơ bản trong thương mại quốc tế và đàm phán đa phương
2.6.1. Chính sách thương mại tự do
2.6.2. Chính sách thương mại bảo hộ
2.6.3. Đàm phán thương mại đa phương (tự học)
Chương 3: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ DI CHUYỂN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (3LT:4TL)
3.1. Đầu tư quốc tế
3.1.1 Khái niệm và nguyên nhân đầu tư quốc tế
3.1.2. Các loại hình đầu tư quốc tế
3.1.3. Một số vấn đề đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (tự học)
3.2. Di chuyển lao động quốc tế
3.2.1 Khái niệm và nguyên nhân di chuyển lao động quốc tế
3.2.2. Những tác động của di chuyển lao động quốc tế
3.2.3. Tình hình xuất khẩu lao động của Việt Nam (tự học)
Chương 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ, THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VÀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (3LT:4TL)
4.1. Cán cân thanh toán quốc tế
4.1.1. Khái niệm và các nguyên tắc hạch toán
4.1.2. Các bộ phận của cán cân thanh toán
4.1.3. Mối quan hệ giữa cán cân thường xuyên và thu nhập quốc dân.
4.2. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái
4.2.1. Thị trường ngoại hối
4.2.2. Tỷ giá hối đoái
4.3. Hệ thống tiền tệ quốc tế (tự học)
4.3.1. Những vấn đề chung về hệ thống tiền tệ quốc tế
4.3.2. Các hệ thống tiền tệ quốc tế
Chương 5: LIÊN KẾT VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ (3LT:4TL)

5.1. Liên kết kinh tế quốc tế

5.1.1. Khái niệm và đặc trưng của liên kết kinh tế quốc tế

5.1.2. Các loại hình liên kết kinh tế quốc tế

5.1.3. Tác động của liên kết kinh tế quốc tế đến các mối quan hệ KTQT

5.1.4. Một số tổ chức liên kết kinh tế quốc tế tiêu biểu

5.2. Hội nhập kinh tế quốc tế

5.2.1. Tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế

5.2.2. Hội nhập KTQT của Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2013), Nxb ĐHKTQD Hà Nội. Giáo trình Kinh tế quốc tế - Chương trình cơ sở.

9.2. Sách tham khảo:

2. Vũ Hữu Tửu (2007), Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Thị Chỉnh (2008), Quan hệ kinh tế quốc tế, Nxb Thống kê.

9.45C. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ CÁC NGÀNH

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã học phần: 151005
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế - Khoa Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Tổng quan về các ngành trong nền kinh tế quốc dân, bao gồm đặc điểm, vai trò của các ngành, cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu ngành. Mục tiêu và phương hướng phát triển các ngành kinh tế của Đảng Nhà nước; Đặc điểm vai trò các nguồn lực (Vốn, Lao động, KHCN, TNTN) trong việc phát triển kinh tế. Giới thiệu một số hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Cung cấp cho sv một số phương pháp xét hiệu quả kinh tế trong việc lựa chọn phương án đầu tư hoạt động SXKD.

- Năng lực đạt được: Phân tích, trình bày, giải thích được các vấn đề cơ bản về đặc điểm kinh tế của các ngành trong nên kinh tế quốc dân.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Phân tích được những kiến thức cơ bản về đặc điểm kinh tế của các ngành trong nền kinh tế quốc dân

- Trình bày được cách thức tổ chức SXKD sử dụng các nguồn lực nhằm phát triển các ngành của nền kinh tế trong cơ chế thị trường theo định hướng XHCN.
- Giải thích được mối liên hệ giữa nguyên lý kinh tế với việc tổ chức sản xuất trong các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ và hiểu rõ các chủ trương của chính phủ về phát triển các ngành kinh tế của nền kinh tế quốc dân nhằm thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trong nền kinh tế thị trường.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Giải thích được các bài tập tình huống giả định qua đó giúp người học nắm vững nội dung của học phần
- Xây dựng được một cách cơ bản về định hướng phát triển các ngành trong nền kinh tế

3. Nội dung học phần

Chương 1: CƠ CẤU KINH TẾ TRONG CÁC NGÀNH CỦA NỀN KTQD (7LT:10TL)

1.1. Sự hình thành các ngành trong nền kinh tế quốc dân

1.1.1 Khái niệm nền kinh tế quốc dân.

1.1.2 Sự hình thành các ngành trong nền kinh tế quốc dân

1.2 Đặc điểm của các ngành trong nền kinh tế quốc dân.

1.2.1. Ngành sản xuất nông nghiệp

1.2.2. Ngành sản xuất công nghiệp

1.2.3. Ngành dịch vụ

1.3. Cơ cấu kinh tế trong các ngành

1.3.1. Lý luận chung về cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.3.2. Nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu KT trong các ngành

1.3.3. Quan điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế,Giải pháp tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Chương 2: TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG CÁC NGÀNH (4LT:4TL)

2.1. Tổ chức sản xuất trong các ngành sản xuất vật chất

2.1.1. Thực chất, vị trí cuả tổ chức sản xuất

2.1.2. Các hình thức tổ chức sản xuất trong các ngành SXVC

2.2. Các loại hình tổ chức kinh doanh trong các ngành sản xuất vật chất

2.2.1. Doanh nghiệp qui mô vừa và nhỏ

2.2.2.Doanh nghiệp qui mô lớn và tập đoàn kinh doanh

2.2.3. Xí nghiệp liên hợp

Chương 3: QUẢN LÝ CÁC YẾU TỐ NGUỒN LỰC CỦA QUÁ TRÌNH SXKD TRONG CÁC NGÀNH KINH TẾ (4LT:7TL)

3.1. Khoa học và công nghệ đối với phát triển các ngành kinh tế

3.1.1. Khái niệm khoa học, công nghệ

3. 1. 2. Vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển các ngành kinh tế

3. 1. 3. Phương hướng đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất

3.1.4. Biện pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh quá trình đổi mới công nghệ

3.1.5. Chuyển giao công nghệ

3.2. Vốn trong phát triển các ngành kinh tế

3.2.1. Vốn và vai trò của vốn đối với phát triển các ngành kinh tế

3.2.2. Đặc điểm của nguồn vốn đầu tư với phát triển các ngành kinh tế

3.2.3. Các giải pháp chủ yếu để huy động và sử dụng vốn

3.3. Lao động

3.3.1. Thực chất và yêu cầu của quản lý lao động trong các ngành sản xuất kinh doanh

3.3.2. Nội dung quản lý lao động trong các ngành

3.4. Tài nguyên thiên nhiên với phát triển các ngành kinh tế

3.4.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên

3.4.2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên

3.4.3. Những vấn đề đặt ra đối với việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Chương 4: HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG CÁC NGÀNH KINH TẾ (3LT:7TL)

4.1. Bản chất và tiêu chuẩn của hiệu quả kinh tế

4.1.1. Bản chất của hiệu quả kinh tế

4.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kinh tế

4.3.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế

4.2. Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế.

4.2.1. Thực chất và sự cần thiết phải đánh giá hiệu quả kinh tế

4.2.2. So sánh chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của các phương án

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Đặng Đình Đào (2002), Kinh tế các ngành TMDV, Nxb Thống kê.

9.2 Học liệu tham khảo:

2. Nguyễn Đình Phan, Nguyễn Kế Tuấn (2007), Kinh tế và quản lý công nghiệp, Nxb ĐHKTQD.

9.48. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Mã học phần: 153033
- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán quản trị

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích của BCTC, kỳ lập, thời hạn nộp, nơi nhận BCTC, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành và phương pháp lập, phân tích BCTC

- Năng lực đạt được: Người học đủ khả năng phân tích đánh giá và tư vấn cần thiết cho chủ đơn vị về BCTC phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn, đồng thời làm cơ sở nghiên cứu các học phần tiếp theo.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về lập và phân tích BCTC; có khả năng phân tích cấu trúc tài chính và tình hình bảo đảm vốn, phân tích được khả năng thanh toán hiện thời, khả năng thanh toán nhanh, ... và xác định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng thu thập thông tin; Kỹ năng lập Báo cáo tài chính; Kỹ năng hệ thống hóa và xử lý thông tin tài chính kế toán thông qua việc vận dụng các phương pháp phân tích, kỹ thuật phân tích cụ thể; Kỹ năng tổ chức phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. Hình thành củng cố phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng vận dụng thực hành và độc lập nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan trong học tập và trong thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (5LT:7TL)

1.1. Khái niệm và mục đích của báo cáo tài chính
1.2. Kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo tài chính
1.3. Đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên báo cáo tài chính
1.4. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp
1.5. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong báo cáo tài chính
1.6. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính

Chương 2 - PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (6LT:7TL)

2.1. Thông tin chung về doanh nghiệp
2.2. Hướng dẫn lập và trình bày bảng cân đối kế toán
2.3. Hướng dẫn lập và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
2.4. Hướng dẫn lập và trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ
2.5. Phương pháp lập và trình bày thuyết minh báo cáo tài chính

Chương 3 - PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (6LT:7TL)

3.1. Khái niệm phân tích báo cáo tài chính
3.2. Nguồn dữ liệu phân tích
3.3. Mục tiêu phân tích
3.4. Các phương pháp phân tích báo cáo tài chính
3.5. Tổ chức phân tích báo cáo tài chính

Chương 4 - PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH VÀ TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM VỐN CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (5LT:8TL)

4.1. Phân tích cấu trúc tài chính
4.2. Phân tích tình hình bảo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh

Chương 5 - PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH (5LT:7TL)

5.1. Phân tích khả năng thanh toán
5.2. Phân tích hiệu quả kinh doanh
5.3. Phân tích dự báo

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất phải có tài liệu 1) và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành, tích cực tham gia thảo luận.

- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết thảo luận, làm bài tập, thực hành.
- Có đầy đủ bài kiểm tra theo quy định

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: Bảng, máy tính, máy chiếu để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1 Giáo trình chính

1. Nguyễn Văn Công, Phân tích BCTC, NXB Giáo dục, 2017.
2. Trần Mạnh Dũng, Phạm Đức Cường, Đinh Thế Hùng, Lập, đọc, phân tích và kiểm tra BCTC, NXB Tài chính, 2017.

9.2 Tài liệu tham khảo

3. Trương Bá Thanh, Phân tích tài chính, Nxb Thống kê, 2005
4. Nguyễn Năng Phúc, Phân tích BCTC, NXB ĐH KTQD, 2013.

9.49. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH KIỂM TOÁN

-Mã học phần: 153034
-Số tín chỉ: 02 (18, 0,24)
-Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán tài chính 2.
-Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán tài chính

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Thực hành những kiến thức kiểm toán tài chính đã được học trên các tình huống thực tế.
- Năng lực đạt được: Người học lập được kế hoạch và tiến hành các thủ tục kiểm toán theo các chương trình kiểm toán cụ thể, tổng hợp được kết quả kiểm toán, tổ chức được một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hoàn chỉnh.

2. Mục tiêu học phần

* Kiến thức:
- Người học có thể lập được kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện được các thủ tục kiểm toán chi tiết tất cả các phần hành kế toán
- Lập được thư trao đổi với khách hàng về kết quả kiểm toán

* Kỹ năng:
- Có kỹ năng làm việc nhóm
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kiểm toán

* Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THỰC HÀNH KIỂM TOÁN (4LT:0TL: 4TH)

1.1 Tổng quan về hồ sơ kiểm toán
1.2 Phương pháp tiếp cận kiểm toán báo cáo tài chính

1.3 Các thủ thuật tin học văn phòng phổ biến trong kiểm toán báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2: LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN (5LT:0TL: 8TH)

2.1 Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

2.2 Tìm hiểu các chính sách kế toán và các chu trình kinh doanh chủ yếu.

2.3 Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính

2.4 Xác định mức trọng yếu

2.5 Xác định phương pháp chọn mẫu, cỡ mẫu

2.6 Tổng hợp kế hoạch kiểm toán

CHƯƠNG 3: THỰC HIỆN KIỂM TOÁN (5LT:0TL: 8TH)

3.1 Kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền

3.2 Kiểm toán khoản mục Phải thu của khách hàng

3.3 Kiểm toán khoản mục Hàng tồn kho

3.4 Kiểm toán khoản mục Chi phí trả trước và các tài sản ngắn hạn khác

3.5 Kiểm toán khoản mục Tài sản cố định hữu hình

3.6 Kiểm toán khoản mục Vay

3.7 Kiểm toán khoản mục Phải trả nhà cung cấp

3.8 Kiểm toán khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

3.9 Kiểm toán khoản mục Phải trả người lao động và các khoản trích theo lương.

3.10 Kiểm toán các khoản mục Doanh thu

3.12 Kiểm toán khoản mục Giá vốn hàng bán

3.13 Kiểm toán khoản mực Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.14 Kiểm toán khoản mục doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

CHƯƠNG 4: KẾT THÚC KIỂM TOÁN (4LT:0TL: 4TH)

4.1 Tổng hợp các bằng chứng kiểm toán

4.2 Phát hành báo cáo kiểm toán

4. Yêu cầu của học phần

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng,
máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Chương trình kiểm toán mẫu, Hiệp hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, 2016.

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Hướng dẫn thực hành kiểm toán, Lê Thị Kim Yến, Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng, 2019.

10. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

10.1. ***CTĐT trong nước***

1. Trường đại học Kinh tế quốc dân, Chương trình đào tạo ngành kiểm toán (2017).
2. Trường đại học Thương Mại, Chương trình đào tạo ngành kiểm toán (2019)
3. Học viện tài chính, chương trình đào tạo ngành kiểm toán (2018)
4. Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh, chương trình đào tạo ngành kiểm toán (2018)
5. Đại học kinh tế Đà Nẵng, chương trình đào tạo ngành kiểm toán (2018)

10.2. CTĐT nước ngoài

1. Trường đại học Sydney, Úc, Chương trình đào tạo đại học kiểm toán (2018)
2. Trường đại học London, Anh Quốc, Chương trình đào tạo cử nhân kiểm toán (2017)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;
- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

11.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT,VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

11.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

11.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

11.5. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo).

Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng./.

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Q. HIỆU TRƯỞNG

TS Hoàng Nam